

BÁCH KHOA

SỐ 39 — NGÀY 15.8.1958

Trong số này :

TIÊU-DẪN	Nước Pháp và giải pháp De Gaulle.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Xã hội theo Nho giáo.
DƯƠNG-TUYÊN DẪ-PHÚ PHAN-VỌNG-HỨC	Những bài thơ hay của Băng-Hồ-Công Trần-Nguyên-Đán.
PHÙNG-BÁ-KHANH	Lược sử Thuộc Bắc.
NGUYỄN-NGU-Í	Nguyễn-Huệ.
PHAN-SƠN-VŨ	Văn đề báo chí tại Hoa-Kỳ.
TỪ QUYÊN ĐẶNG-VĂN-NHÂM	Chùa Thiên-Mụ.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	Tiếng Địa phương.
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Từ điển y ngữ.
N. T. M. T. D.	Độc thơ.
CÔ-LIÊU	Những trang nhật ký viết bằng máu và nước mắt.
PHAN-LẠC-TUYÊN	Hát một mình (thơ).
VÕ-PHIẾN	Lỡ-làng.
NGUYỄN-NGU-Í và XUÂN-HIẾN	Dòng Bến-Hải (thơ).
KIỀU-YIÊU	Cô Bảy họ Tiều (dịch Liêu-Trải).
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch)	Hành lộ nan (thơ Lý-Bạch).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kính thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Trũ*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thợ-Trũ*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

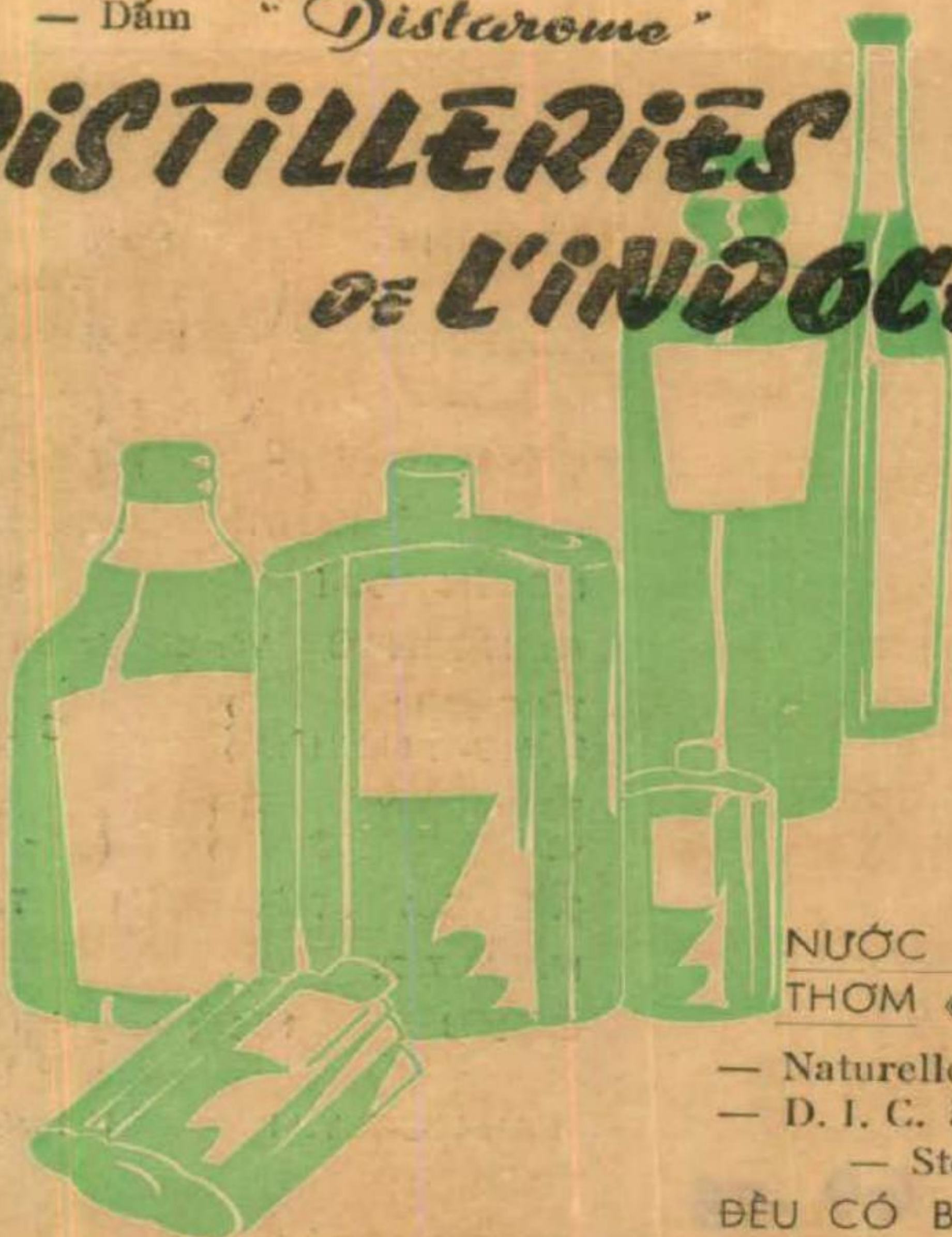
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 3 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30

} mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

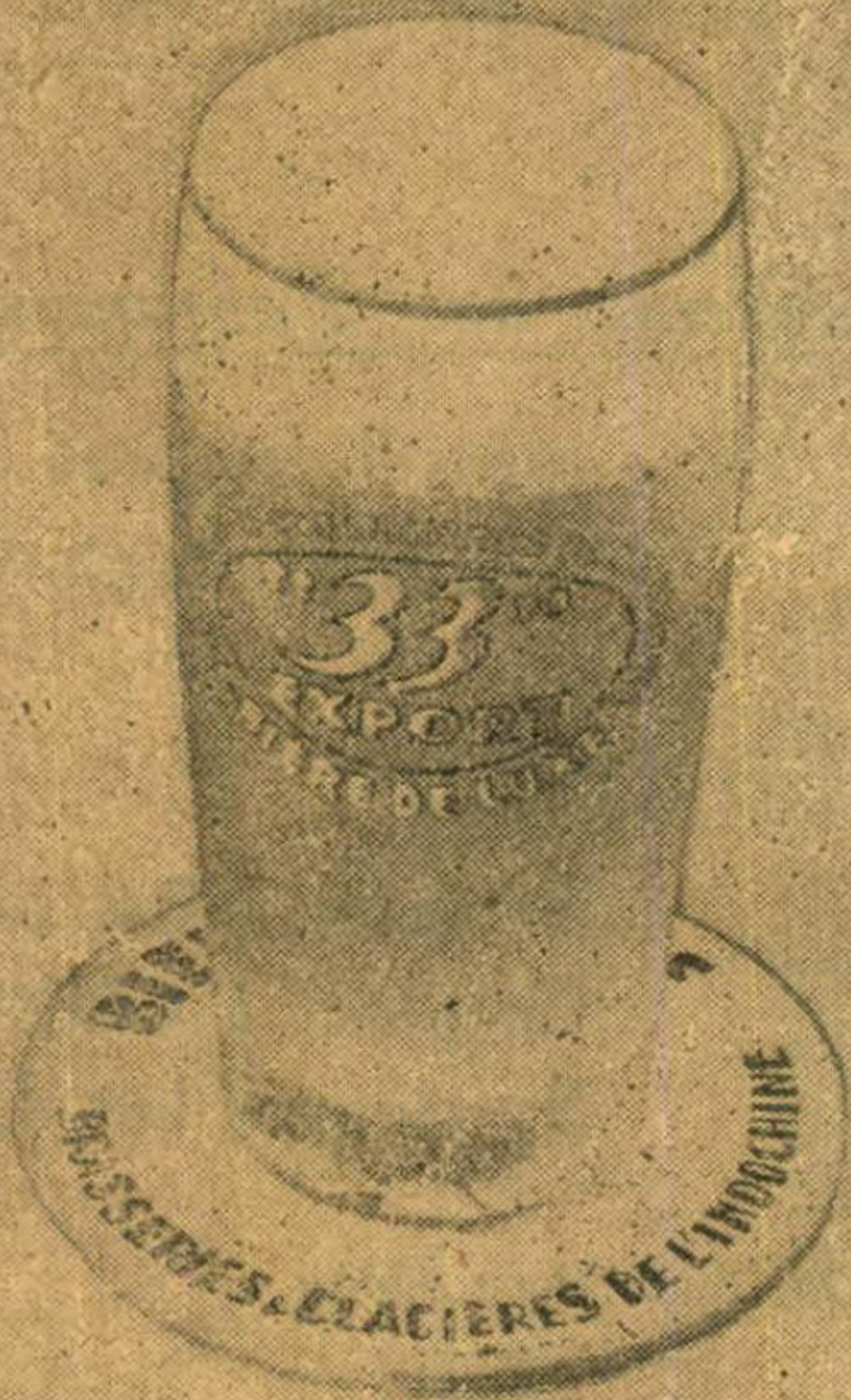
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON



Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

DALAT

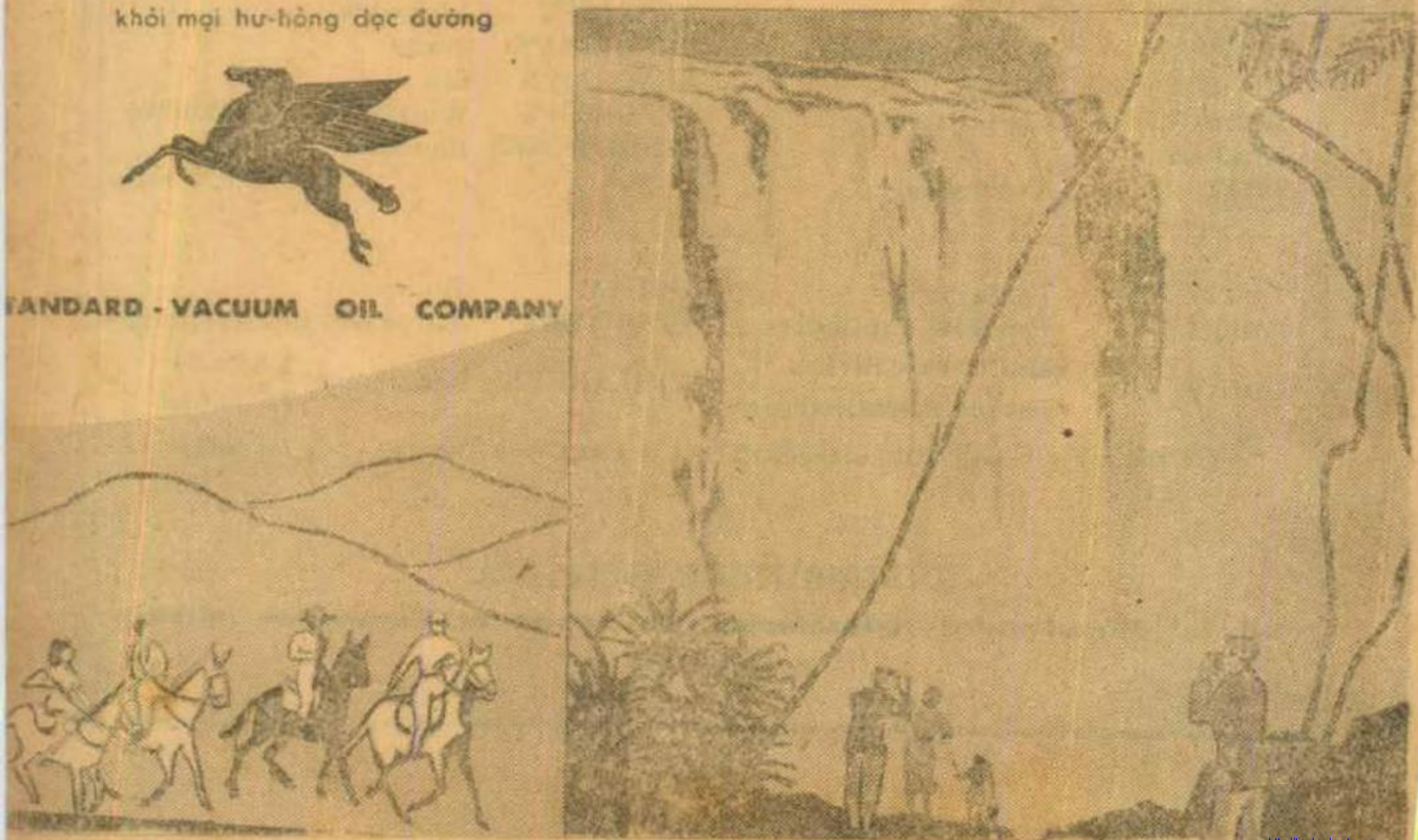
Với khí-hậu mát-mẽ và phong-cảnh thần tiên của miền Cao-Nguyên, DALAT quả là hiên-đường đối với những người sống ở nơi đô-thị nóng bức và ồn-ào. Tại đây, có bao nhiêu thú vui đang chờ đón du-khách, nào núi rừng rục-rỡ với tiếng thông reo vi-vút trên sườn cao, tiếng suối chảy róc-rách trong khe đá nào thú trượt nước trên mặt hồ xanh biếc ngay giữa trung tâm thành-phố, nào thú chơi gôn hay cưỡi ngựa rong ruổi dưới bóng ngọn Lang Biang.

Tối đến, lại có thú ngồi nói chuyện hay đọc sách quanh ngọn lửa reo vui trong lò sưởi.

Từ Saigon lên Dalat để hưởng tất cả những lạc thú ấy, du-khách chỉ phải lái xe trong khoảng sáu tiếng đồng hồ qua những miền đồng-quê phong cảnh thật ngoạn-mục. Du-khách có thể lái xe lên Dalat mà không sợ nửa đường xe hỏng phải dừng lại nơi ven rừng heo lánh, nếu trước khi đi chiếc xe của du khách đã được đem xem lại tại hãng Con Ngựa Bay đó. Dầu mỡ hiệu MOBIL và kỹ-thuật của hãng STANVAC sẽ bảo-đảm cho chiếc xe của du-khách tránh khỏi mọi hư-hỏng dọc đường.



STANDARD - VACUUM OIL COMPANY



BÁCH-KHOA

Số 39 — Ngày 15.8.1958

TIÊU-DÂN	Nước Pháp và giải pháp De Gaulle.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Xã hội theo Nho giáo.
DƯƠNG-TUYỀN DÃ-PHÚ } PHAN-VỌNG-HÚC }	Những bài thơ hay của Băng-Hồ-Công Trần-Nguyên-Đán.
PHÙNG-BÁ-KHANH	Lược sử về Thuốc Bắc.
NGUYỄN-NGU-Í	Nguyễn-Huệ.
PHAN-SƠN-VŨ	Vấn đề báo chí tại Hoa-Kỳ.
TỬ-QUYÊN } ĐẶNG-VĂN-NHÂM }	Chùa Thiên-Mụ.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGU-Í }	Tiếng địa phương.
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN . .	Từ-điển y ngữ.
N.T.M.T.D	Độc thơ.
CÔ-LIÊU	Những trang nhật ký viết bằng máu và nước mắt.
PHAN-LẠC-TUYÊN	Hát một mình (thơ).
VÕ-PHIẾN	Lỡ làng.
NGUYỄN-NGU-Í } và XUÂN-HIẾN }	Dòng Bến Hải (thơ).
KIỀU-YIÊU	Cô Bảy họ Tiêu (dịch Liễu-trai).
Á-NAM } TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) }	Hành lộ nan (thơ Lý-Bạch).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch).	Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|-----------------------|---|--|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Chế độ dân chủ mác-xít.</i> |
| PHẠM-DUY-LÂN | : | <i>Thị trường chung Âu-châu.</i> |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : | <i>Việc giữ cửa Hàn năm Mậu-ngọ (1858).</i> |
| NGUYỄN-HIỂN-LÊ | : | <i>Chính sách chính trị của Nho giáo.</i> |
| THIÊN-GIANG | : | <i>Ta phải lưu ý đến cái tiềm lực vĩ đại có sẵn trong đứa trẻ.</i> |
| PHAN-VỌNG-HÚC | : | <i>Tài liệu văn học : Hải-Thuận lần ông Lê-hữu-Trác.</i> |
| TÂN-FONG-HIỆP | : | <i>Bách-Thất-Bưởi.</i> |
| NGUYỄN-ĐỒNG | : | <i>Trương-Vĩnh-Ký.</i> |
| PHÙNG-BÁ-KHANH | : | <i>Lược sử về thuốc Bắc.</i> |
| VŨ-KÝ | : | <i>Đến viếng Ghandi.</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Thế hệ J 3 ở Anh và Pháp.</i> |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | : | <i>Lược-khảo về Tam-quốc diễn nghĩa.</i> |
| NGUYỄN-HỮU-NGU | : | <i>Tôi thăm Bến-hải.</i> |
| NTMTD và SÀI PHỦ VIỆT | : | <i>Nửa giờ với « anh khóa » thi sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải.</i> |
| THÁI-VĂN-KIỀM | : | <i>Sưởi nước nóng ở Việt-Nam.</i> |
| LÊ-VĂN | : | <i>Con quốc mồi (truyện ngắn).</i> |
| LAN-ĐÌNH | : | <i>Người đi tìm (truyện ngắn).</i> |
| KIỀU-YIÊU | : | <i>Vương-Quế-Am (dịch Liêu-trai).</i> |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**



NƯỚC PHÁP VÀ GIẢI PHÁP DE GAULLE

(tiếp theo và hết)

TIỂU-DẪN

II. — Giải pháp De Gaulle.

Chúng tôi đã kết thúc phần nhận định về tình hình nước Pháp Đệ tứ Cộng-hòa bằng một câu hỏi vốn là mối băn khoăn của mọi người. De Gaulle có giải đáp được chăng nhu cầu lịch sử ?

Ở đây, chúng tôi sẽ không làm cái việc táo bạo và bất hợp lý là mang lại một câu trả lời dứt khoát, trong khi thủ tướng De Gaulle mới bắt tay vào việc. Tuy nhiên, chúng tôi mong muốn nêu lên một số nhận định và sự kiện, dựa vào đây ta có thể theo dõi sự tiến hành của giải pháp De Gaulle và trong một chừng mực nào, quan niệm giá trị của giải pháp

này một cách không sai lạc quá với thực tế. Chúng ta bắt đầu xét xem tướng De Gaulle gặp những khó khăn, thuận lợi nào trong việc thực hiện nhiệm vụ cứu quốc mà nhân dân Pháp đã giao phó cho ông.

A. — Những thuận lợi.

De Gaulle bước ra nắm chính quyền với ba yếu tố thuận lợi:

— Tình hình tư tưởng và tâm lý của nhân dân Pháp.

— Sự đe dọa của nội chiến sau các chính biến ở Alger và đảo Corse.

— Uy tín cá nhân (được thời cuộc làm tăng triển bội phần).

1. — TƯ TƯỞNG VÀ TÂM LÝ NHÂN DÂN

Về tư tưởng, tâm lý của nhân dân Pháp, chúng tôi đã đề cập đến trong phần tình hình nước Pháp Đệ tứ Cộng hòa. Có thể tóm tắt : nhân dân Pháp mệt mỏi, chán chường vì sự bất lực của chính quyền, sự tranh chấp của các chính đảng ở nghị trường, sự thất bại của các giải pháp chính trị liên tiếp và khoắc khổ màu sắc từ hữu, đến ôn hòa sang tả ; họ đòi hỏi một sự thay đổi sâu xa về cơ cấu chế độ, chính sách và nhân vật lãnh đạo.

Họ sẵn sàng chấp nhận giải pháp De Gaulle vì con Người 18 tháng 6 (*) là một chính khách độc lập không dính líu đến các chính đảng hiện có, hay đúng hơn, không chịu trách nhiệm về những thất bại của các chính đảng ấy và từ mười mấy năm nay đã đòi hỏi một sự thay đổi cơ cấu chế độ Cộng-hòa.

Một đồng nghiệp hàng ngày đã loan tin De Gaulle nắm chính quyền với tiêu đề : « Ngựa đã thuần rồi... (xin mời ngài lên) ». Nhận định hoàn cảnh thuận lợi cho De Gaulle như thế hiển nhiên là hợp lý. Nhưng ta cũng nên lưu ý đến hai tính chất tích cực và tiêu cực gần như chống nghịch nằm trong điều kiện thuận lợi này.

Tính chất tích cực : nhân dân Pháp muốn cứu vãn quốc gia và bảo vệ chế độ Cộng-hòa.

Tính chất tiêu cực : họ nặng nề sống buông xuôi, đòi cái mới vì quá chán cái cũ chứ thật ra cũng không hình dung cái mới sẽ ra sao hoặc ấn định những tiêu chuẩn cho cái mới.

Tương lai sẽ trả lời cho ta rõ tính chất nào đậm đà hơn. Nếu nhân dân

Pháp nặng về ý thức trách nhiệm đối với quốc gia và chế độ, họ sẽ ủng hộ De Gaulle có điều kiện. Trái lại, nếu họ nặng buông trôi, phôi sao hay vậy, họ sẽ không phản ứng dù rằng một chế độ độc tài cá nhân thay vào chế độ Cộng-hòa, Dân chủ.

Thuận lợi về dân chúng mà thủ tướng De Gaulle đang hưởng hiện nay rất quan trọng nhưng lại rất tương đối về ngày mai vậy.

Chúng ta bước qua thuận lợi thứ hai của De Gaulle.

2. — NỘI CHIẾN HOẶC DE GAULLE

Hồi tưởng những gì đã xảy ra sau biến cố chính trị 13 tháng 5 vừa rồi tại Algérie, người ta không khỏi suy nghĩ về nội dung phức tạp của thuận lợi này đối với việc De Gaulle nắm chính quyền.

Ngày 13 tháng 5, Ủy-ban Cứu-quốc thành lập tại Algérie do tướng Massu cầm đầu. Ngày 24 tháng 5, ủy-ban cứu-quốc đảo Corse xuất hiện. Trong khoảng thời gian ấy nhiều cuộc biểu tình rầm rộ diễn ra ở nhiều địa điểm tại Algérie do Pháp quân kiểm soát. Từ Algérie vọng về chính quốc nhiều lời tuyên bố này nọ của phái quân nhân làm cuộc chính biến. Họ lên án chính sách phế bỏ hoặc mềm yếu của các nội các Pháp đối với Algérie, họ quyết tranh đấu cho Algérie vĩnh viễn thuộc về nước Pháp và đề thực hiện chương

(*) Ngày 18 tháng 6 năm 1940, De Gaulle tuyên cáo tại Luân-Đôn cuộc kháng chiến tiếp tục của Pháp.

trình cứu nước, — theo ý nghĩa nước Pháp phải hùng mạnh, thống nhất và bất khả phân — họ tạm nắm tất cả quyền lực Dân, Chính tại Algérie và đòi tướng De Gaulle ra nắm chính quyền. Hơn thế, Ủy ban cứu quốc Alger lại còn đe dọa sẽ dùng đến biện pháp vũ lực để bắt buộc chính quốc thừa nhận chương trình của họ.

Hành động của phe Massu, nhất là sau vụ Ủy-ban cứu-quốc xuất hiện ở quê hương Napoléon (Corse), đã gây những phản ứng khá mãnh liệt tại Pháp.

Người ta thấy rõ rằng phe quân nhân ly khai ở Algérie nhằm tấn công không phải chỉ vào chính sách đối với Algérie mà chính là vào nền Đệ-tứ Cộng-hòa. Viễn tượng của một chế độ độc tài cá nhân bóp chết tất cả tự do dân chủ làm cho mọi người lo lắng. Trong khi cánh hữu và cánh ôn hòa hoan nghênh giải pháp De Gaulle thì cánh tả và các lực lượng nghiệp đoàn ra mặt chống đối. Ngày 28 tháng 5 tại Ba-lê các chính đảng tả phái và các nghiệp đoàn tổ chức một cuộc biểu tình lớn lao gồm 200.000 người, phản đối âm mưu chính trị của phe Massu, tuyên bố quyết tâm bảo vệ chế độ Cộng-hòa và những cơ cấu dân chủ của chế độ.

Nội chiến. — Tình hình bấy giờ thật là khàn trương. Phe quân nhân ở Algérie đòi De Gaulle nắm chính quyền. Các chính đảng hữu phái tuy công khai kết án sự bạo động của Massu và bè đảng nhưng tán thành sự kêu gọi đến Người 18 tháng 6. Trái lại các chính đảng phái tả và lực lượng thợ thuyền chống lại.

Người ta chứng kiến một cảnh tượng phân hóa lực lượng khá rõ ràng: một

bên là các chính đảng hữu phái với phe Massu và Quân đội, một bên đối nghịch là các chính đảng tả phái và lực lượng thợ thuyền đông đảo và, xa xa một chút, ở một vị trí gần như khách quan, phần lớn dân chúng Pháp.

Tình hình sẽ kết thúc ra sau đây ? Nước Pháp ở bên lề một cuộc nội chiến nhưng nước Pháp không muốn có nội chiến.

De Gaulle vậy. — Sau sự thay đổi thái độ của các đảng tả phái nhất là Xã-hội và Cấp-tiến, kéo theo sự đồng tình của các nghiệp đoàn không Cộng-sản, hiểm họa một cuộc nội chiến đã bị loại trừ: giải pháp De Gaulle được chấp nhận.

Vì sao phe tả và các nghiệp đoàn nhượng bộ và tránh nội chiến ? Ai cũng thấy rằng một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn sẽ làm cho nước Pháp càng suy yếu. Sự tán thành De Gaulle ở phút chót hiển nhiên là phát xuất từ một căn bản tình thần yêu nước vậy. Tựu trung, người ta còn lưu ý đến một điểm khác: Chấp nhận giải pháp De Gaulle, cánh tả và lực lượng nghiệp đoàn không Cộng-sản còn muốn tránh cho nước Pháp hiểm họa Cộng-sản.

Trong những ngày nguy kịch nhất của nền Đệ tứ Cộng-hòa, một nhân vật hữu trách đã tuyên bố: « ... Thà để cho nước Pháp sa vào vòng loạn lạc còn hơn là mời Cộng-sản ra nắm chính quyền... » Đó là nói về trường hợp Cộng-sản Pháp có thể ra lập nội các bằng đường lối hợp với hiến pháp. Huống nữa, trường hợp xảy ra nội chiến, trong đó dù muốn dù không, Quốc gia phải đứng chung với Cộng-sản một hàng trận chống quân phiệt phát xít, nhất là trong đó Cộng-sản có thể lợi

dụng chiêu bài bảo vệ chế độ Cộng-hòa để khuynh đảo chính trị, phát triển ảnh hưởng, nắm lực lượng thợ thuyền, lôi kéo dân chúng.

Ứng hộ có điều kiện. — Như ta đã thấy phe tả và đa số thợ thuyền chấp nhận giải pháp De Gaulle trên lập trường dân tộc, chống Cộng. Thái độ của họ là kết quả của bao nhiêu dẫn đo suy tính. Do đó, thuận lợi đối với giải pháp De Gaulle là một thuận lợi quan trọng. Giờ đây tất cả đảng phái quốc gia vui lòng hòa hoãn tất cả tranh chấp ý thức hệ và quyền lợi để tướng De Gaulle thí nghiệm một chính sách mới. Từ 1946 đến nay, không có một chính khách nào được bộ máy nghị trường và lực lượng chính trị của nền Đệ tứ Cộng-hòa dành cho mọi sự dễ dàng khi lập Nội các như thế.

Tuy nhiên, cũng do đó mà ta nhận thấy rằng tướng De Gaulle phải hành động rất thận trọng để vận dụng một thuận lợi có thể trở thành một khó khăn vào một hoàn cảnh nào đó, chẳng hạn như trường hợp một chế độ độc tài cá nhân xuất hiện.

1) Theo ý kiến của ông (bà), việc tướng De Gaulle trở ra nắm chính quyền phải chăng là :

• Một điều lợi lớn	54%	đồng ý
• Một điều hại lớn	9%	»
• Không có ý kiến	11%	»

2) Tướng De Gaulle đã yêu cầu được toàn quyền hành động trong 6 tháng. Sau thời kỳ này, ông (bà) thích chọn nhân vật nào làm thủ tướng chính phủ ?

Guy Mollet	Duclos	Mendès-France	Pflimlin	Gaillard	Soustelle	Pinay	Thống-chế Juin	Tướng Massu	Poujade	Không có ý kiến	DE GAULLE
7,5%	6%	6%	4%	4%	4%	4%	1,5%	1,5%	1,5%	18%	42%

(*) Trích của đồng nghiệp hàng ngày J. E. O.

3.— VỊ ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Thuận lợi đáng kể nữa tức là uy tín của tướng De Gaulle. Mười mấy năm nay, dù De Gaulle đã rút lui khỏi chính trường, sống cuộc đời ẩn dật tại Colombey des deux églises, người ta vẫn không quên ông; nhất là những lúc có khủng hoảng nội các, một số người hay nhắc đến con Người chủ trương một chính sách đề cao nước Pháp, dựa vào một chính quyền đủ uy tín và hiệu lực (politique de grandeur).

Trừ đảng Cộng-sản Pháp ra, các chính đảng, các nghiệp đoàn không Cộng-sản, trong những ngày còn chống giải pháp De Gaulle, đã thận trọng phân biệt phe quân phiệt Massu với « Người 18 tháng 6 », dù rằng Massu và phe đảng hành động để đưa De Gaulle ra nắm chính quyền.

Viện Trưng cầu ý kiến công chúng ở Pháp cho ta tài liệu sau để nhận định về uy tín của De Gaulle. (*)

Dưới đây là những câu hỏi chính và những câu trả lời tính theo phần trăm.

Nhìn vào kết quả trên, người ta tự hỏi : số người được phỏng vấn có tiêu biểu cho tất cả tầng lớp nhân dân Pháp chăng ? Dù sao, với lối làm việc thận trọng và khoa học của Viện Trung Cầu ý kiến công chúng Pháp, nhất là với truyền thống dân chủ tự do của nhân dân Pháp, ta có thể nghĩ rằng kết quả ấy cũng không xa cách sự thật quá nhiều. Chứng đó đủ cho ta ghi nhận một điều kiện thuận lợi cho giải pháp De Gaulle vậy.

B.— Khó khăn.

Nhưng nếu so sánh thuận lợi và khó khăn, người ta thấy rằng chính phủ De Gaulle phải đương đầu với nhiều khó khăn rất lớn ; bên cạnh những khó khăn, các thuận lợi kể trên với thời gian, mất đi khá nhiều tác dụng.

1. — CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI CÁ NHÂN HAY ĐỆ NGŨ CỘNG HÒA ?

Ý nghĩa sâu xa nhất của cuộc chính biến 13 tháng 5 tại Algérie là sự phản ứng của thiểu số tư bản thực dân cố bám vào quyền lợi ở đây, trước tình trạng suy yếu của chế độ Cộng-hòa. Nhóm người ấy liên kết với số tư bản thực dân ở chính quốc, dựa vào quân đội để hành động. Việc làm cũng như bao nhiêu lời tuyên bố ở Algérie chứng tỏ rằng họ muốn thiết lập chế độ độc tài cá nhân De Gaulle.

Điều cần chú ý là họ nắm được lực lượng chiến đấu quan trọng nhất, quân đội Pháp tại Algérie và quân đội này đang say sưa với chiến quả chính trị, hẳn không bao giờ quên rằng sự can thiệp của mình đã thay đổi chiều hướng lịch sử quốc gia.

Như vậy, người ta có thể nghĩ rằng nhóm Massu sẽ không ngừng tranh đấu để kiến tạo một chế độ lý tưởng của họ.

Khả năng bảo vệ Dân chủ. — Xét về mặt khác, ta lại thấy nhân dân Pháp nhất là thợ thuyền và các chính đảng tả phái, trong khi ủng hộ De Gaulle, tranh đấu kiến tạo những giá trị mới cho chế độ Cộng-hòa và thành lập những cơ cấu bảo đảm thể hiện các giá trị ấy. Tuy không có sự cam kết công khai giữa bên này và bên kia, ta có cảm tưởng rằng tướng De Gaulle và các chính đảng, nghiệp đoàn và nhân dân đều ngầm hiểu rằng họ hợp tác với nhau trên một căn bản thỏa hiệp : một chế độ mạnh mẽ, hiệu quả trong đó những nhân quyền và dân quyền được tôn trọng, bảo vệ. Sự thỏa hiệp ở đây có ý nghĩa là các chính đảng tả phái, các nghiệp đoàn thợ thuyền và dân chúng chịu để De Gaulle làm cuộc thí nghiệm chính trị của ông ta. Về phần De Gaulle, ông phải thấy rằng sự nhượng bộ ấy có giới hạn của nó. Giới hạn của nhân quyền và dân quyền.

Một chế độ Dân chủ mới kiểu Pháp. — Tướng De Gaulle đứng trước một tương quan lực lượng mới. Một bên là phe cực hữu, xu hướng quốc gia cực đoan, — phát xít nữa — dựa vào quân đội, một bên là phe tả dựa vào thợ thuyền và quần chúng. Hai lực lượng đối nghịch hiện nay tạm thời hòa hoãn, đều quan trọng.

Dù muốn dù không, chế độ mới mà De Gaulle sẽ tạo lập với sự thay đổi hiến pháp, phải mang đậm đà những sắc thái thực tiễn ấy.

Phe Massu đòi hỏi một chế độ quốc gia mạnh mà thực chất là nền độc tài cá nhân.

Phe tả tán thành một chế độ quốc gia mạnh mà nội dung là nền dân chủ có trách nhiệm và hiệu quả.

Như thế, người ta nghĩ rằng thủ tướng De Gaulle phải thận trọng điều hòa những xu hướng trái nghịch, phát kiến một hình thức trung dung tạm thời thỏa mãn tất cả.

Ta có thể tin rằng sau khi bản dự thảo cải tổ hiến pháp được đưa ra trưng cầu dân ý, nền Đệ ngũ Cộng-hòa Pháp sẽ xuất hiện. Chế độ mới sẽ dân chủ nhưng là dân chủ có thực quyền, có trách nhiệm phân định, gần giống như chế độ Tổng-thống Mỹ. Một chế độ dân chủ mới kiểu Pháp vậy. Tưởng cũng nên thêm rằng chế độ này không liên quan gì đến các chế độ « Dân chủ nhân dân » hoặc « Dân chủ mới » của Cộng-sản quốc tế. Chúng tôi dùng « Dân chủ mới » là để liên hệ so sánh với « Dân chủ Đại nghị » cũ của nước Pháp Đệ tứ Cộng hòa mà thôi.

Khó khăn căn bản. — Một chế độ như vậy tất nhiên là tiến bộ, ghi một trang sử hưng khởi mới của nước Pháp. Tuy nhiên khi bao nhiêu tình cảm hân hoan đã lắng xuống, khi người ta bình tâm nhìn thẳng con đường phải đi trước mặt, mọi người phải nhận thấy một số khó khăn lớn lao mà chính bản chất chế độ đẻ ra.

Tình hình nước Pháp về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội v... v... đòi hỏi một sự hưng khởi mạnh mẽ, một công

cuộc xây dựng từ nền tảng. Thủ tướng De Gaulle cần quyết đoán, đi mạnh, đi mau, cần hi sinh những quyền lợi bộ phận, trước mắt, để tranh thủ những lợi ích toàn cuộc và lâu dài. Ông có thể làm được như vậy chăng ?

Ở đây ta thấy nổi lên một mâu thuẫn. Tình hình khách quan có nhiều hướng thúc đẩy De Gaulle đi vào con đường độc tài cá nhân. Hiến pháp giữ ông lại trong giới hạn dân chủ có trách nhiệm phân định.

Bao lâu mà De Gaulle không tìm được một lối thoát hợp lý như thực hiện một mặt trận Liên hiệp quốc dân kiến quốc chẳng hạn, mâu thuẫn đã nói sẽ là một trở ngại lớn cho sứ mệnh lịch sử của ông.

2. — NGƯỜI MỚI, VẤN ĐỀ CŨ: ĐƯỜNG LỐI NÀO ?

Từ khó khăn trong khuôn khổ cơ cấu chế độ, ta bước qua nhà xem những khó khăn mà thủ tướng De Gaulle có thể vấp phải về chính sách, chủ trương,

Algérie. — Người ta chưa hiểu rõ nội các De Gaulle sẽ đem lại một giải pháp nào mới và thực tiễn cho vấn đề. Trong các cuộc nói chuyện tại Alger, Constantine v.v..., De Gaulle đã tuyên bố rằng ông chủ trương sáp nhập Algérie vào nước Pháp (Intégration). Nhưng lại có tin cho hay rằng thủ tướng Pháp có cho những người thân cận tiếp xúc với các nhân vật kháng chiến Algérie. Cũng như có dư luận rằng ông đang nghiên cứu một quy chế liên bang trong đó Algérie sẽ gia nhập với tư cách

quốc gia tự trị. Nếu De Gaulle đi theo lối mòn của các chính phủ trước để bám chặt vào Algérie một cách mù quáng, ta có thể dự đoán sự thất bại của ông.

Không! Ta có quyền nghĩ rằng De Gaulle sẽ áp dụng một chính sách hiệu biết và thực tiễn hơn như thừa nhận quốc cách của Algérie, nhận Mặt Trận Giải phóng quốc gia Algérie là kẻ đối thoại duy nhất có giá trị, đàm phán để đi đến chấm dứt chiến tranh. Nhưng như vậy thì phe Massu có đề cho ông hành động theo ý muốn chăng? Khó khăn là ở đó.

Kiến thiết quốc gia. — Ngoài vấn đề Algérie, khó khăn lớn nhất của các chính phủ trước là nhu cầu dung hòa giữa công cuộc xây dựng kinh tế và yêu sách cải thiện dân sinh.

Theo ý kiến các nhà chuyên môn thì nước Pháp đang trải qua một cuộc khủng hoảng trường thành về kinh tế. Một nhận xét nữa là nền kinh tế Pháp bị ràng buộc quá chặt chẽ với thị trường quốc tế. Chỉ cần một biến cố như sự thu hẹp hoặc giảm suy kinh doanh bên ngoài là đủ gây chao đảo cho nền kinh tế Pháp. Để xây dựng kinh tế quốc gia, những nội các trước đã từng đề ra những biện pháp động viên sự góp sức của tất cả từng lớp nhân dân. Nhưng sức phản ứng đã dậy lên từ các hướng. Các nhà tư sản nhất là các nhóm tài phiệt phản đối việc tăng thuế lợi tức, việc giảm trợ cấp sản xuất kinh

doanh. Tờ Express đã từng than thở tình trạng này: « ... Những kẻ cực lực lên án chính sách phế bỏ ở Algérie lại là những kẻ ngần ngại khi cần phải đóng góp một phần tài lực vào ngân sách... »

Quan trọng nhất là phong trào phản ứng của thợ thuyền và công, tư chức. Các tầng lớp này cho rằng việc phân trách xây dựng kinh tế quốc gia bất công, không hợp lý, tất cả gánh nặng đều trút cả lên đầu các tầng lớp lao động chân tay và trí óc. Họ đòi hỏi các chính đảng tả phái tranh đấu cùng một nhịp với các nghiệp đoàn để yêu cầu tăng lương, bình ổn vật giá v.v... Từ hơn mười năm nay hai nhu cầu xây dựng kinh tế và cải thiện dân sinh luôn luôn hạn chế lẫn nhau, làm tê liệt sinh hoạt kinh tế và xã hội.

De Gaulle sẽ thắng chăng ở chỗ các chính khách kia đã thất bại?

Ông sẽ áp dụng chính sách kiến thiết quốc gia nào để khỏi gặp sức phản ứng của hai phe tả và hữu? Chúng ta chờ xem.

Chính sách quốc tế độc lập. — Từ lâu rồi, nhân dân Pháp cũng như nhân dân thế giới hiểu rằng nếu nắm quyền lãnh đạo nước Pháp lần nữa, De Gaulle sẽ thi hành một chính sách đối ngoại độc lập, độc lập theo ý nghĩa là đặt quyền lợi quốc gia trên hết, nâng cao vị trí của một cường quốc. Người ta cũng bàn luận rằng De Gaulle sẽ đặt vấn đề liên

minh với thế giới tự do, chủ yếu là với Anh Mỹ trên nền tảng đấu tranh xây dựng chứ không phải hoàn toàn bị động như từ trước đến nay.

Những ngày gần đây, tin tức báo chí cho biết rằng De Gaulle chủ trương đưa nước Pháp lên hàng một cường quốc nguyên tử (chế tạo bom nguyên tử), tranh thủ quyền ăn nói đối với vấn đề Trung Đông, thừa nhận Trung-Cộng vào Liên hiệp quốc...

Lập trường quốc tế của thủ tướng De Gaulle hiển nhiên là có lợi cho nước Pháp. Lợi ích đầu tiên là nhân dân được thỏa mãn về tinh thần quốc gia và tin tưởng thêm ở vận mệnh đất nước.

Tuy nhiên trong hiện tình tranh chấp giữa hai khối, một thái độ không thống nhất đối với một vấn đề ở một phe, đương nhiên bị đối phương khai thác, lợi dụng ngay. Người ta tự hỏi thủ tướng De Gaulle có đường lối như thế nào để điều hòa quyền lợi Pháp và quyền lợi thế giới tự do. Không khéo một chút, một bước vô tình về hướng Trung lập, chính phủ De Gaulle sẽ làm nghiêng ngả thế quân bình quốc tế nhất là ở lục địa Châu Âu. Quyền lợi chung của thế giới tự do sẽ bị tổn thương. Và trước hết, nước Pháp sẽ trả một giá đắt vì chính sách biệt lập, — chứ không phải độc lập, của mình.

Đây cũng là một khó khăn mà thủ tướng De Gaulle phải vượt qua để củng cố vị trí cường quốc của nước Pháp vậy.

C. — Triển vọng.

Đáng lẽ chúng tôi dừng bút ở đây. Và chờ đợi. Thời gian sẽ soi sáng hơn về giá trị của giải pháp De Gaulle.

Nhưng chúng tôi tưởng có thể nêu lên ngay từ bây giờ một yếu tố tình hình, mong rằng dựa vào đây ta có thể theo dõi một cách thuận lợi hơn sự tiến triển của giải pháp De Gaulle.

Đó là yếu tố *Thời gian*. Chúng tôi nghĩ rằng ta không thể đánh giá nội các De Gaulle như đánh giá các nội các trước, nghĩa là trong một thời gian ngắn, sau khi nội các được tấn phong bắt tay vào việc.

Nước Pháp sẽ hùng cường hơn hay suy yếu thêm, chế độ Cộng hòa Pháp sẽ mạnh vững hơn hay biến đổi dần tính chất, chúng tôi tưởng khi nắm trong tay những sự kiện thực tế để giải đáp những câu hỏi ấy, ta còn phải chứng kiến *một thời gian ổn định tương đối dài ở Pháp*.

Trước hết vì bản hiến pháp được sửa đổi làm cho quốc hội khó lật đổ nội các.

Một lý do nữa quan trọng hơn là sách lược hòa hoãn mà các lực lượng chính trị đối nghịch ở Pháp phải theo, vì quyền lợi của các lực lượng ấy.

Cánh hữu và phe Massu cần thời gian để củng cố thắng lợi chính yếu là đưa được De Gaulle ra nắm chính quyền. Đã biết đánh vào nền Đệ tứ Cộng-hòa một đòn quyết liệt vào hoàn cảnh thuận

lợi nhất, họ phải có đủ sự khôn khéo, sáng suốt để ước lượng mức chịu đựng của tả phái, thợ thuyền và dân chúng Pháp. Hơn nữa với một nhân vật lãnh đạo như De Gaulle, họ cũng phải thận trọng trong những mưu toan gây áp lực.

Về phần cánh tả và các nghiệp đoàn, họ cũng cần thời gian. Tình hình mới đã đảo lộn tương quan lực lượng chính trị trong nước. Phe hữu bỗng nhiên có ưu thế. Thì phe tả cần kiểm điểm, sắp xếp và củng cố lại hàng ngũ, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh tương lai.

Theo thiên kiến của chúng tôi, nước Pháp sẽ trải qua một thời kỳ có chính quyền ổn định vậy.

Và nhấn mạnh về yếu tố thời gian như thế, chúng tôi có ý nghĩ rằng chỉ mãi về sau này, ta mới có thể đánh giá sát đúng giải pháp De Gaulle.

Từ đây đến ngày đó, nhân dân Pháp cầu mong thủ tướng De Gaulle có đủ sáng suốt và nghị lực để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ lịch sử trọng đại của mình, xây dựng một nước Pháp hùng mạnh xứng đáng là một cường quốc.

Nhất là tránh cho nước Pháp mỗi họa của một chế độ độc tài cá nhân hay phát xít.

Đầu Tháng 8 năm 1958

TIÊU-DÂN

Danh ngôn, danh lý

NGHỆ THUẬT LÀM THỦ LÃNH :

NHỮNG ĐIỀU CẦN THIẾT CHO MỘT THỦ LÃNH

★ Người thủ lãnh được quyền chỉ huy, chính không phải bởi tại có tài năng mà bởi tại đã được chính thức ủy nhiệm. Song người thủ lãnh có phát triển tài năng của mình thì mới làm tròn nghĩa vụ thủ lãnh và mới mưu được lợi ích chung cho đoàn thể một cách hữu hiệu.

★ Hành sử quyền là một cách thử tài đức của thủ lãnh, khiến cho kẻ không có đủ tài đức làm thủ lãnh phải lộ chân tướng ra ngay và khiến cho những người ở dưới quyền chỉ huy của thủ lãnh thiếu tài đức có cảm giác thủ lãnh của họ là kẻ tiềm quyền.

XÃ HỘI

THEO

NHO GIÁO

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRONG tạp chí này, số 11 ngày 15-6-1957, tôi đã xét về tính cách chính trị của Nho-giáo và đã chứng thực rằng Nho-giáo là một triết lý chính trị, chứ không phải là một tôn giáo. Nhà Nho cách vật trí tri đề thành ý, chính tâm, nhờ đó mà tu được thân, mà mục đích của sự tu thân là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Vậy khi nghiên cứu Nho giáo, ta phải đứng về phương diện chính trị trước hết; những quan niệm về luân lý, giáo dục trong đạo Nho hầu hết đều là những kết quả của những nguyên lý về chính trị.

Mà một trong những nguyên lý quan trọng nhất của đạo Nho là *mọi vật không bình đẳng với nhau về bản chất.*

Nguyên lý ấy dựng trên một quan niệm về huyền học. Dịch - Hệ từ thượng truyện có câu: « Trời là quý, đất là hèn, địa vị càn khôn đã định, thấp cao đã bày, quý tiện đã yên ». Dịch-Tự quái truyện cũng nói: « Có trời đất rồi sau mới có vạn vật, có vạn vật rồi sau mới có trai gái, có trai gái rồi

sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi, có vua tôi rồi sau mới có trên dưới, có trên dưới rồi sau lễ nghĩa mới có chỗ thi hành. »

Khổng-Tử chỉ diễn nguyên lý đó trong kinh Dịch mà ít khi đem bàn với môn đệ. Đến đời sau, Mạnh - Tử phát huy nó mạnh mẽ để đả phá một chủ trương chống sự phân chia giai cấp, tức chủ trương của Hứa-Hành, một triết gia đồng thời với ông. Hứa-Hành hô hào rằng muốn cho nước bình trị thì mọi người phải cày lấy ruộng, nấu lấy cơm mà ăn, không có ai trị ai, không có ai nuôi ai nữa. Trần-Tương, một môn đệ của Hứa-Hành đem thuyết đó nói với Mạnh-Tử. Mạnh-Tử đáp :

« Có việc của người lớn, có việc của người nhỏ (...) Người thì lao tâm, kẻ thì lao lực. Người lao tâm thì trị người, kẻ lao lực thì để người ta trị mình. Kẻ để người ta trị mình thì phải nuôi người ta ; kẻ trị người thì được người ta nuôi

lại. Nghĩa thông thường trong thiên hạ là thế. »

Trần-Tương bênh vực đạo của thầy mình, bảo :

« Cứ theo cái đạo của Hứa-Tử thì chợ không có hai giá, trong nước không có sự giả dối. Dù sai đưa trẻ ra chợ cũng không bị ai lừa đảo. Dù vải hay lụa mà dài ngắn bằng nhau thì cùng bán một giá ; dù gai, sợi hay tơ bông mà nặng nhẹ bằng nhau thì cùng bán một giá ; ngũ cốc nhiều ít bằng nhau thì cùng bán một giá ; giày hay dép lớn nhỏ bằng nhau thì cùng bán một giá. » Nghĩa là thuyết của Hứa Hành không phân biệt quý tiện, tốt xấu, cứ dài ngắn, nặng nhẹ bằng nhau là đồng giá hết. Chủ trương chỉ phân biệt lượng mà không phân biệt phẩm đó, trái với nguyên lý bất bình đẳng về bản chất của đạo Nho, cho nên Mạnh-Tử công kích kịch liệt.

« Vật không đều nhau là lẽ tự nhiên của vật. Có cái hơn gấp đôi, gấp năm, có cái hơn gấp mười gấp trăm, có cái hơn gấp ngàn gấp vạn ; ông cho bằng nhau cả tức là làm loạn thiên hạ. Nếu dép lớn dép nhỏ bán cùng giá thì còn ai làm dép lớn nữa ? Vậy thì theo đạo của Hứa-Tử, tức là bảo nhau làm điều giả dối. Như vậy trị quốc sao được ? » (Đặng-văn-công-thượng.)

Trong đoạn đó có một chỗ tối nghĩa và theo phép lý luận ngày nay ta phải nói :

« Ông đã nhận rằng dép lớn nhỏ khác nhau thì phải bán khác giá nhau, nếu không vậy, không còn ai làm dép lớn nữa ; thì ông cũng phải nhận rằng dép tốt xấu khác nhau cũng phải bán

khác giá nhau chứ, nếu không vậy, còn ai làm dép tốt nữa ? Vậy thì theo đạo của Hứa-Tử, cho mọi cái đều đồng giá là bảo nhau làm điều giả dối. »

Ta thấy, đề bênh vực thuyết bất bình đẳng, Mạnh-Tử không đứng trên khu vực huyền học như Khổng-Tử mà đứng trên khu vực thực tế. Đến Tuân-Tử thì lại đứng trên khu vực công ích về chính trị :

« Người ta sống ở đời không thể không quân tỵ, quân tỵ mà không định phận trên dưới thì tranh đoạt nhau, tranh đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn khổ. Cho nên không định phận trên dưới là cái hại lớn của thiên hạ, định phận trên dưới là cái lợi lớn của thiên hạ » (Phú quốc).



Nhưng trật tự trong xã hội phải xây dựng trên những quy tắc nào ? Đây mới là đặc điểm của Nho-giáo, còn quan niệm bất bình đẳng chỉ là quan niệm chung của các chính trị gia thời cổ.

Mạnh-Tử đề nghị : « Thiên hạ có ba bậc đáng tôn : tước, tuổi và đức. Ở triều đình không gì đáng tôn bằng tước ; ở hương đảng không gì đáng tôn bằng tuổi ; giúp đời mà trị dân không gì bằng đức. » Đề nghị đó các nhà Nho sau này đều mặc nhiên chấp thuận và ai cũng nhận ông đã có công khuếch trương lý thuyết của đạo Nho. Ta thử xét xem đề nghị đó có xác đáng không.

Quy tắc thứ nhất là *tước* cơ hồ như không hợp lý vì tước mà Mạnh-Tử chỉ

đó là tước thế tập, cha truyền con. Nhưng ta nên nhớ dân tộc Trung-Hoa thời đó tin rằng tổ tiên và con cháu liên đới mật thiết với nhau, hễ tổ tiên có công lao đức hạnh thì con cháu cũng được hưởng lây sự tôn kính, vậy sự tập tước ở triều đình cũng là dễ hiểu. Theo quan niệm của ta ngày nay thì quy tắc đó có phần vô lý, nhưng nếu ta nghĩ rằng hiện bây giờ, gần khắp thế giới, quyền tư hữu và ngay cả tác quyền còn được truyền cho con cháu, thì ta không còn quá nghiêm khắc với chủ trương của Mạnh-Tử cách đây trên 2.300 năm nữa.

Quy tắc thứ nhì có vẻ quân bình hơn vì *tuổi tác* không có tính cách thế tập. Vả chăng trọng tuổi tác là trọng kinh nghiệm, mà kinh nghiệm thì bao giờ cũng đáng quý.

Quy tắc thứ ba, tùy *đức hạnh* mà giao quyền hành, hợp lý hơn cả, và Mạnh-Tử tuy trọng tước — có lẽ là theo tục lệ — nhưng nhiều khi đã coi nó rẻ hơn đức. Trong thâm tâm, ông cho rằng quy tắc này mới quan trọng hơn hết, cho nên trong chương Cáo-Tử, ông nói :

« Có tước của trời, có tước của người. Nhân, nghĩa, trung, tín, vui làm điều thiện mà không thấy mệt, đó là tước của trời. Công, Khanh, đại phu đó là tước của người. Người đời xưa sửa tước của trời mà tước của người tự nhiên tới ; người đời nay sửa cái tước của trời để cầu cái tước của người ; đã được tước của người rồi lại bỏ tước của trời đi, mê muội đến vậy là cùng cực, thế nào rồi cũng mất mà thôi ».

Có lần ông hiên ngang mắng những kẻ tước cao mà đức thấp : « Kẻ kia cậy ở sự giàu có của nó, ta đây cậy ở cái nhân của ta ; kẻ kia cậy ở cái tước của nó, ta đây cậy ở cái nghĩa của ta, ta có điều gì thua kém đâu ? » (Công Tôn Sửu — hạ)

Lần khác ông đóng đặc tuyên bố : « Thiên hạ có đạo thì kẻ đức nhỏ hầu hạ kẻ đức lớn, kẻ hiền ít hầu hạ kẻ hiền nhiều ; thiên hạ vô đạo thì kẻ nhỏ hầu hạ kẻ lớn, kẻ yếu hầu hạ kẻ mạnh ». (Ly-lâu — thượng). Ông dẫn lời Tử-Tư nói Mục-Công : « Lấy đức mà xét thì ông phải thờ tôi, đâu được làm bạn với tôi. » (Vạn-chương — hạ)

Dã sử Trung-Quốc còn truyền giai thoại sau này chứng tỏ quan niệm trọng đức hơn tước của nhà Nho :

Vua Tề gọi một kẻ sĩ là Nhan-Súc : « Súc lại đây ! » Nhan-Súc ngạo mạn gọi lại : « Vua lại đây ! » Vua Tề mắng : « Ta là bực chí tôn nên có quyền gọi kẻ sĩ như vậy, còn kẻ sĩ gọi vua như vậy thì đâu là kỷ cương ? » Nhan Súc đáp : « Vua gọi Súc như vậy mà Súc tới thì Súc mang tiếng nịnh quyền thế ; còn Súc gọi vua mà vua tới thì Vua được tiếng kính hiền trọng sĩ. Một đảng mang tiếng xu nịnh, một đảng được tiếng kính hiền, đảng nào hơn ? »



Theo nguyên lý bất bình đẳng và ba quy tắc tước, tuổi, đức mà trật tự trong Nho giáo được định. Trên cùng có Thượng-Đế, rồi tới Thiên tử, các vua chư hầu ; chư hầu có năm tước :

công, hầu, bá, tử, nam ; dưới nữa có đại phu, thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ. Trong triều đình, địa vị tùy tước và tài đức ; trong làng và nhà, địa vị tùy theo tuổi.

Sự quy định về quyền hạn theo nguyên tắc nhiều khi rất tỉ mỉ. Chẳng hạn đời Chu, Thiên tử có đất vuông ngàn dặm, thì công và hầu được trăm dặm, bá được bảy chục dặm, tử và nam được năm chục dặm. Ở triều đình Thiên tử, chức khanh được chia đất ngang với tước hầu, chức đại phu được đất ngang với tước bá, chức thượng sĩ được đất ngang với tước tử và nam. Trong nước vuông trăm dặm, lộc của vua gấp mười lộc của chín khanh, lộc của khanh gấp bốn lộc của đại phu, lộc của đại phu gấp hai lộc của thượng sĩ, thượng sĩ gấp hai trung sĩ, trung sĩ gấp hai hạ sĩ, thường nhân mà làm việc quan thì được lộc ngang với hạ sĩ, lộc đó đủ ăn để khỏi phải cày bừa... (Mạnh Tử — Vạn Chương).

Đại loại như vậy. Từ cỗ xe (tức số binh sĩ, vì xe hồi xưa cũng dùng để đánh giặc), tới màu sắc y phục, thậm chí tới số cung phi cũng được định rõ : Thiên tử mười hai người thì chư hầu chín. Lễ, nhạc cũng được quy định : chỉ Thiên tử mới được phép tế Trời, Đất ; do đó có những bản nhạc chỉ được dùng trong triều đình của Thiên Tử mà không được dùng trong triều đình của vua chư hầu.

Những nghi tiết cúng tế ma chay trong xã hội cực kỳ phiền phức, không kể sao cho hết, tôi chỉ xin cử một việc này làm thí dụ : cha làm thường dân

mà con làm đại phu thì khi chôn cất, áo quan của cha phải là áo quan của hạng thường dân, nhưng tang phục của con phải là tang phục của đại phu.

Những nghi lễ đó đều có mục đích giữ dân cho khỏi loạn. Tuân-Tử trong chương *Lễ luận* nói :

« Người sinh ra là có lòng muốn, muốn mà không được thì tất phải tìm kiếm, tìm kiếm mà không có chừng mực, giới hạn thì tất phải tranh nhau. Tranh thì sinh loạn, loạn thì khổ. Tiên vương ghét loạn, cho nên đặt ra lễ nghĩa để phân biệt trật tự (...) Thế nào là phân biệt ? Là sang hèn có bậc, lớn nhỏ có khác nhau ; nghèo giàu khinh trọng đều có địa vị xứng đáng. »



Tuy chủ trương bất bình đẳng trong xã hội, nhưng Nho giáo cho mọi giai cấp được bình đẳng về phương diện pháp luật, vì sự công bằng đó cần thiết cho trật tự. Đó cũng là một đặc điểm nữa của đạo Nho.

Khi một môn đệ hỏi :

« — Vua Thuấn làm thiên tử, ông Cao - Dao coi về hình phạt, nếu ông Cồ-Tàu là cha vua Thuấn giết người thì xử cách nào ? »

Mạnh Tử đáp :

« — Cứ việc bắt ông Cồ Tầu, chứ có gì đâu ? »

— Vậy vua Thuấn không cấm ư ?

— Vua Thuấn cấm sao được ? Phép truyền thụ từ đời nọ qua đời kia là phép

công mà. » (1) (Mạnh-Tử — Tận-tâm — thượng).

Sử nước Tần còn chép : Thái-tử nước Tần phạm pháp. Vệ Uông nói : « Nhân dân bình đẳng về pháp luật. Trong nước không nên có giai cấp khác nhau (nghĩa là giai cấp nào cũng phải bình đẳng trước pháp luật). Nhưng Thái-tử là người sau này sẽ nối ngôi vua, không nên đem ra trị tội, mà hai sư phó lãnh trách nhiệm dạy Thái-tử phải chịu tội thay ».

Vậy trên hai ngàn năm trước, nhờ Mạnh-Tử, Trung Quốc đã phát minh được chủ nghĩa tam quyền phân lập, chủ nghĩa bình đẳng trước luật pháp và tinh thần lập hiến trong chính thể quân chủ. Cứ theo đúng nguyên tắc thì ông Vua của Nho giáo, quyền lợi đều bị hạn chế (chịu pháp luật của nước, có số đất đai nhất định), gần như một ông vua lập hiến ngày nay, nhưng trách nhiệm và bòn phận thì nặng gấp mấy lần. Và tuy có giai cấp mà giai cấp ở Trung-Hoa không như giai cấp ở Âu thời xưa. Dù là hoàng thân mà kém đức thì cũng không bằng thường dân mà có nhân (Tuy hữu Chu thân, bất như nhân nhân).



Xã hội Trung-Hoa thời xưa cũng như xã hội La-Mã, do sự kết hợp của ba đơn vị : cá nhân, gia tộc và quốc gia ; nhưng ở Trung-Hoa, sự liên lạc giữa ba đơn vị đó mật thiết vô cùng.

Đại học nói : « Đời xưa muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình ; muốn trị nước mình

thì trước hết phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình. » Lại nói : « Cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề ; nhà đã tề thì sau nước mới trị ; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. Từ thiên-tử cho đến thường dân, đều phải lấy sự sửa mình làm gốc, gốc loạn mà ngọn trị thì là điều không hề có. » Trong Mạnh-tử (Ly-Lâu) cũng có câu : « Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, gốc của nhà là ở thân mình. »

Vậy cá nhân, gia tộc, quốc gia, thiên hạ như bốn cái khoen móc vào nhau ; hơn nữa, như bốn vòng tròn đồng tâm, mà vòng nhỏ nhất là cá nhân, vòng lớn nhất là thiên hạ. Gia tộc không phải chỉ là một chỗ nghỉ ngơi của cá nhân theo quan niệm của phương Tây ngày nay, mà là một cơ quan của quốc gia, có tính cách chính trị, cho nên địa vị của gia tộc rất quan trọng.

Khi Tề-Cảnh-Công hỏi Khổng-Tử về chính trị, ông đáp : « Vua theo đạo vua, bầy tôi theo đạo bầy tôi, cha theo đạo cha, con theo đạo con » là ông

(1) Môn đệ lại hỏi thêm :

— Thế Vua Thuấn phải làm sao ?

Mạnh Tử dùng một giải pháp dung hòa để giải sự mâu thuẫn đó giữa quốc gia và gia đình và đáp rằng Vua Thuấn phải bỏ ngôi cao, vào ngục công cha đi trốn ở nơi nào đó, cho trọn đạo làm con.

Độc giả có thể cho rằng giải pháp đó chưa được ổn vì như vậy quốc dân mất một minh quân là Vua Thuấn. Vâng, nhưng nếu quốc dân muốn giữ Vua lại thì xin với ông Cao - Dao đề tha cho Cờ - Tàu ; lúc đó vua Thuấn có thể trở về ngôi được mà quyền hành chánh, quyền tư pháp vẫn được nguyên vẹn.

muốn nhấn vào nhiệm vụ chính trị của cá nhân, thì cá nhân đó là ông vua hay người dân thường.

Dịch — Gia nhân nói : « Cha theo đạo cha, con theo đạo con, anh theo đạo anh, em theo đạo em, chồng theo đạo chồng, vợ theo đạo vợ mà gia đạo chính, chính gia đạo thì thiên hạ định. » Đó là nhiệm vụ chính trị của gia tộc.

Vậy gia chánh với quốc chánh là một, « cha con yêu nhau, gốc là việc công » (Chu tử) mà đức hiếu cũng là gốc của đức trung, đức nhân : « Quân tử thờ cha mẹ hiếu, cho nên đối với vua cũng trung. » (Hiếu kinh) — « Người hiếu để mà thích phạm thượng là việc ít thấy ; không thích phạm thượng mà lại thích làm loạn là việc chưa có (...) ; hiếu để là gốc của nhân chăng ? » (Luận ngữ — Học nhi).

Gia đình đã là một tiêu tở chính trị thì cá nhân tất là một cán bộ chính trị.

Trong xã hội Trung-Quốc, từ trên xuống dưới ai cũng có nhiệm vụ chính trị, tức nhiệm vụ giữ trật tự trong xã hội bằng đạo đức, lễ nghi. Đó là lý tưởng của Nho giáo mà cũng là một đặc điểm của Nho giáo.

Tóm lại, xã hội theo Nho giáo xây dựng trên những nguyên lý :

— Các hạng người một mặt bất bình đẳng về tư cách, và hạng người có đức đáng được trọng hơn cả.

— Một mặt bình đẳng trước pháp luật và trong nhiệm vụ chính trị ; mỗi cá nhân là một cán bộ chính trị.

Một lần nữa, ta lại thấy rõ tính cách chính trị của Nho giáo. « Cha con yêu nhau, gốc là việc công ». Lời đó bao hàm biết bao ý nghĩa.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Trích trong. « Nho giáo một triết lý chính trị »

★ Có một dấu hiệu để nhận ra người thủ lãnh, đó là khi ở gần người nào, ta có cảm giác thấy mình mạnh mẽ hơn, bình ổn hơn và tưởng như người ấy bảo ta đi đâu, ta không ngần ngại mà đi ngay tức khắc. Như cận vệ binh của Napoléon thường nói về ông : « Giá ngài có đi cùng trái đất, chúng tôi cũng quyết theo ngài... »

★ Sở dĩ người ta tin tưởng nơi người thủ lãnh là vì người thủ lãnh biết làm cho người ta mến phục và tin cậy. Song sự mến phục và tin cậy ấy muốn được lâu bền, người thủ lãnh phải có tài đức của người thủ lãnh thật.

NHỮNG BÀI THƠ HAY CỦA
BĂNG - HỒ - CÔNG TRẦN - NGUYỄN - ĐÁN

DƯƠNG-TUYỀN Da-Phu PHAN-VỌNG-HÚC

ÔNG Trần - Nguyễn - Đán thụy là Thượng-Túc, hiệu là Băng-Hồ, là tôn thất nhà Trần, trú cư ở núi Côn-Sơn, huyện Phượng-Nhơn, xứ Kinh-Bắc nay là xã Trúc-Thôn, tổng Chi-Ngãi, huyện Chi-Linh, tỉnh Hải-Dương, Bắc Phần. Ông thân sinh ra ông là Uy-Túc-Công, húy là Văn-Bích, làm quan Nhập-Nội Thái-Bảo giúp vua Trần-Minh-Tôn nên nghiệp thái bình. Ông Trần-Nguyễn-Đán là dòng dõi Chiêu-Minh Đại-Vương Trần-Quang-Khải con trai thứ vua Trần-Thái-Tôn.

Ông Trần-Nguyễn-Đán vốn dòng dõi thi lễ, có tư tưởng xuất phàm, hết lòng vì nước. Khi có biến Dương-Nhật-Lễ tiếm chính, ông theo vua Nghệ-Tôn và Duệ-Tôn xuất bên ra ngoài. Đến khi bình định rồi, ông trở về làm Tướng-Quốc, giữ triều chính, trong nước yên vui, ai ai cũng biết tiếng khen ngợi.

Đến khi Hồ-Quý-Ly tiếm lộng, măm vạ chớm sinh, ông nói : « *Người quân tử thấy cơ đứng dậy không đợi hết ngày* ». Liền sau đó ông về dựng am ở động Côn-Sơn, huyện Phượng-Nhơn, xứ Kinh-Bắc đặt tên động là Thanh-Hur, vui sống cuộc đời ẩn dật. Vua Trần-Duệ-Tôn ban cho ba chữ hiệu am là Thanh-Hur Động, chữ rất lớn, có đề vào bia đá.

Tuy ông Trần-Nguyễn-Đán gửi mình vào chốn lâm tuyền, nhưng chí vẫn đề vào xã tắc, những thơ văn ông đều mang nặng hồn non nước đầy vơi. Cùng thời với ông và cùng ở một vùng có Văn-Trinh-Công Chu-Văn-An. (1) Đến khi ông lâm bệnh, con cháu khuyên ông uống thuốc, ông không chịu uống, và nói rằng : « *Việc đời như thế, ta chết là xong, còn cầu sống để nhìn cuộc họa hoạn* ».

(1) Xin xem Bách-Khoa số 37 (15-7-58).

hay sao ? » Ông mất vào ngày 14 tháng 11 năm Nhâm-Ngọ. (1390) tại Côn-Sơn, mai táng tại núi Giáp, huyện Phương-Nhơn (nay là huyện Chí-Linh, Hải-Dương). Sau khi Ông chết, nhà vua phong tặng Nhập-Nội Kiểm-Hiệu, Tư-Đồ, Bình-Chương Quân, Quốc Thượng-Hầu.

Ông có trồng một dãy thông ở trước chùa Côn-Sơn, hàng mấy trăm cây, đối hàng thẳng, và phu nhân cũng trồng một khu cây chồi thanh hao, nay lan rộng tới mấy chục mẫu.

Băng - Hồ Công Trần-Nguyên-Đán là tác giả tập thơ Băng-Hồ Ngọc-Hát, sách này hồi năm 1414 (Giáp-Ngọ) nhà Minh khi sang đô hộ nước ta, có đem về Trung-Hoa cùng các sách quý khác. (2) Ông cũng là nhạc phụ của Tiến-Sĩ Nguyễn-Phi-Khanh, và là ông ngoại của Quan-Phụ-Hầu Nguyễn-Trái.

Sau đây là một vài bài thơ hay của ông còn lưu lại trong nền văn học nước nhà.

Xuân vũ

Tiêu khan xuân vũ tế phi vi,
Xuất trục vân thâm phiến phiến phi.
Chướng nhật nùng khan hôn tự hiều,
Tùy phong tiêu sất khuất hoàn hy.
Mai hàm ngọc lập truyền thiên tín.
Trúc nhạ lang châm tiết địa ky.
Thụy khởi hương lô tàn kỷ trụ.
Thôn ông vị bả nhất lê quy.

Mưa xuân

Dịch :

Trời xuân phơi phới hạt mưa bay,
Non thăm đùn đùn mấy áng mây.

Nồng ánh mặt trời soi sáng sáng,
Nhạc hòa ngọn cỏ thổi hây hây.
Mai truyền tin tức trên trời rộng,
Trúc lộ cơ quan dưới đất đầy.
Ngủ dậy lò hương chừng đã vạc,
Thôn ông trở gót bước còn chầy.

PHAN-VỌNG-HỨC lược dịch

Thu Nhật

Lâm lưu mao xá phóng phi quynh,
Tiêu phổ thu thâm hứng chuyển thanh.
Mai tảo, cúc phương, hiền đệ tử,
Tùng xương, trúc sấu, lão công khanh.
Thụ huyền phong nộ tâm nan động,
Vân tận san cao nhốn tự minh.
Tây vọng yên hoa phi tích nhật,
Chuyên lưu ân viễn bất khâm tình.

Ngày mưa thu

Dịch :

Nhà gianh ngõ cửa trước giòng sông,
Vườn nhỏ thu sâu chuyển hứng trong.
Đệ tử hiền như mai với cúc,
Công khanh già tựa trúc cùng thông.
Cây reo gió rạt lòng yên, tĩnh,
Mây tản non cao mắt sáng trông.
Ngắm nghĩa phương đoài phong cảnh
khác,
Thuần lưu còn nhớ chẳng khuây lòng.

PHAN-VỌNG-HỨC lược dịch

(2) Những bài thơ của Băng-Hồ Công Trần-Nguyên-Đán đăng trong bài này trích ở cuốn Hải-Dương Phong-cật-chí của Ân-quang-Hầu Trần-Thời-Hiến (Gia-Long ngũ niên).

Phượng-hoàng sơn

Song phượng du du vọng riều minh,
Phượng-hoàng vạn cồ dâng phượng-danh.
Lân phong tháp đảo như xà ánh,
Miết thủy tuyến minh tác vũ thanh.
Nguy trúc kinh niên sương tiễn hợp,
Tân kiều đá lộ hắc chi sinh.
Tùng phong nhật oán huyền không hưởng,
Trực đẳng lai nghi tấu cửu thành.

Núi Phượng-hoàng

Dịch :

Càng trông núi Phượng thấy càng cao,
Muôn thừa danh thơm quý biết bao.
Tháp ngả non Lân hình rắn lộn,
Suối reo nước Miết ngõ mưa rào.
Trúc già gốc cốt rêu xanh biếc,
Cầu mới sương sa cỏ hắc leo.
Gió động rừng thông vang tiếng địch,
Tưởng như nghi chú tấu quân triều.

PHAN-VỌNG-HÚC lược dịch

Sau khi ông mất, Vua Trần-Nghệ-Tôn tự mình soạn bài văn đề khắc vào bia đá dựng tại đền thờ ông. Bia như sau :

Trần-Nghệ-Tôn Ngự-Chế Bi Minh

Tư-Đồ sáng am vu thử âm khân, khởi hữu nguyện ư độc lạc, cái ngự ý hồ lai lâm Nhật Tọa thạch bàn, tắc dục trí

quốc thể an. Nhật phủ thanh lưu, tắc dục tư quốc luận chi thâm. Âm mậu thụ tắc tư khoáng ngô dân chi đại tỵ. Ý tu trúc, tắc dục trí hiền sĩ chi như lâm. Phụ tán ngã trị vô hữu hà tâm, thử Trẫm sở dĩ thán, nhi thử vu san chi âm, giả dã.

Long-Khánh tam niên Quý Xuân lập.

Dịch :

Quan Tư-Đồ dựng am nơi chân núi này, há có phải để hưởng vui lấy một mình, mà có ngụ ý sâu xa lắm. Hàng ngày ông ngồi ở thạch bàn, là có ý muốn làm cho thế nước vững vàng ; hàng ngày ngắm suối trong. Ông có ý giúp cho quốc luận được thâm viễn ; Ông trông dãy thông xanh tốt này, là có ý che chở cho nhân dân, tựa đám trúc xanh rờn, là muốn đặt kẻ sĩ như rừng cây. Ông thực đã hết lòng cố công phò tá Trẫm về việc trị nước, chẳng quản công lao ; nên Trẫm than thở mà ghi vào đá ở chân núi này vậy.

Bia dựng năm Long-Khánh
thứ ba, mùa Xuân. *

PHAN-VỌNG-HÚC lược dịch

Ngày này, qua bao nhiêu bề dẫu chinh chiến, không biết có ai còn thấp nén hương nào ở núi Côn-Sơn hay không ?

Dương-Tuyên Dã phụ
PHAN-VỌNG-HÚC

★ Việc hành sử quyền chỉ huy khác với quyền được đeo huy hiệu, quyền được người ta cúi chào và quyền tối thượng được trừng phạt người ta.

Lược sử về

THUỐC BẮC

Tặng các Đông-Y-Sĩ toàn quốc
PHÙNG-BÁ-KHANH
(Dịch báo Tào)

CÓ lẽ, ngay từ Thượng Cò, tổ tiên người phương Đông đã biết khai thác các dược tính của thực vật để làm vị thuốc trị bệnh ngoài da và nội tạng. Có điều, phải trải qua lần hồi, từ đời này sang kiếp khác, bằng kinh nghiệm bản thân, tổ tiên chúng ta mới có thể khám phá được hằng hà sa số vị thuốc, mà thể hệ chúng ta đang may mắn được thừa hưởng hiện thời.

Tục truyền vị Tổ sư nghề thuốc Bắc là vua Thần-Nông, đản sinh ngày 28-4-3220 trước kỷ nguyên Thiên-Chúa-Giáo. Dã sử còn chép : « Thần - Nông thị

thường bách thảo », nghĩa là vua Thần-Nông đã có công nếm vị của hàng trăm loài thảo mộc để nghiên cứu xem ảnh hưởng của chúng đối với thể chất loài người ra sao ?

Nổi chí Thần-Nông là vua Hoàng-Đế (2700 — 2600 trước Thiên-Chúa giáng sinh) và ông Tề tướng Kỳ-Bá, mà đời sau đã xưng tụng là « Y-Khoa Tam Kiệt ». Cho nên, đến thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch, người ta đã soạn cuốn « Thần Nông Bản Thảo (có) Kinh » kèm thêm danh sách của 365 vị thuốc bắc.

Tiếp theo là các cuốn « Hoàng Đế nội kinh » và « Hoàng Đế nan kinh ».

Về đời nhà Thương (1766-1123 trước T.L.), ông Tề-Tướng Y-Doãn lại phát minh phương pháp « sắc thuốc », để nấu kỹ lấy nước cho bệnh nhân uống.

Năm 127 sau Thiên-Chúa, danh y Trịnh-Huyền (Cheng - Hian) viết cuốn « Chu-Lễ », mà trong đó, có dạy cách dùng Thủy-ngân làm đông dược.

Năm 200, lương y Trương-Trọng-Cảnh (Chang-Chung-King), soạn sách « Thương-hàn-luận », có đề cập thêm các vị thuốc chữa ho, nóng, cảm, mưa, kiết lỵ, thỏ tả, bỏ tỳ và kiện vị v.v...

Dưới thời Tam-Quốc (222 — 447), có ông Hoa-Đà (Hwa-To) là một vị thánh y lừng danh bốn cõi. Bất luận về nội khoa, ngoại khoa, sản khoa hay khoa châm chích, ông đều tinh thông tất cả. Nhưng ông giỏi nhất là về kỹ thuật ngoại khoa mà ông đã biết dùng chất ma túy làm thuốc mê để cho bệnh nhân khỏi bị đau đớn, trong khi cần mổ xẻ.

Chính ông đã chữa nhiều chứng bệnh hiểm nghèo cho Đại tướng Quan-vũ nhà Thục và Thừa-tướng Tào-Tháo nhà Hán.

Tiếc rằng Hoa-Đà là người quá khảng khái. Đã có lần, ông cự tuyệt không thềm nhận chức Thái-Uý của Triều đình, là một chức rất lớn của Cựu-chế Trung-hoa.

Và cũng chính vì cái thói hiên ngang bất khuất ấy, mà về sau, ông bị Tào-Tháo hạ ngục, khiến cho hầu hết các tài liệu y khoa do ông biên soạn đều bị thiêu hủy ra tro mất cả.

Đến đời nhà Đường (618 — 907), các quan ngự y lại viết cuốn « Khai Bảo Bản Thảo » và hướng dẫn thêm về phương thuốc trừ diệt ký sinh trùng tức bệnh giun và sán lãi... Đồng thời, cuốn « Đường Bản Thảo » cũng tồn công trong suốt 5 năm (650 — 655) nghiên cứu, sưu tầm mới thành tựu.

Sang triều nhà Minh (1368 — 1644), một vị y học đại danh là Lý-Thời-Trân (Li-She-Chen) (1518 — 1593) lại soạn thêm cuốn « Bản Thảo Cương Mục ».

Cuốn này xứng đáng là một bộ y thư cự phách, mà tác giả đã vất vả trong 27 năm trời liên tiếp mới viết xong.

Sách chia làm 13 bộ gồm 52 quyển. Nội dung trình bày được tính của 1094 loài thực vật, hơn 400 động vật và hơn 200 khoáng vật.

Đặc biệt là tác giả đã giải thích rất công phu và tỉ mỉ về nơi sản xuất, hình vóc, sắc thái và khí vị của riêng từng loại dược phẩm, kèm theo phương pháp phối chế và bệnh cần chuyên trị.

Về phương diện phối chế, thuốc Bắc được trình bày dưới nhiều hình thức như sau :

Cao tễ (thuốc cao), đan tễ (thuốc bốc theo toa), hoàn tễ (thuốc viên), tán tễ (thuốc bột)... v.v...

Hiện nay, nhiều vị Đông-y đều trị bệnh theo phương pháp Lý-thời-Trân trong cuốn « Bản Thảo Cương Mục », và đã cứu thoát rất nhiều đồng bào hoạn nạn ốm đau.

PHÙNG-Ả-ANH
(Cao nguyên)

BÁCH KHOA XXXIX

NHÂN NGÀY GIỖ TRẦN ĐỒNG - ĐA :
MÙNG 5 THÁNG GIÊNG ÂM DƯƠNG LỊCH

NGUYỄN - HUỆ

(1752 - 1792)

HAY LÀ GIẤC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

(tiếp theo Bách Khoa 34)

NGUYỄN-NGU-Í.

LO CHO DÂN GIÀU

Một mặt, tiếp tục đem lại an ninh thật sự cho nước nhà : bắt sống Lê-Duy-Chi, người hoàng tộc nhà Lê đã liên lạc với người Lào, âm mưu đánh phá kinh thành tương lai của Nguyễn-Huệ : Phụng-hoàng đô ở đất Nghệ-an, diệt Trần-Quang-Châu, Dương-Đình-Tuấn, cự thần nhà Lê đã từng đưa đường cho Tôn-Sĩ-Nghị đến Thăng-long và sau khi tướng Tàu này chạy về Tàu, lẫn lút mộ binh chống lại, dẹp con cháu cự thần, vọng tộc Lê-triều như Phạm-Thái..., một mặt chấn hưng nền kinh tế đã nguy ngập vì loạn lạc kéo quá dài.

Dân nhiều nơi phải bỏ chốn chôn nhau cắt rún mà chạy đó, ăn đây ; ruộng hoang gần như đâu đâu cũng có. Lệnh vua ban xuống :

— chỉ những ai ở một nơi đã ba đời, thì mới được ở luôn lại đấy ; còn kỳ dư phải trở về làng cũ quê xưa ; chẳng tuân thì người gian lận bị tội đã đành, mà viên chức hành chánh địa phương cũng lãnh phần trách nhiệm ;

— ruộng công, ruộng tư, ruộng bỏ hoang, thôn, xã khai lên cho chánh phủ, chánh phủ cho dân được lãnh làm các ruộng tư bỏ hoang và ruộng công, còn xã nào mà chẳng chịu khai khẩn ruộng hoang thì phải đóng thuế, mà thuế mới lại nhiều hơn thuế cũ.

Sự ép buộc khắt khe thật quá rõ ràng. Và hẳn là người đương thời rên, than không ít. Nhưng hai năm sau giặc Bắc dẹp tan tành, là cảnh vắng từ lâu xuất hiện : cảnh mưa thuận, gió hòa, áo cơm đầy đủ.

Lại nhưn lúc vua Thanh mến vì, các quan Tàu trấn nhậm biên cương kính nể, vua Quang-Trung điều đình với Trung-hoa mở chợ buôn bán ở miền ranh giới, miễn đánh thuế, để dân hai nước được qua lại buôn bán dễ dàng ; đi xa hơn nữa, vua lại thương thuyết lập một ngân hàng tại Nam-ninh, một thành phố lớn của tỉnh Quảng-tây. Kinh tế ở trước mặt, mà chính trị, quân sự ở sau lưng, vua, tôi, và cả dân đế quốc Mãn-Thanh hẳn chẳng một ai đoán biết.

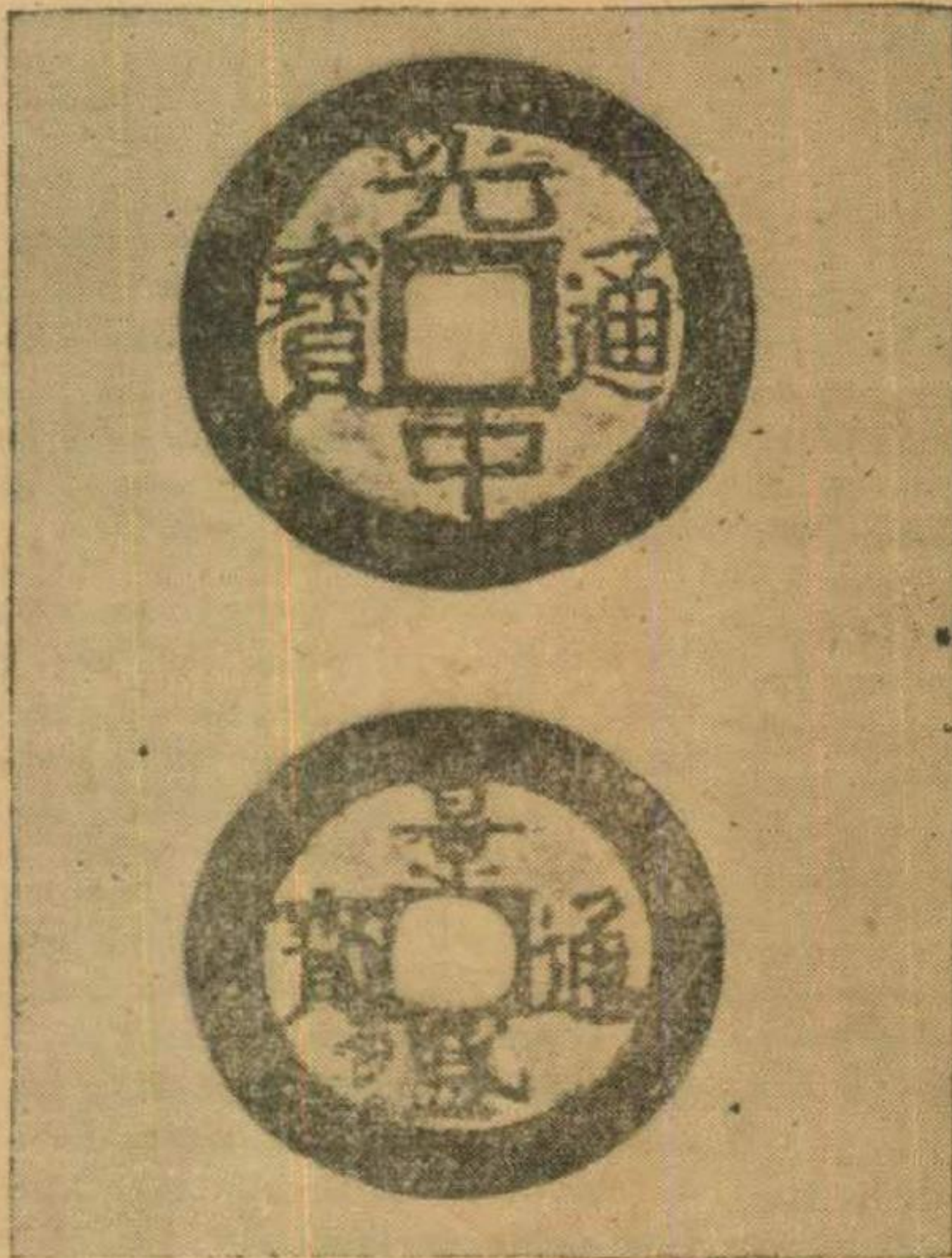
Thuế má được chỉnh đốn lại, cho công bằng và cho ngân quỹ được dồi dào. Sổ sách được làm lại phân minh, ruộng chia làm công, tư, mỗi loại lại chia làm ba hạng.

Tiền đồng được đúc đề tiêu dùng.

Tuy cách ta mới một trăm năm mươi sáu năm mà lắm dấu vết không còn, tài liệu hiếm hoi, lại thường bị kẻ thù xuyên

tạc. May mà chúng ta còn được thấy thứ tiền đồng đúc đời Quang-Trung, đời Cảnh-Thịnh, nét chữ Nguyễn-Huệ, một ít sắc ấn vua Tây-sơn... Tiền, chữ, sắc, ấn, còn sót lại chẳng bao nhiêu, càng khiến chúng ta thêm tủi thương, thêm quý trọng... (33).

(33) Các bạn muốn thấy đầy đủ hơn, xin tìm xem « *Là-Sơn phu tử* » của Hoàng-Xuân-Hãn, « *Quang-Trung* » của Hoa-Băng.



Hai đồng tiền đời Tây-Sơn : « *Quang-Trung thông bảo* » và « *Cảnh-Thịnh thông bảo* » (đường kính : 0m025) (Bảng kẽm nhà xuất bản « *Bốn phương* »).

羅山夫子阮



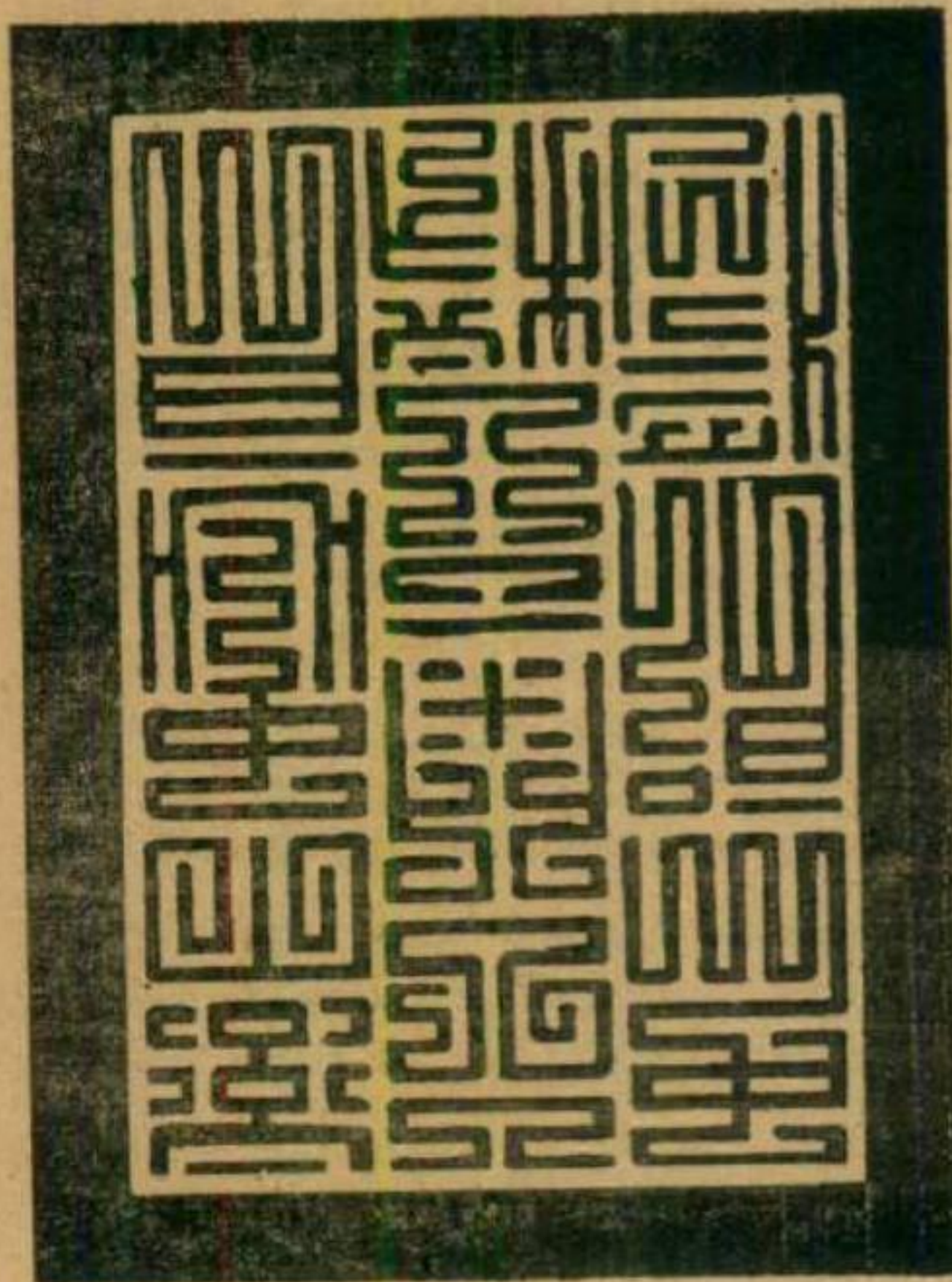
Chữ viết (*Là-Sơn phu tử Nguyễn*) và **ấn riêng** của Quang-Trung (*Ngự dụng chi ấn*) (Hình mượn sách « *Là-Sơn phu tử* » của Hoàng-Xuân-Hãn).



Hai mặt đồng tiền « Cảnh-Thịnh thông bảo » (Hình mượn « Đông-thanh tập chí »)



Ấn Quang-Trung
« Sắc mệnh chi bảo » (Hình mượn sách
« Quang-Trung » của Hoa-Băng).



Con dấu quan võ đời Tây-Sơn
« Suất trung lương nhị vệ tam đội Trung-lang-
tướng » (Hình mượn « Đông-thanh tập chí »)

NHÌN LẠI DẤU XƯA, NHỚ LẠI
ĐỐI NGƯỜI VẼ TRƯỚC.

Nhìn lại chút dấu vết hiếm hoi nay còn sót lại của một triều đại tuy không dài song đã ghi hơn một điểm son trong lịch sử, chúng ta càng buồn cho kẻ đối thủ may mắn của ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ : Nguyễn-Ánh. Chúng ta mến phục cái chí bền của vị chúa trẻ long đong này, nhưng chúng ta lại khinh thường cái tánh nhỏ nhen, « đàn bà » của ông : quật mỗ, nghiền xương, trộn với thuốc súng bắn ra khơi, xiềng dầu lâu trong ngục chánh, còn lỗi trả thù nào chu đáo, kỹ càng và... ti tiện bằng, cùng những tiếng « *Ngụy Tây-sơn, đồ giặc nước, quân phiến loạn* »..., càng hạ xuống nhóp nhơ những người nắm trong tay uy quyền tột bậc mà chỉ chỉ quanh với quần trong vòng dòng họ, mà đức độ hẹp hòi như đuôi tép mất lươn.

Nên chi, đoạn « *Làm cho nước mạnh* » đáng lý phải tiếp theo đoạn « *Lo cho dân giàu* », chúng tôi xin đề lại sau, mà xin ghi lại đây

MỘT SỐ Ý KIẾN XƯA NAY ĐỐI VỚI
TRIỀU TÂY-SƠN, NÓI CHUNG, VÀ ĐỐI
VỚI NGUYỄN-HUỆ, NÓI RIÊNG.

Chúng ta hãy thử xem một cuốn sách viết ngay trong buổi tối sáng tranh nhau ấy : cuốn *Hoàng-Lê nhất thống chí* :

« Lập tức truyền lệnh kén quân kị tinh tráng, ngày đêm đi gấp đường, kéo ra Thăng-long. Đi 10 ngày đến nơi ; chừng độ canh tư, Văn-Nhâm [sách in Nhâm, chứ không phải Nhậm] đương ngủ say trong phủ. Văn-Sở giấu mặt truyện, không cho ai biết, và mặt sai

người ra thành đón Bắc-Bình-vương vào. Người nhà Văn-Nhâm [sách vẫn in Nhâm] không ai biết cả, vụt chốc Bắc-Bình-vương vào đến nơi Văn-Nhâm nằm, Văn-Nhâm không biết. Bắc-Bình-vương sai võ sĩ là Hoàng-Văn-Lợi đâm chết Văn-Nhâm, khiêng thây bỏ ra phủ đường.

(*Cát-Thành dịch, Bạch-Thái-Burột và công ti xuất bản, Hà Nội, 1912*).

Giết người dốt ngựa, diệt kẻ dẫu hàng, hành động hèn mạt và vô nhân đạo này, người tướng soái cũng như kẻ cầm đầu xứng với danh không khi nào làm. Thế mà một người như Nguyễn-Huệ lại còn tệ hơn : sai ám sát một bề tôi của mình — một bề tôi mà mình tin rằng có tội nặng — lúc y còn ngủ say sưa !

Nhưng nếu chúng ta biết tác giả nó là Ngô-Thì-Chí, một ông quan trung của Lê-mạt, từng chạy theo Lê-Chiều-Thống, từng được vua này sai lên miền Lạng-sơn tụ tập đồ đảng..., thì hẳn chúng ta không còn chút ngạc nhiên nào.

Chúng tôi xin chép thêm lại đoạn kể hành vi ấy của Nguyễn-Huệ, do các sử gia triều Nguyễn ghi trong bộ « *Khâm định Việt sử* » (in năm 1884), và do Ứng-Hòa Nguyễn-Văn-Tổ dịch :

« Mùa hạ tháng tư năm mậu-thân (1788), hiệu Chiêu-Thống thứ hai, đời vua Lê-Mẫn-đế, Nguyễn-Văn-Huệ vào Thăng-long, giết Võ-Văn-Nhậm, cho Ngô-Văn-Sở thay Nhậm nhận lấy quân quyền. — Nguyên khi Huệ sai Nhậm ra lấy Bắc-hà, trong lòng có ý ngờ, nên sai Ngô-Văn-Sở và Phan-Văn-Lân làm tham tán để chia quyền, bèn mật bảo Sở : « Nhậm là con rể huynh vương, ta với huynh vương có hiềm

khích, trong lòng hẳn chắc không yên. Chuyến này đi, cầm trọng binh vào nước người, sự biến không thể liệu trước được ; ta đề tâm không phải ở Bắc-hà, chỉ đề tâm vào Nhậm. Người nên xét chỗ vi ân, mau mau báo ta. » Kịp khi Nhậm thừa thắng tràn ra Bắc, vào Thăng-long, bắt Hữu-Chính, tự cho mình là oai võ, khiến người ta phải phục, không kiêng nề ai, làm nhiều điều trái phép, tự đúc ấn chương, thiện tiện mệnh vua, chuyên quyền việc nước. Sở vốn cùng Nhậm có hiềm khích, liền mật thư vu cáo tội trạng làm phản của Nhậm. Huệ bèn đem thân binh thẳng tới Thăng-long. Văn-Nhậm ra đón, Huệ nói chuyện ôn tồn, tỏ lời phủ ủy, sai lấy lộng của mình che, che cho Nhậm, đưa ngựa của mình cưỡi cho Nhậm cưỡi. Khi đã vào thành, Huệ sai người trời Nhậm, giao đình thần tra xét ; khi tra xét xong, không thấy có tội gì, bèn phán rằng : « Người không nên nhiều lời : tài người hơn ta, ta không dùng. » Nói xong, sai người đem chém... »

(Tuần báo « Trí tân », số 61, ngày 26-8-1942)

Chúng tôi nhận thấy rằng các sử gia kể chuyện trên đây có ý hạ thấp con người Nguyễn-Huệ, hạ thấp một cách khéo léo : không mắng chửi theo lối đàn bà con trẻ, hay phờng hàng cá hàng tôm, mà làm người đọc thấy Huệ bất công, nham hiểm, ganh tị. Sử sách khác có nói, và chúng ta cũng đoán hiểu : Nhậm thắng Chính rõ ràng, Nhậm kêu ngạo với Lê-Duy-Cần mà Nhậm tôn làm giám quốc bù nhìn, Nhậm lên mặt với các bạn mình, và là tướng có tài, có kinh nghiệm, là rể Nhạc đang cùng Huệ có chỗ xích mích, Nhậm có thể trở lòng và có thể khiến chúa mình trở tay không kịp.

Một người thấy xa, phòng trước như Huệ, vội bóp chết con chim đang muốn sò lông ấy, là sự quá thường đi mất. Cần gì phải đóng kịch khi chẳng cần, mà đóng vụng về quá : nhường lộng, nhường ngựa, rồi giao cho đình thần xét, lại không có tội gì ! Huệ lại kềm cỡi đến thế ư ? Sắp đặt bên trong, dàn cảnh bên ngoài, thì dù Nhậm có thật trắng trong như tờ giấy bạch, cũng mang đủ ngàn thứ tội nhớp như trước dư luận mà lãnh án tử hình. Chớ xét, xử làm chi, để rồi phải thốt một câu « lịch sử » đáng thương đến ngần ấy. Tài của Nhậm là thứ tài gì ? Một tướng giỏi, một tay sai đắc lực, một kẻ vô biên được nước, chấm dứt. Còn chánh trị thì chẳng được tích sự chi. Nội việc dựng giám quốc, rồi khinh người ta ra mặt, khiến sĩ phu Bắc-hà và dân chúng cười chê « thằng bù nhìn » và kẻ « làm ra nó », rồi đành chẳng biết phải làm sao, cũng đủ cho ta thấy Nhậm làm sao mà ngang hàng với Huệ được, mà Huệ tuyên bố thế, thử ai tin ? Huệ tánh vốn nóng, muốn thì làm, làm thì phải được mới nghe. Thì một khi xét thấy để Nhậm có hại cho mình, Huệ còn sợ ai, còn ngại chi mà chẳng áp dụng cái quyền tối thượng và chuyên chế của mình ? (34)

« Người hai lòng. Ta biết cả.
Người phải chết. »

Rồi đâu Nhậm không còn.
Mau, gọn.

Lên án, rồi giao cho đình thần xét ;
đình thần xét vô tội, vị vương cương

(34) Chúng ta đã thấy những tòa án mệnh danh là tối cao, là đặc biệt, là quân sự, là nhân dân của Mussolini phát xít, của Hitler độc tài, của Staline chuyên chế. Và hiện nay, đó là những cảnh quá thông thường của những nước theo chế độ phản dân chủ.

quyết ấy lại tìm một cái cớ tâm thường, bị òi, lại hạ mình xuống dưới kẻ dưới tay mình đến thế à?

Ôi! những lý lẽ của những kẻ hòa theo kẻ mạnh, một khi người trong cuộc không thể hờ mồi!

Chuyện « Khâm định Việt sử » kể trên là đề đưa ra một Nguyễn-Huệ bất công, nham hiểm, ganh tị. Dưới đây, người ta hiểu sự hiềm khích giữa Nhạc, Huệ sau chuyển Huệ ra Bắc lần đầu một cách chẳng đẹp gì cho cả hai anh em ruột thịt ấy.

« Trong Nam, từ tháng tư (35), Nguyễn-Văn-Nhạc xưng đế ở Qui-nhơn, và phong cho Huệ làm Bắc-Bình-vương. Bắc-Bình-vương đóng đô ở Phú-xuân. Anh em không thỏa thuận về sự chia của cải lấy ở Bắc-hà về, cho nên sinh sự đánh nhau. Huệ đưa binh vào vây Qui-nhơn và tự xưng Chính-Bình-vương.

« Chí Huệ bây giờ rất lớn. Muốn lấy lại Bắc-hà... » (36)

Tiếc rằng Hoàng-Xuân-Hãn, nhà thực sĩ về Toán Tây-học này, quên nói xuất xứ, cũng như ông cử nhân Hán học Nguyễn-Nam-Đán (37) :

« Anh em từ đó sinh hiềm,
« Kho tàng của Trịnh, Huệ kiêm vào mình,
« Lại toan kiêm Quảng-Nam-Thành,
« Nhạc vì tiếc của, tức mình không cho.

« Huệ bèn gây mối thù to,
« Đem quân thẳng đến Nhạc đô vây tràn. »

Tham của, tham đất, đến phải giết quyết bằng tên đạn cuộc bất hòa với anh, Huệ xoàng xĩnh như bất cứ người tâm thường nào, tệ hơn là khác nữa. Hãn hai nhà Tây, Hán học kia đều căn cứ vào lời của các sử thần ăn lộc Nguyễn-triều. Chớ như chúng ta thấy, ra Bắc lần đầu, đáp bằng ngật tặc Trịnh, tôn phù nhà Lê, Huệ vẫn « con em vẫn giữ lấy nền con em » : Nhạc sợ Huệ ở lâu đất Bắc có biến, hấp tấp ra, thì Huệ vâng lời anh, bí mật và chớp nhoáng về Nam. Của cải lấy được của họ Trịnh, còn mang danh nghĩa Bắc-Bình-vương do anh phong cho, Huệ mở túi tham chỉ cho đề một tiếng cười, và cho lớp người biết điều theo mình có cơ to nhỏ ; cũng như việc buộc anh cắt đất.

Huệ « tham » thật. Song đó là cái « tham » cao đẹp. Trên kia, Hoàng-Xuân-Hãn có nói : « Chí Huệ bây giờ rất lớn » Cái « tham » nằm gọn trong chí lớn nọ. Vàng ròng, bạc nén, ngọc ngà, châu báu với đôi tình tương đối cần cỗi ở phương Nam đã thuộc phần của anh cả mình, có nghĩa gì với cả lưu vực sông Mã, cả lưu vực sông Hồng, cả giang san nhà Lê bất lực và bất trắc, và cả Lương Quảng của Tàu, và cả nước non xa xưa của nòi Bách-Việt, hồ Động-dinh, sông Dương tử. Tất cả ý chí của Huệ lúc đó là hướng về phương Bắc, là sắp sửa ngược đường Nam-tiến. Thì chúng ta có thể cho rằng cái lý do sâu nặng của cuộc hiềm khích là

(35) Năm 1787

(36) « La-Sơn phu tử », in năm 1952 ở Paris, nhưng viết xong tại Hà Nội từ năm 1945.

(37) Lịch sử vua Quang-Trung. — « Trí Đức thư xã » xuất bản, Hà Nội, 1953.

sự cọ xát, rồi va chạm giữa hai anh em, giữa hai con người, giữa hai lý tưởng. Nhạc cho mình đã đạt đích : dựng nước riêng, xưng làm hoàng đế, thì an phận, mà hưởng... Con người và chí của Nhạc đã rõ rệt trong câu này nói với Lê-Chiêu-Thống : « Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, đề đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy. »

Một kẻ muốn ở yên trong một đoạn nước nhà, hai bên có núi cao biển rộng chở che, hai đầu có hai em ngăn đón..., một người thì muốn làm những gì mới, lạ, đẹp, to, đang ôm ấp lại giấc mộng xưa của ông tổ họ Hồ, thêm vào mộng mới của mình : thu phục lại vùng « nôi » của nôi giống : hồ Động-dinh, sông Dương-tử, thì xích mích, rồi bất hòa, rồi bất bình, đến phải mượn giáo gươm mà giải quyết, sự thật biết đâu là chẳng thế.

Chớ còn tham lam ba thứ bạc vàng, ham muốn đòi lĩnh nhỏ, nghèo, thì một khi vây chặt kinh đô Trung-Uơng hoàng đế, người đã bỏ vương hiệu Bắc-Bình do anh phong, mà tự xưng Chính-Bình vương — cơn bất bình đã đến tột độ — người ấy sao lại chẳng làm nhục anh, truất phế anh, đề kho tàng càng chật, đề giang san mình càng dài về phía Nam, mà lại ôm anh mà khóc, rồi lui binh về, khi thấy anh đích thân lên thành bị khốn, khóc mà bảo mình : « Em nữ lòng nào lại nôi da nấu thịt như thế. »

Chúng tôi không có ý thần thánh hóa một nhân vật phi thường, mà thiên tài đã lộ ra lắm mặt, hoặc tìm mọi cách đề gỡ tội, đề biện hộ cho Huệ, khi thiên hạ đều chứng minh rằng Huệ có tội, Huệ

kém, hèn. Đã là người, thì Huệ cũng như chúng ta, sao khỏi vài khi thường tình, sao khỏi đôi phen vụng tính, lỡ lời. Song vì tư hiềm, vì bộ dờ, mà gán cang cho một kẻ chẳng được yên mồ những ý nghĩ, những hành vi dưới mực xoàng xĩnh, thì bôn phận của kẻ đến sau phải chẳng là cố đặt giả thuyết có phần hợp tình hợp lý hơn ?

Riêng chúng tôi, dù cho Huệ có lý đến đâu trong cuộc đem quân cùng anh tranh hùng, rồi vây ngặt Qui-nhơn, việc dùng quân sự thuần túy đề giải quyết cuộc hiềm khích giữa anh em một nhà, đã là điều chẳng đáng khen.

Huống chi hành động này của Huệ lại là một cái cớ — dù là phụ đi nữa — giúp cho Nguyễn-Ánh vươn lên, làm rạn nứt thành trì vốn kiên cố của nhà Tây-Sơn, nhà Tây-Sơn của ba anh em cùng năm gai nếm mật.

Đề lật qua không lướt tiếc những lời, những lý của lớp người đặc thế nhất thời ngậm máu phun người xấu số, chúng ta hãy nghe thêm ít câu trong « Đại-Nam quốc sử diễn ca », một tác phẩm được biết nhiều vì làm bằng thơ lục bát, và tác giả được một ông vua nhà Nguyễn « thưởng cho tấm lụa với hai đồng tiền » :

« — Bấy giờ có giặc Tây-san...
— Ngụy Tây găm ghế mặt ngoài...
— Tiếng đồn nghe đến giặc Tây...
— Ngụy Tây vốn kẻ hung tà...
— Ngọc-Hân vừa trạc đào hồng,
Ép duyên kim cẩu kết lòng sài lang » (38)

(38) Sài lang : Chó sói tàn ác ; tác giả bài ca thiên về nhà Nguyễn, nên dùng những danh từ quá đáng và bất công đề chỉ Tây-Sơn. (lời chú của Hoàng-Xuân-Hân)

Nếu câu thơ «*Biết ai là đại, biết ai khôn*» được thành tục ngữ, thì câu thơ này mà thi sĩ Hoàng-Cầm đề trong miệng một người điên lúc Nguyễn-Ánh mới lên ngôi cũng mong được số phận may mắn ấy :

«*Đó là giặc, biết ai không là giặc ?*»



«*Đó là giặc, nhưng nghiêng trời trổ
dũng,*

Cũng làm vua và cũng biết thương dân.

Mấy nghìn năm ta mới gặp một lần,

Đó là giặc, biết ai không là giặc ?

Một nước nhỏ mà phân chia Nam, Bắc,

Xâu xé nhau vì hai chữ lợi danh :

Tam Vương, Ngũ Đế, cướp đất, phá
thành...

Mấy trăm năm nghe dân tình xao xác.

Thay nghĩa lý thánh hiền bằng giáo mác,

Và lẽ trời theo máu đã trôi xa.

Đấng Cao Xanh thì thẹn trót sinh ra,

Một giống vật lấy tên là «*Nhân Loại*»,

Nên phải có người say cùng kẻ đại

Trốn ra ngoài rơm rác của cuộc đời,

Ta thấy ai vừa thăng trận lên ngôi...

Đó là giặc, mà ai không là giặc ?»

Nhà Nguyễn để mất nước, còn chút ngôi lung lay, còn tí quyền vậy vậy, mới có đôi lời phán xét vô tư và công bình. Năm 1919, Lê - Thần Trăn - Trọng - Kim cất tiếng : (39)

«*Những người làm quốc sử nước Tàu và nước ta, thường cứ chia những nhà làm vua ra là chính thống và ngụy triều. Nhà*

nào, một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là được kể truyền phân minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là chính thống. Nhà nào, một là làm tội cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là ngụy triều.

«*Vậy nay, lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây-Sơn làm chính thống, hay là ngụy-triều, để cho hợp lẽ công bằng và cho xứng cái danh hiệu của những người anh hùng đã qua.*

«*Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung-hưng trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa xứ Bắc ; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương-Phúc-Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiều đãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy.*

«*Lúc ấy anh em Nguyễn-Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây-sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Qui-nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừu địch, nhưng mà đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một*

(39) Việt-nam sử lược.

người anh hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

« Còn như Nguyễn-Huệ là vua Thái-tổ nhà Nguyễn Tây-Sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia-dinh đều được toàn thắng, phá hai vạn quân lùm beo của Tiêm-la chỉ còn được mấy trăm người lùi thối chạy theo về nước; sau lại ra Bắc-hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mỗi cương thường cho rõ ràng. Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

« Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh-Bồng và Nguyễn-Hữu-Chỉnh nối nhau mà chuyên quyền, đến nỗi thành ra toán loạn. Dầu thế mặc lòng, khi Nguyễn-Huệ giết Vũ-Văn-Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám-quốc để giữ tông miếu tiền triều: như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

« Sau vua Chiêu-Thống và bà Hoàng Thái-hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh tướng sang giữ thành Thăng-long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật dụ của vua nhà Thanh, thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa ra mặt hẳn, nhưng kỳ thực đã vào tay người Tàu rồi.

« Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn-Huệ mới lên ngôi Hoàng-đế, truyền lệnh đi các nơi, đường đường chính chính, đem quân ra đánh một trận, phá hai chục vạn quân Thanh, tướng nhà Thanh là Tôn-Sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ,

tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay, nước ta chưa có võ công nào lắm liệt như vậy.

« Và đánh đuổi người Tàu đi, lấy nước lại mà làm vua, thì có điều gì là trái đạo? Há chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần, nhân lúc ấu quân, nữ chúa mà làm sự thoán đoạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là ngụy? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn-Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông làm An-nam quốc vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây-Sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không?

« Tuy rằng chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây-Sơn sinh ra nội loạn, vua Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn lại thu phục được cơ nghiệp cũ mà nhất thống cả Nam Bắc lại làm một, phưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, và lại khi hai người anh hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu địch. Vậy lấy lẽ tôn bản triều (40) mà xét thì nhà Nguyễn Tây-Sơn là ngụy, mà lấy công lý mà suy thì vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh-Tiên-hoàng, vua Lê-Thái-tổ, mà nhà Nguyễn Tây-Sơn cũng là một nhà chính thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy. »

Ba mươi chín năm qua, sống dưới chính thể cộng hòa, nhà Nguyễn bù nhìn và tồi tệ bị gạt ra lẽ lịch sử, đọc lại những lời lẽ, lập luận trên đây, chúng ta chẳng thấy cần phải thêm gì

(40) Xin nhắc lại: tác giả xuất bản sách năm 1919.

nữa, chỉ có ý « nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời » là đa số chúng ta, (nếu chẳng phải là tất cả) không đồng với tác giả « Nho giáo »: người nghĩ suy, người chọn lựa, người hành động, bạn giúp, thù phá, số đông cam chịu, phản ứng thuận hay nghịch, rủi, may, tình cờ..., người gieo gì thì gặt nấy, sớm muộn tùy khi, chính người dựng Thiên-dàng hay xây Địa-ngục; trách nhiệm về mình, thành bại phần chánh do mình; còn « Trời hại ta ! » là vì không tự xét.

1919, Trần-Trọng-Kim mạnh dạn lên tiếng thế, mà đến 1942 — 23 năm sau — Dương-Bá-Trạc lại chẳng thề im lời :

« Vua Quang-Trung khởi thân chỉ một manh áo vải ở đất Tây-sơn, gặp lúc triều Lê suy sút, Nguyễn, Trịnh tranh giành, non nước tan tành, nhân dân chìm chày, ngài có cái chí khí hơn người, cái tài lược xuất chúng, cái độ lượng dung hiền, nạp sĩ, cái qui mô định loạn an bang, ra mà đảm nhiệm cái việc trừ bạo cứu dân lúc ấy, có gì tiếm thiết, là tà tư ? Vậy há nên cứ gọi là ngụy triều mãi ?

.....

« Ta phải công nhận ngài là vị anh hùng cứu quốc nước ta, chẳng những suy tôn ngài là nhà vua chính thống vậy.

« Tay không gây dựng nổi cơ đồ,

« Để bá tung hoành một sắt phu :

« Thuận-hóa bay thuyền xưa tướng Trịnh,

« Thăng-long phóng ngựa đập quân Hồ.

« Hoàng-thống chớ lăm chia chính, ngụy,

« Anh hùng đáng mặt sử minh đồ. »

Chúng ta cần xét lại hai tiếng thất phu trong bài thơ. Kẻ dân thường, người nhỏ

hèn, chút ý nghĩa khinh khi ẩn trong danh từ ghép này. Nhớ lại câu thơ của Đỗ-Chiêu trong Lục-Vân-Tiên :

« Uồng trang thực nữ sánh cùng thất phu. »

Nguyễn-Huệ là một nông dân áo vải, là một tên dân thường, chính Huệ cũng không giấu nguồn gốc khiêm tốn của mình. Song bảo người anh hùng dân tộc, xưng vương, lấy hiệu Chính-Bình, xưng đế, chọn hiệu Quang-Trung, bảo rằng người thiết tha với nền quốc học là kẻ dốt, là tên vô học, thì — dầu không biết chữ chưa phải là cái tội, nhất là thời ấy — phải chăng là cố ý bôi nhọ con người mình sợ ghê hay ghét lắm ?

Năm 1944, trong cuốn « Quang-Trung », Hoa-Bằng chép :

« Thụ nghiệp giáo Hiến (không rõ họ của Hiến là gì), anh em Nguyễn-Huệ, từ trẻ, đi học, đã được giáo Hiến đặc biệt chú ý.

« Giáo Hiến nguyên là môn khách nhà Trương-Văn-Hạnh, ngoại hữu dưới triều Định-vương (1765-1778). Vì sợ vạ lây sau khi Hạnh bị Phúc-Loan giết chết, Hiến phải trốn vào Qui-nhơn, mở trường dạy học ở ấp Yên-thái.

« Thấy Nguyễn-Huệ nhanh nhẹn, khỏe mạnh, can đảm, mắt như chớp sáng, tiếng như chuông vang, Hiến biết ngay là một thanh niên lỗi lạc có cái tương lai phi thường. »

Người lỗi lạc, thì học một biết mười ; được thầy đặc biệt đề ý, thì sự hiểu biết, sự tiến bộ không thể căn cứ vào số ngày tháng ngồi « chi, hồ, dã, giả ».

(Tuần báo « Tri-tân », số 35, ngày 18-2-1942)

Năm 1945, trong bài tựa cuốn « *La-Sơn phu tử* », Hoàng-Xuân-Hãn ghi :

« Một cụ già thấp hươg, vái, rồi lấy ống sắc mờ ra. Rút mãi, kéo ra một cuốn giấy cũ. Tôi trong lòng hồi hộp, tay mở cuốn ra xem. Bèn thấy dấu son còn đỏ chói ; chữ mực vẫn chưa phai, duy chỉ giấy xưa lâu ngày đã thành vàng úa, và bị cuốn chặt quá nên mép rách sờn.

« Nào chiếu, nào thư, nào tờ truyền, nào đạo sắc. Niên hiệu Cảnh-Hưng, Thái-Đức, Cảnh-Thịnh, Quang-Trung. Lối chữ đủ lối chân, lối thảo, lối nghiêm trang của người thư lại, lối linh động của bức tức nho.

« Chợt thấy một bức chữ son, nét son Tàu đỏ thắm. Nét bút vụng về nhưng vạm vỡ. Mắt tôi không chớp, lòng tôi bắn khoắn. Hẳn đây là thủ bút của một vua nào ! Niên hiệu đề Thái-Đức, nhưng lời thư bằng Nôm là của vua Quang-Trung ! Mà di bút ấy lại là bức thư mà Quang-Trung tự viết mời phu tử xem đất đóng đô. Lời thơ lại bằng Nôm. Đó là một sử liệu quý giá vô ngần, nó tỏ rằng Quang-Trung cũng biết chữ nhưng không thông ; rằng Quang-Trung dùng chữ Nôm trong công văn ; rằng Quang-Trung biết trọng hiền tài (...). »

Và ở chương XIV ; Xem đất làm đô ở Nghệ an. (...): « Nét bằng son hồng điều, nay còn rất tươi. Tuy nét bút cứng cáp chững chạc, nhưng cũng rõ là người viết chưa luyện ».

Nhận xét cuối cùng này, chẳng ai lấy làm lạ. Con người bình dân học vừa đủ dùng, tay tuốt gươm nhiều không biết bao nhiêu lần cầm bút, thì khi hạ bút, chữ

có không đều, có tô đi sửa lại, có viết lầm tên Nguyễn Thiếp ra Nguyễn Thiệp, là việc thường. Phi thường là dùng chữ Nôm thay chữ Hán đề thảo chiếu, tờ chiếu bằng văn Nôm duy nhất may mắn còn sót lại đến ngày nay.

Cho nên, dầu phải mắc tội « quá tham lam », chúng tôi không thể nhân dịp này mà chẳng sao lại tờ chiếu lịch sử — vừa lịch sử chánh trị, vừa lịch sử văn học — của con người lịch sử ấy :

« Chiếu truyền La-Sơn phu tử Nguyễn-Thiệp khâm tri. Ngày trước ủy cho phu tử về Nghệ-an tướng địa làm đô cho kịp kỳ này hội ngự. Sao về tới đó, chưa thấy động việc gì. Nên hãy giá hỏi Phú-xuân kinh hưu tức sĩ tốt.

« Vậy chiếu ban hạ phu tử tảo nghị dũ trấn thủ Thận cộng sự, kinh chỉ dinh chỉ, tướng địa tác đô tại Phù-thạch. Hành cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa, phòng tại dân cư ư gian, hay là đầu cát địa khả đô, duy phu tử đạo nhân giám định.

« Tảo tảo bốc thành ! Ủy cho trấn thủ Thận tảo lập cung điện. Kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, đặc tiện giá ngự. Duy phu tử vật dĩ nhân hối thị.

« Khâm tai ! Đặc chiếu.

« Thái-Đức thập nhất niên, lục nguyệt, sơ nhất nhật. »

Lời Nôm mà có pha Hán. Thành nay khó hiểu, Hoàng-Xuân-Hãn viết lại giùm chúng ta theo giọng giờ đây.

« Chiếu truyền cho La-Sơn phu tử Nguyễn-Thiệp được biết. Ngày trước, ủy cho phu tử về Nghệ-an xem đất đóng đô cho kịp kỳ này hội giá ở Bắc về trú. Sao ta về tới đó thấy chưa

được việc gì? Nên ta hãy hỏi giá về Phú-xuân-kinh cho sĩ tốt nghỉ ngơi.

« Vậy chiều ban xuống cho phu tử nên sớm cùng ông trấn thủ Thận tính toán mà làm việc, xem đất đóng đô tại Phù-thạch. Hành cung thì để phía sau khá gần núi. Chọn đất hoặc ở chỗ có dân cư, hoặc chỗ nào đất tốt có thể đóng đô được, là tùy phu tử lấy con mắt tinh mà xét định.

« Sớm sớm chọn lấy, giao cho trấn thủ Thận chóng dựng cung điện. Hẹn trong ba tháng thì xong, để tiện việc giá ngự. Vậy phu tử chớ để chậm chạp không chịu xem.

« Kính thay, Đặc chiếu...

« Thái-Đức năm thứ 11, tháng 6, ngày mồng 1 ». (41)

Tức và tiếc cho kẻ thừa hưởng công trình xây móng nhất thống nước non nhà của Quang-Trung là Gia-Long lại chẳng biết phát triển nền văn học Nôm, khiến sau này chúng ta chẳng được đọc một chiếu nào của triều Nguyễn viết bằng tiếng mẹ đẻ cả, để thật lùi trở lại, học nhờ viết mượn thêm cả trăm năm hơn.

Khiến hơn thế kỷ rưỡi, lắm người còn nhắc nhở cái sáng kiến và hùng tâm nói trên, đã một thời bị xóa mờ vì cái thất bại đau đớn của cha con họ Hồ.

Như Không-Cư là một :

« Nguyễn-Huệ (...), một bậc anh hùng có một không hai trong lịch sử nước ta. Người có tài cầm binh đánh giặc, lập mưu, bày kế, giỏi ngoại giao cũng

như nội trị, lại có cặp mắt trông xa và kiến thức cao vút, đã sớm biết quý trọng tiếng mẹ đẻ. Người anh hùng luôn luôn mặc áo vải để không quên rằng mình gốc là một nông dân xuất thân đã cho tiếng mẹ đẻ được một địa vị quan trọng, để mong nhờ nó mà truyền bá tư tưởng và làm cho nền giáo dục được phổ thông trong dân chúng. Chỉ một việc trọng tiếng mẹ đẻ này, người đời sau cũng thấy cái óc sáng kiến của nhà chính trị siêu quần này.

(...) « Xem thế thì đủ biết Nguyễn-Huệ là một ông vua đi sát với quần chúng nhờ dùng tiếng Nôm, chớ không phải dựa nơi một bọn sĩ phu chỉ có đôi mào Nho-học.

« Đây là một bài học cho những kẻ ra làm chính trị mà nói tiếng mẹ đẻ không xuôi, hoặc đọc diễn văn chỉ nhờ người làm giúp... » (42)

Dùng chữ Nôm, dựng quốc học, Nguyễn-Huệ chẳng người theo, sau đó, như Quí-Li, trước kia ; và cũng như Quí-Li, Nguyễn-Huệ, dù giờ đây có được lớp đến sau thương, phục, cũng chẳng còn mớ để người Việt đến đốt một nền hương.

Khiến mười lăm năm xưa, Hoa-Bằng Hoàng-Thúc-Trâm đã ghi mấy dòng cảm khái (43) :

« Ở đời, muôn sự của chung,

« Hơn nhau một tiếng anh hùng
mà thôi.

(41) Tức năm 1788.

(42) Báo « Sinh-hoạt », số 3, ngày 29-2-1948.

(43) Tháng 8, năm 1943, tựa quyền « Quang-Trung », in lần đầu, năm 1944,

« Lê đồ ! Chiêu-Thống cầu viện nhà Thanh, chỉ là một lối « rước voi công răn ».

« Người Thanh thả sít bắt sộp, chực đón nước Nam, chứ yêu gì Lê, ghét gì Nguyễn (Tây-Son). Giá bấy giờ không có vua Quang-Trung, thì nước ta ra sao ?

« Vậy, công đuổi Tôn-Sĩ-Nghị, quét sạch hai mươi vạn quân Mãn-Thanh, giữ vững tự do, chủ quyền và lãnh thổ Việt-nam ở cuối thế kỷ mười tám, thật chẳng kém Lý đánh Tống, Trần phá Mông-cò, Lê bình Ngô...

« Vả, muốn cho nước mạnh, dân giàu, vua Quang-Trung lại mài nanh, rửa vuốt, luyện tướng, rèn binh, định khôi phục lấy đất cũ, luân vong ở phía Bắc. Giá ngài thêm thọ, đừng vội ôm chí mà thác, thì nước ta sẽ lại ra sao ?

« Ôi ! là người đồng thời và ngang hàng với Nã-Phá-Luân thứ nhất, Quang-Trung cũng có thiên tài về quân sự, cũng có thủ đoạn thần tốc trong việc hành binh,

cũng có sáng kiến khác thường trong công cuộc kiến quốc, cũng có chí khí hào hùng, hoài bão cao cả... Vậy mà Nã được gởi năm xương trong đền Invalides (44) để cho người sau hoài niệm viếng thăm ; còn Quang-Trung : mả phải đào, xương phải tán (45), dòng dõi bị tru di, sự nghiệp liệt liệt oanh oanh gói tròn trong một chữ « Ngụy ».

« Trèo lên Đống-đa (ở ấp Thái-hà, Hà-dông), trông ra bốn mặt : nào gái, nào trai, nào áo, nào mũ, nào ngựa kéo xe, nào trâu cày ruộng, gió bụi lưng trời mờ mịt... Quang-Trung nào đâu ? »

Xóm Giếng « Nguồn chung »,

xuân mậu-tuất (1958)

NGUYỄN-NGU-Í

(44) Đền danh tiếng của nước Pháp, ở Paris ; di hài Napoléon đệ nhất và di hài nhiều vị thống chế nước Pháp được giữ gìn nơi ấy.

(45) Tuy vậy, Nguyễn-Huệ may mắn hơn Hồ-Quý-Li : gởi thớt xương trên đất, trên nước Việt, tên được chọn đặt tên đường, tên trường...

★ Người thủ lĩnh thật là kẻ người ta phục, người ta mến và người ta theo. Người ta phục, vì là người tin cậy được, có tài đức thật, là người hướng dẫn giỏi, tháo vác hay. Người ta mến vì là người không vụ lợi, có tinh thần phục vụ, biết người biết của, nên dùng người dùng của ít khi sai lầm. Người ta theo vì là người có thể dùng lời nói, khoe mắt, nụ cười mà thúc đẩy người ta phấn phát lên được. Người nào mà chẳng cảm thấy sẵn sàng tận lực hy sinh cho chính nghĩa với một thủ lĩnh như vậy, hoặc hy sinh cho chính thủ lĩnh để phụng sự chính nghĩa mà thủ lĩnh là kẻ đại diện.

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA - KỲ

PHAN-SƠN-VŨ

SỰ HUẤN LUYỆN VIẾT BÁO

• Sự tin tưởng và thiện chí đối với quần chúng
là căn bản của nghề viết báo tốt đẹp •.

Bản tuyên ngôn của Tiểu ban Tự Do
Thông Tin Báo Chí Liên Hiệp Quốc.

BÀI III. — HIỆN TÌNH BÁO CHÍ (1)

Tự do báo chí là quyền tự do căn bản của con người, một quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Khi có tự do báo chí, lẽ dĩ nhiên nền móng dân chủ của quốc gia sẽ được phát triển hoàn toàn. Người dân có quyền được biết những việc làm của chánh quyền, thông hiểu tình hình quốc gia và quốc tế, để có một nhận định sáng suốt về tình thế. Hơn nữa, người dân trình bày ý kiến của mình trước diễn đàn báo chí, hoặc đòi hỏi, hoặc tố cáo những sự hà lạm đàn áp của một cá nhân nào đó.

Tự do báo chí nếu được phát triển đầy đủ và đúng mức cũng sẽ giúp chính quyền hiểu rõ nguyện vọng của dân chúng, biết những hành động của các công bộc, nạn hối lộ, hống hách hay đàn áp sẽ một phần lớn do đó giảm sút đi.

Nhưng muốn được như vậy, tờ báo phải giữ đúng nhiệm vụ cao quý của nó là diễn đàn của dân chúng, là tiếng nói của lẽ phải, tự do và sự thực. Như vậy vẫn chưa đủ. Trong xã hội cuộc sống giữa con người với con người, với chánh quyền, các đoàn

(1) Xin xem B.K. từ số 35 và 36.

thể đều có sự ràng buộc lẫn với nhau bởi những công ước. Công ước đó là Hiến-pháp, luật lệ, những tập quán và tín ngưỡng của dân chúng, của địa phương và danh dự cùng quyền lợi của cá nhân v.v...

Tờ báo muốn giữ đúng nhiệm vụ cao quý của mình phải có một tòa soạn vững vàng về kỹ thuật cũng như nghệ thuật làm báo, viết báo. Tòa soạn phải có những cây bút xuất sắc, có thẩm quyền về mọi vấn đề của tờ báo, phải ý thức được nhiệm vụ cao quý của mình, đối với tờ báo, độc giả, chánh quyền và quốc gia. Muốn có những cây viết đúng đắn đó, phải nghĩ đến việc đào luyện những người làm báo. Nói như vậy không phải là ai viết báo cũng phải được huấn luyện, nhưng cũng không ai chối cãi được rằng trừ một số ít những tài năng do kinh nghiệm trong nghề hoặc vì hoàn cảnh đặc biệt, sự huấn luyện chuyên nghiệp phải được coi là cần thiết. Ở thời đại khoa học này, báo chí phải được coi là ngành chuyên môn của văn hóa.

Tại những nước tân tiến, nghề làm báo được phát triển sớm cùng với khoa học, kể từ khi Guttenberg tìm ra máy in. Cũng vì thế mà ở Đức lần đầu tiên tại trường Đại Học Breslau năm 1806 có lớp giảng về báo chí do giáo sư Schummel phụ trách.

Rồi dần đến các lớp học báo chí được mở ở Đại Học đường Heildelberg, năm 1895 — Tại Đại học đường triết học Munster, khoa báo chí lần đầu tiên giành ghế viện trưởng cho giáo sư Karl d'Ester.

Hiện nay, hầu hết những quốc gia trên thế giới đều có trường dạy viết báo (1). Phần nhiều những trường này đều do sự săn sóc đặc biệt của chánh quyền và sự hợp tác của các hiệp hội báo chí.

Riêng ở Hoa-Kỳ, lần đầu tiên nghề làm báo được dạy tại Đại Học đường Washington vào quãng năm 1869 tại tiểu bang Virginia. Người có hân hạnh phụ trách lớp này là viên chủ bút của tờ Lexington Gazette. Rồi đến các đại học đường Kansas, Columbia, Pennsylvania v. v. ... đều mở lớp báo chí. Từ năm 1900 trở đi các đại học đường khác đều mở lớp dạy làm báo.

Sự huấn luyện về viết báo ở Hoa-Kỳ căn cứ vào ba mục đích :

— Huấn luyện về lý thuyết viết báo

— Thực hành.

— Huấn luyện về nhiệm vụ và tinh thần của người viết báo.

Về ba điểm này, tuy mỗi trường có sự khác nhau về nội dung đôi chút, tùy theo thời gian huấn luyện và lớp. Nhưng trên tổng quát đều đại khái giống nhau

(1) Năm 1899 đại học dạy làm báo được mở tại PARIS do ông DICK MAY và ANTONIN PERIVIER chủ bút tờ Le FIGARO phụ trách.

Tại Á-Đông, Trung-Hoa Quốc Gia Hiệp Hội Báo Chí lập trường dạy làm báo tại Bắc Kinh năm 1911. Năm 1918 Quốc Gia Đại Học Đường Bắc-Kinh chính thức mở lớp dạy báo chí — Tại Nhật-Bản lớp dạy làm báo mở tại Đại Học Đường Đông Kinh năm 1929.

Tại Phi Châu, Quốc gia đầu tiên có mở trường dạy viết báo là AI-CẬP vào năm 1937.

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA KỲ

về phần huấn luyện lý thuyết thường thường gồm có những mục chính sau đây :

- Lịch sử và nguyên tắc của báo chí.
- Xây dựng tờ báo.
- Quản trị tờ báo.
- Nguyệt san.
- Phát hành.
- Luật pháp về báo chí.
- Lấy tin, viết báo.
- Thư tín.
- Dụng cụ in báo.



Ở giai đoạn phôi thai vào quăng năm 1904 ở Hoa-Kỳ người ta thường chú trọng đến sự huấn luyện chuyên môn để lấy tin tức. Nhưng gần đây những trường dạy làm báo đã đề ý đến những căn bản văn hóa cần thiết cho người viết báo. Vì hiện nay người viết báo phải quán triệt nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh của xã hội hiện tại trên nhiều phương diện. Người ta có thể tóm tắt được những môn học chính như sau :

— căn bản văn hóa : xã hội học, lịch sử, địa lý, triết học v.v...

— căn bản lý thuyết nghề báo như : lịch sử báo chí, báo chí và xã hội, luật lệ làm báo.

— lấy tin và viết tin, phóng sự, bình luận thời cuộc, chứa các bản tin tức và lên khuôn bài.

— môn học về công việc của tòa báo : ấn hành, quảng cáo, phân phát, quản trị.

— môn học về sự liên lạc với quần chúng như : phát thanh, các hãng thông tấn, chiếu bóng, vô tuyến truyền hình và việc viết các truyện ngắn.

— môn học về đại cương ấn loát, trình bày báo và các cách lên khuôn.

Tinh thần của người viết báo căn cứ vào bản tuyên ngôn của Tiểu Ban về Tự Do Thông Tin và Báo Chí của Liên-Hiệp-Quốc công bố vào tháng 3 năm 1952. Đại lược thì bản tuyên ngôn này nhấn mạnh về quyền tự do thông tin báo chí, một quyền thiêng liêng của bản tuyên ngôn nhân quyền, về sự tôn trọng bí mật nhà nghề và lương tâm nhà nghề. Ở điều thứ 11 của bản tuyên ngôn này có câu : *« Sự tin tưởng và thiện chí đối với quần chúng là căn bản của nghề viết báo tốt đẹp »*.



Về phương diện tổ chức và huấn luyện viết báo tại các nước được tổ chức trên nguyên tắc sau đây :

— Các lớp cao cấp cần nhiều thời gian huấn luyện.

— Các lớp bổ túc cho các người đang ở trong nghề viết báo.

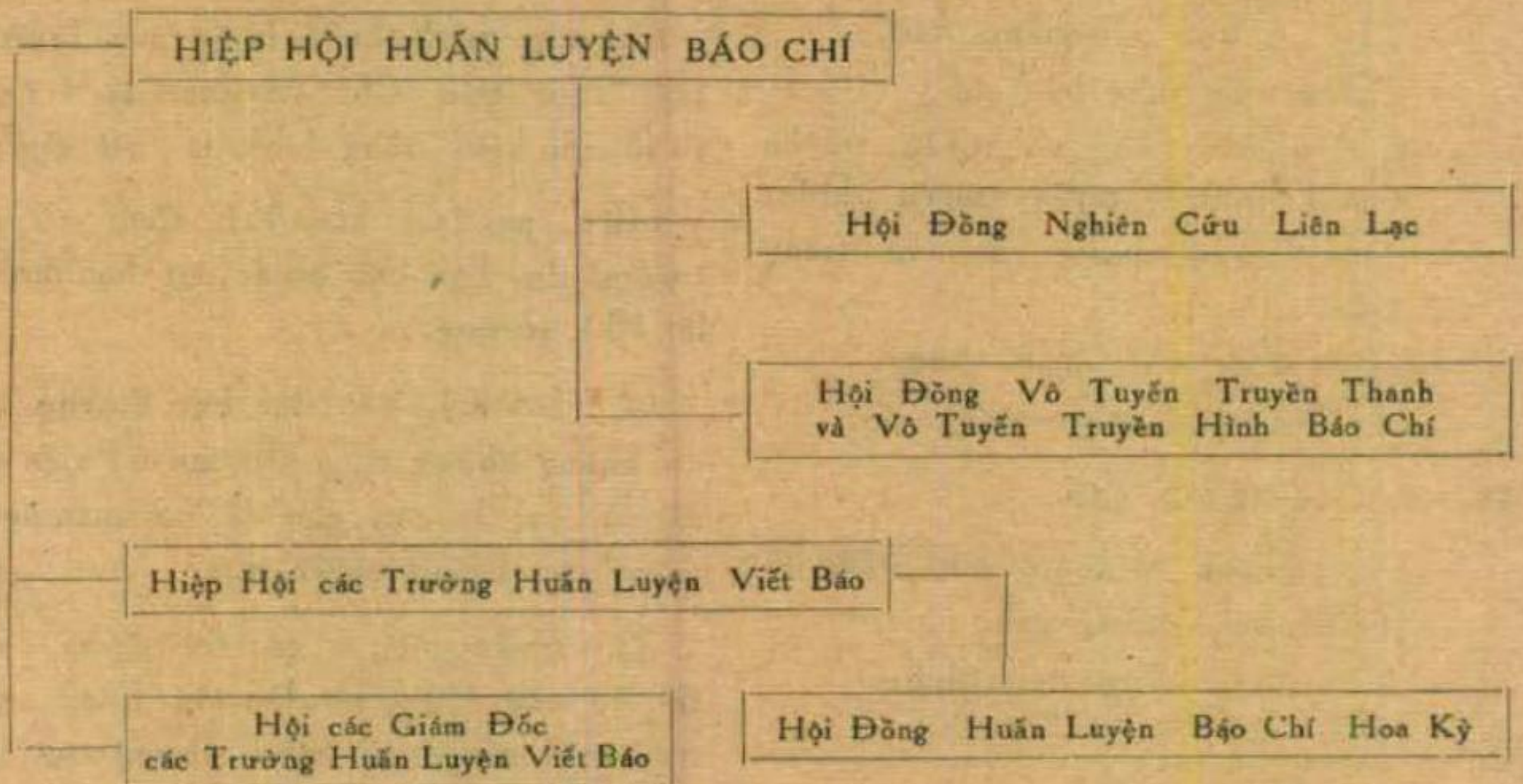
— Các lớp phổ thông.

Chúng ta cũng nhận thấy lớp bổ túc cho các người viết báo và các lớp phổ thông là để huấn luyện cho những ký giả viết báo không có hoàn cảnh theo học ở lớp cao cấp.

Thời gian huấn luyện ở các lớp cao cấp từ một năm đến bốn năm

hoặc có khi 10 tháng như ở trường Journalistakademiet ở Oslo. Tại Hoa-Kỳ, Hội Đồng huấn luyện báo chí Hoa-kỳ thành lập năm 1944 để điều hành liên lạc các công việc huấn luyện giữa các báo chí, các trường huấn luyện báo chí, các sinh viên và công chúng. Hội có nhiệm vụ hoạch định những kế hoạch huấn luyện tổng quát, giúp đỡ hướng

Luyện nghề viết báo. Hiệp hội gồm có hai hội đồng: *Hội Đồng nghiên cứu liên lạc thông tin* và *Hội Đồng về phát thanh Vô Tuyến Truyền Hình Báo Chí*. Ngoài ra lại còn các hiệp hội khác phụ giúp: Hiệp hội các trường huấn luyện Báo Chí, Hội Đồng huấn luyện Báo Chí Hoa-Kỳ, Hội các giám đốc các huấn luyện báo chí.



dẫn các sinh viên trong việc học, giúp đỡ các ký giả, chủ bút các đài phát thanh trong việc liên lạc các trường dạy làm báo. Nói tóm lại Hội đồng huấn luyện báo chí Hoa-kỳ là một cơ quan cố vấn và hướng dẫn trong việc thực hành của nghề làm báo và các lý thuyết của các trường dạy làm báo.

Năm 1949, *Hiệp Hội các trường dạy làm báo Hoa-Kỳ*, *Hội các giám đốc các trường dạy làm báo Hoa-Kỳ*, *Hiệp Hội các người dạy làm báo Hoa-Kỳ* họp lại thành một *Hiệp Hội về Huấn*



Chương trình huấn luyện, tuy mỗi trường có khác nhau nhưng đại để những môn chính cũng tương tự, Trên tổng quát chúng ta có thể xem chương trình sau đây của Báo Chí tại Đại Học Đường Missonri.

LỊCH SỬ

- Lịch sử báo chí
- Luật về báo chí, vô tuyến truyền thanh và quảng cáo

VẤN ĐỀ BÁO CHÍ TẠI HOA KỲ

PHÓNG SỰ VÀ TIN TỨC

Tin tức

Phóng sự

Đọc và sửa bài.

Trình bày.

QUẢNG CÁO VÀ ẨM HÀNH

— Lý thuyết và thực hành về quảng cáo.

— Tâm lý học về quảng cáo,

— Quảng cáo trên báo chí.

— Quảng cáo bằng vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình.

— Thị trường quảng cáo và trung gian.

— Giao dịch với quần chúng.

— Ấn loát trình bày quảng cáo.

TRANH ẢNH BÁO CHÍ

— Nguyên tắc về tranh ảnh báo chí.

— Tranh ảnh quảng cáo,

— Kể truyện bằng tranh ảnh.

BÌNH LUẬN

— Các loại bình luận.

— Bình luận thời cuộc

— Trình bày

— Tuyên truyền.

PHÁT THANH BÁO CHÍ

— Tin tức phát thanh

— Phát thanh và báo chí

— Vô tuyến truyền hình và báo chí

TÂN TRUYỀN VÀ CÁC TUẦN BÁO NGUYỆT SAN

— Tân truyền

— Diễm sách

— Truyện về kỹ nghệ và thương mại

— Canh nông.

TUẦN BÁO

— Tuần báo

QUẢN ĐỐC BÁO

— Ấn hành, phát hành.

— Tổ chức và quản trị.

Chương trình huấn luyện của Trường Đại Học Báo Chí Missonri là 4 năm, và số sinh viên trung bình là 280 người.

Hiện nay tại Hoa-Kỳ, tổng số các trường dạy báo chí ở các đại học đương là 100 trường.

Ở Hoa-Kỳ, các đại học đương báo chí không những cung cấp chuyên viên cho các tờ báo, lại còn cho các cơ quan ngoại giao hoặc chánh quyền nữa.

Tuy nhiên, học ở các trường ra chưa đủ họ còn cần phải lăn lộn trong nghề nữa mới mong trở nên những cây viết sắc bén.

Nhưng ngoài những ký giả tốt nghiệp ở các Đại học đương báo chí ra, đa số các cây viết đều do kinh nghiệm lâu năm trong nghề.

Cho nên theo dư luận thì các ông chủ báo ở Hoa-Kỳ khi tuyển dụng các chủ bút hoặc biên tập viên, chỉ có một số rất ít đề ý đến bằng cấp về báo chí. Phần nhiều chỉ chú trọng đến kinh nghiệm và tiếng tăm của các ký giả mà thôi. (1)

(1) Báo Echo de Presse số 341 tháng 4-1958.

Tuy vậy dù sao đa số những ký giả của Hoa-Kỳ đều đã có một căn bản huấn luyện ở các trường báo chí trước khi vào nghề, hoặc bỏ túc ngay trong khi viết.

Ở một xã hội tiến bộ và trong hiện tình thế giới hiện tại, những người cầm bút trong các cơ quan ngôn luận phải là con người có đủ căn bản văn hóa

và khả năng chuyên môn để có thể ý thức được vai trò của mình. Ở Hoa-Kỳ và các nước như vậy, còn ở Việt-Nam chúng ta, người viết bài này cũng mong chánh phủ chú ý việc mở trường huấn luyện báo chí để các ký giả trong nghề có chỗ bỏ túc năng lực của mình và đào tạo những cây viết xuất sắc cho làng báo.

PHAN SƠN-VŨ

Làm điều nhân, phải thấy xa

Tử-Lộ làm quan tể ở ấp Bồ, vì phòng giữ nước lụt, cùng dân sửa các ngôi lạch. Thấy dân vất vả khổ sở, Tử-Lộ cho mỗi người một giỏ cơm và một bầu nước. Khổng-Tử nghe thấy, sai Tử-Cống ngăn lại. Tử-Lộ lấy làm bực tức không vui, liền tìm tới Khổng-Tử hỏi:

— Do tôi vì mùa mưa lớn sắp tới, sợ có thủy tai, cho nên cùng dân sửa các ngôi lạch để phòng bị trước. Song thấy dân phần nhiều túng đói, phải đem cơm nước ra cho. Thấy lại sai Tử ra ngăn cản lại, tức là thầy ngăn không cho Do này làm việc nhân. Thầy đem điều nhân ra dạy, mà lại cấm không cho làm điều nhân, như thế Do này không chịu.

Khổng-Tử đáp:

— Nhà người cho là dân túng đói, sao không kêu với vua phát kho dựn ra để chẩn cấp cho họ, mà lại đem cơm nước của riêng người ra để bố thí? Đó tức là người đã tỏ rõ là nhà vua không biết dùng ơn huệ mà nêu cái đức hay tốt của mình ra vậy. Người phải thôi ngay đi, bằng không sẽ bị tội đến nơi đó!

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ



CHÙA THIÊN-MỤ (HAY LÀ LINH-MỤ)

Từ-Quyên ĐẶNG-VĂN-NHÂM

Lời tác giả.— Người xưa khuất đi, không phải chỉ để cho chúng ta ngày nay những chiến công hiển hách, những bài học thất bại đau thương ghi trong sử sách. Người xưa còn để lại cho chúng ta những di tích gồm đủ mọi phương diện : văn hóa, chính trị, xã hội, mỹ thuật... Những di tích này có khi lưu lại bằng chữ nghĩa ; có khi lưu lại ngay trên bản thể mỗi người ngày nay qua ngôn ngữ, cử chỉ, y phục, nếp sống... Lại cũng có khi lưu truyền những kiến trúc mỹ thuật và nhiều dấu vết lịch sử khác nữa.

Những di tích lịch sử ấy là phản ảnh linh hồn dân tộc ở các thời đại trước, cần phải được bảo tồn, nhắc nhở để người nay có dịp tìm hiểu, sống gần người xưa hơn chút nữa, mặc dù người xưa đã khuất.

Bởi trộm nghĩ như vậy, nên chúng tôi không ngại câu « lỗi ngược trào lưu tiến hóa » mà trở về sống với những di tích lịch sử Việt-nam qua các tài liệu chính xác nhất từ trước đến giờ. Chúng tôi tha thiết mong được bạn đọc thông cảm.

ĐẾN xứ Huế, du khách thường nghe giọng ngâm êm ái, khi lên bông lúc xuống trầm thốt ra từ những làn môi thắm xinh như mộng :

... *Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên-Mụ canh gà Thọ
cương...*

hay là :

*Tiếng chuông Thiên-Mụ dấn dò
Em đi : cảnh vắng hẹn hò cùng ai ?*

Hoặc :

*Tĩnh Thừa-Thiên dân hiền cảnh lịch,
Non xanh, nước biếc, điện ngọc, đèn
rồng,
Tháp bảy tầng, thánh miếu, chùa
ông...*

Những ai là du khách đã qua xứ Huế, gửi lại đó chút lòng, đều không thể nào quên được cảnh trí thanh lịch của chùa Thiên-Mụ, cái uy nghiêm trang nhã của Tháp bảy tầng, nơi đã được vua Thiệu-trị cho là một trong những danh lam thắng cảnh đẹp nhất của đế đô.

Vậy chùa Thiên-Mụ, Tháp bảy tầng ra sao ?

Chùa Thiên-Mụ thuộc vùng làng An-Ninh-Thượng, huyện Hương-Trà, kiến trúc vào đầu thế kỷ XVII, khởi công đúng tháng 7 năm 1601 tức năm Tân-Sửu.

Chùa chẳng những là một danh lam thắng cảnh của Huế thơ mộng mà lại còn là một dấu vết lịch sử quan trọng đánh dấu sự kiến trúc, xây dựng đầu tiên của nhà Nguyễn ở miền Nam.

Theo sách « Việt-nam khai-quốc-chí » thì sự tích chùa Thiên-Mụ như sau :

Sau khi đã vào trấn thủ miền Nam, chúa Nguyễn-Hoàng thường hay đi dạo chơi, ngoạn cảnh khắp nơi trong những giờ nhàn rỗi. Mục đích của chúa còn là để tìm hiểu địa thế đất đai, vì vậy không một ngọn núi, một dòng sông nào mà chúa bỏ qua không thưởng lãm, hay quan sát.

Một hôm, nhân đi qua huyện Hương-Trà, chúa thấy giữa cánh đồng rộng của làng Hà-kê có nổi lên một ngọn đồi thanh lịch. Hình thù ngọn đồi giống như một con rồng đang quay đầu nhìn lại dãy núi đằng sau. Nhưng thoáng một phút chúa thấy trong lòng xót xa vô hạn, vì thấy dưới chân ngọn đồi ấy, không hiểu tại sao lại có người đào nơi đó một cái rãnh dài. Chúa cũng am tường ít nhiều địa lý, nên hết sức băn khoăn áy náy, bèn tìm hỏi thổ dân thì họ trả lời rằng :

« Dưới triều nhà Lý, thừa cơ hội sang đánh nước ta, tướng Cao-Biên đi xem địa lý khắp Việt-nam, hễ gặp nơi nào có long mạch để vương thì liền đào rãnh để cắt đứt long mạch ấy đi, với thâm ý muốn xâm chiếm, làm chủ đời đời ở Việt-nam này (1).

Khi đến đây, thấy ngọn đồi này tụ nhiều linh khí và thường có một nữ thần năng lui tới, tướng Cao-Biên bèn

(1) Tướng Cao-Biên chẳng những là 1 võ tướng có tài mà lại còn là 1 nhà địa lý lỗi lạc của Tàu dưới thời Hoàng-Đế Y-Tôn (860 — 874 sau Thiên chúa).

đào khúc phía sau lên. Vì thế, thần tính của ngọn đồi đã bị tiêu tan mất từ lâu.

Đến sau, tình cờ vào một đêm kia có một bà lão già, đầu tóc bạc phơ, song dáng người còn khoẻ mạnh, mặc áo đỏ, quần lục, đến ngồi dưới chân đồi mà than khóc náo nùng. Khóc than xong, bà lão ấy phán rằng : « Chỗ này có linh khí, có long mạch để vương. Về sau, nếu có ai đến đây dựng nghiệp để thì nên cất trên đồi một cái chùa để cho ngọn đồi lại được tụ linh khí như xưa. Làm vậy, thì dân chúng cũng sẽ được sung sướng, ấm no, quốc gia thịnh vượng ». Xong rồi bà lão biến mất.

Thấy vậy, dân chúng trong vùng bèn đặt tên đồi là Thiên-Yêu.

Nghe vậy, chúa Nguyễn phán rằng : « Bà lão ấy chắc là người sẽ đem đến cho ta sự nghiệp. » Rồi chúa cho làm ngay trên ngọn đồi ấy một ngôi chùa đặt tên là Thiên-Mụ.

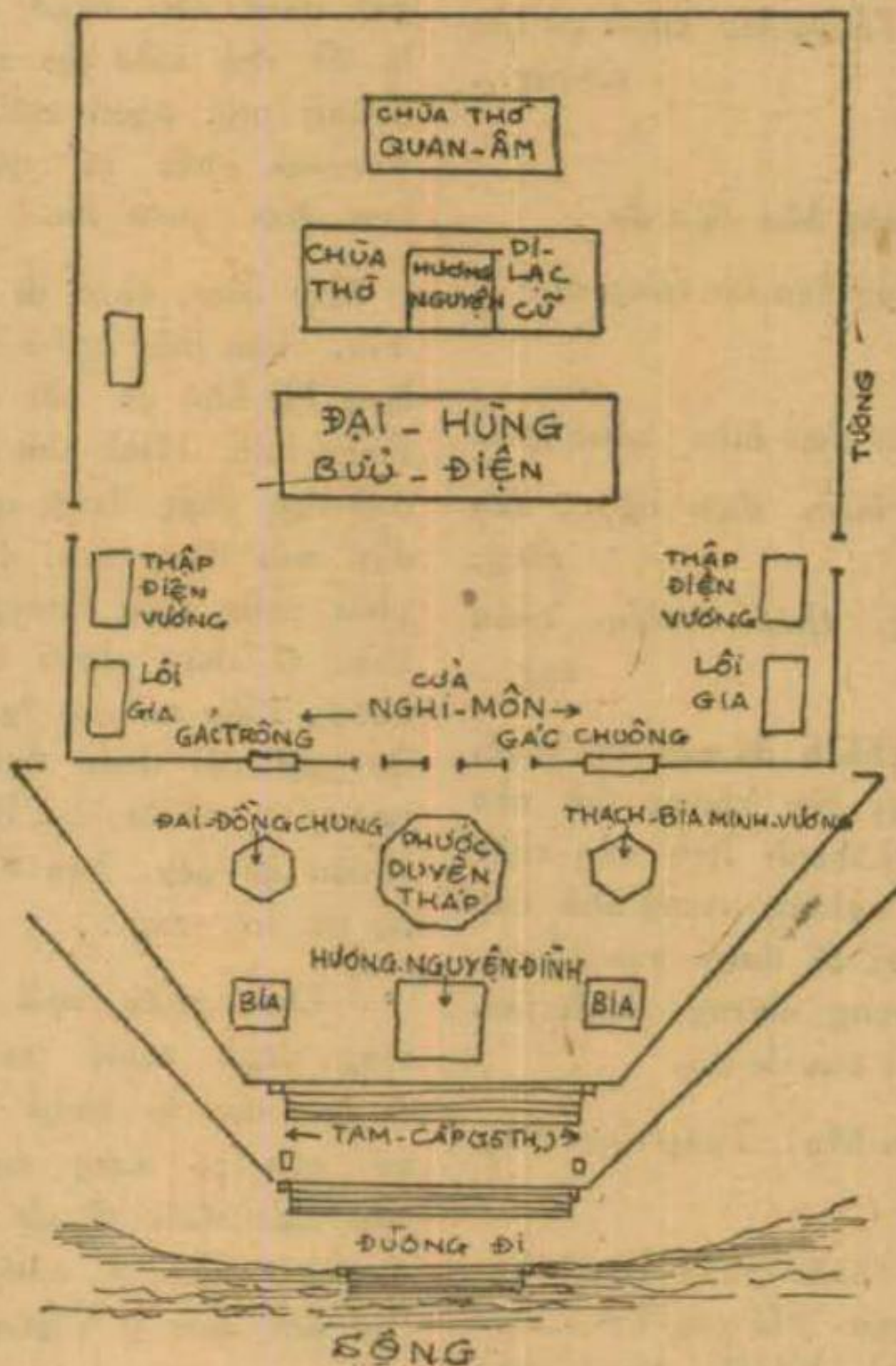
Theo sách « Đại-Nam thật-lục tiền-biên » thì chùa đã được trùng tu nhiều lần trong khoảng từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII.

Đây là sơ lược sự tích xây cất chùa dưới thời Tiên-vương Nguyễn-Hoàng :

Chúa Nguyễn ra lệnh khởi công dựng chùa vào mùa Hạ năm Tân-Sửu (1061) niên hiệu Thái - Tò Gia - Dũ Hoàng-Đế thứ 44 tức Tiên - vương Nguyễn-Hoàng.

Phía dưới chùa về hướng bắc có một hồ nước trong xanh gọi là Bình-Hồ. Trên bờ hồ có một phiến đá giống hình con rùa.

Đến năm Ất-Tị (1665) niên hiệu Thái - Tôn Hiên-Triết Hoàng - Đế thứ 17, Hiên-Vương, tức chúa Nguyễn Phúc-



Đồ án chùa Thiên-Mụ Huế

- Góc trống bên trái cửa Nghị môn. Trục kính của mặt trống là 1 th 40.
- Góc chuông bên phải cửa Nghị-môn. Bề cao của chuông là 1 th 70 bề ngang 1 th 10.
- Thạch Bia Minh Vương bên phải Phước Duyên tháp cao 2 th 60 ngang 1 th 20.
- Bia bên trái Hương Nguyễn Đình có khắc thơ của vua Thiệu Trị.
- Bề ngang Tam Cấp 15 thước.

Tân có sửa sang thêm chùa vào mùa thu (từ 11 tháng 8 đến 8 tháng 9).

Đến năm Canh-Dần (1710) niên hiệu Hiền-Tôn Hiều-Minh Hoàng-Đế thứ 19, Minh-Vương tức chúa Nguyễn-phúc-Chu có đúc cho chùa một cái chuông đồng rất lớn đặt tên là Đại-Đồng thường gọi là Đại-Đồng chung, cân nặng 3285 cân.

Đến năm giáp-ngọ (1714) Minh-vương năm thứ 23, nhà vua có ra lệnh trùng tu chùa một lần nữa và giao cho viên Chưởng-cơ Tổng-Đức-Đại trông nom quản đốc mọi việc. Những nơi phải trùng tu, sửa chữa là: Từ-thiên-Vương-diện, Ngọc-Hoàng-diện, Đại-Hùng Bửu-Điện, Thuyết-Pháp Đường, Tàng-Kinh-Lâu, Chung-Cồ-Lâu, Thập-vương Điện, Vân-Thủy-Đường, Tri-vị Đường, Thuyền Đường, Đại-Bi-Điện, Dược-Sư-Điện, và tất cả các Tăng-Liêu, Thuyền-xá v.v...

Nhà vua cho sửa cả những Phương-trượng ở đằng sau chùa, trong vườn Tì-Da, và ra lệnh phải hoàn tất công việc trùng tu này trong vòng một năm.

Ngoài ra, nhà vua còn gửi mua ở bên Trung-hoa một bộ « Đại-Tạng-kinh-luật-luận » gần một ngàn pho, và xây thêm một tu viện nữa.

Đến tháng 12 năm 1715, nhà vua cho dựng tại chùa một tấm thạch bia to lớn, cao 2 thước 6, ngang 1 thước 2, trên đó có ghi ngày tháng dựng bia, công đức chấn hưng đạo phật của nhà vua và những chi tiết về các cuộc kiến trúc, tu bổ chùa. Tấm bia ấy đặt trên lưng một con rùa lớn bằng cầm thạch.

Ngoài ra, vào năm 1674, một người Bồ-Đào-Nha tên Jean de la Croix có

đúc tặng chùa một cái khánh đồng rất lớn đặt trong Đại-Hùng-Điện.

Cũng trong năm 1715, vào mùa thu nhà vua có tổ chức một cuộc hội họp bá quan ở chùa và ngự tại vườn Tì-Da trong một tháng.

Về sau, mãi đến năm Ất-Hợi, niên hiệu Gia-Long thứ 14, vào mùa hạ (mồng 9 tháng 5 đến 6 tháng 6 năm 1815) vua Gia-Long cho trùng tu chùa lại và tạc tượng phật đề thờ.

Theo sách Đại-Nam thật lục đệ nhất kỉ thì lúc sửa sang chùa, nhà vua có ngự xem và phán với Trịnh - Hoài-Đức, lúc đó đang đi theo ngài một câu rằng: « Chùa này do các bậc tiên vương của ta kiến tạo tốn rất nhiều công phu. Tính ra đến nay đã được 191 năm rồi. Bây giờ ta cho trùng tu lại song vẫn giữ nguyên kiểu cách cũ. Vì ý ta muốn bảo tồn những di tích lịch sử ấy. Ta sẽ thưởng công 1800 quan tiền cho các sĩ tốt và thợ thuyền xung phong trong công việc này. »

Câu nói ấy chứng tỏ vua Gia-Long có tâm hồn hoài cổ sâu xa, thích bảo tồn cổ vật. Đó là một đức tính cao đẹp không một người dân Việt yêu nước nào mà chẳng có!

Đến năm Ất-Vị, niên hiệu Minh-Mạng thứ 16, vào mùa thu (từ tháng 8 đến tháng 9 năm 1835) vua Minh Mạng có giao cho các quan Quyền-thự Thống chế Bùi-công-Huyền và quan Biện-Lý Nguyễn-đức-Trinh trông nom tổ chức một cuộc lễ giải oan tại chùa, dưới sự chủ tọa của nhà vua.

Trong thời kỳ này, chùa có một vị Tăng Cang trụ trì, tên thật là Nguyễn-

Mật-Hằng, người huyện Phú-Cát, tỉnh Bình-Định. Khi lên 15 tuổi ông đã đi tu ở chùa Đại-Giác ở Gia-Định. Đến năm Quý-Tị niên hiệu thứ 8 Duệ-Tôn (1775) thì trở nên Sư-Tăng. Đến niên hiệu Gia-Long thứ 13 (1814) ông vào Huế được phong làm Tăng-Cang. Vì tài cao đức cả, ông được nhà vua giao cho quản trị chùa Thiên-Mụ và đứng đầu hàng chư tăng. Về sau, ông thất lộc vào niên hiệu Minh-Mạng thứ 16 (1835) hưởng thọ được 100 tuổi.

Theo sách « Đại-Nam-nhất-thống-chí » thì về sau, vua Thiệu-Trị rất có nhiệt tâm với đạo phật, hơn cả vua Minh-Mạng. Ngài liệt chùa Thiên-Mụ vào một trong 20 cảnh đẹp nhất của kinh thành. Ngài làm rất nhiều thơ vịnh Chùa và đem khắc vào bia nhằm tháng thứ 4 năm thứ 6 niên hiệu Thiệu-Trị (tức là từ 26 tháng 4 đến 24 tháng 5 năm 1846).

Những tấm bia này hiện nay hãy còn... « tro gan cùng tuế nguyệt » và bút tích của nhà vua vẫn chưa phai.

Ngoài ra, nhà vua còn hay tổ chức các cuộc Hội-Điền ở chùa với văn võ bá quan đề luận bàn quốc sự, hay ngâm vịnh.

Đến năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thiệu-Trị thứ 4 (1844) nhà vua cho dựng thêm ngoài cửa Nghi-môn một cái tháp hình bát giác, gọi là Từ-Nhơn-Tháp, cao 5 trượng 3 thước 2 tấc (tức 21 thước 28 phân). Công việc này nhà vua giao cho quan Thống-chế Võ-Lâm Hoàng-văn-Hậu đốc xuất và phải tốn hết 2 năm mới xong.

Đến năm 1845 tên Tháp đổi lại là Phước-Duyên Bửu-Tháp. Tháp có 7 tầng. Mỗi tầng thờ một đức phật. Tầng cao nhất thờ đức phật Thế-Tôn.

Đằng trước tháp, nhà vua cho cất thêm một cái đình đặt tên là Hương-Nguyên-Đình. Trên nóc đình có đặt một bánh xe tròn quay theo chiều gió tên là Pháp-Luân.

Bên trái và bên phải Đình có 2 tấm thạch bia. Đến đời Thành-Thái, vào tháng thứ 5 năm thứ 11 (tức tháng 6 năm 1899) tháp đã được sửa chữa lại và đồng thời có dựng thêm một tấm bia về phía bắc, dưới chân tháp. Bia ấy đề như sau : « Nhân dịp lễ cửu tuần của Từ-Dũ Bát-Huệ-Khương-thọ-thái-thái Hoàng-thái-Hậu, vào tháng thứ 5 năm thứ 11 Thành-Thái, ta trích ngân quỹ để trùng tu lại tháp bảy tầng. Từ nay di tích này đã đổi mới... »

Nhưng đến năm Thành-Thái thứ 16 (1904) chùa đã bị một trận bão khủng khiếp làm hư hao nặng nề. Rồi đến năm Thành-Thái thứ 19 (1907) tức là 3 năm sau, chùa mới được trùng tu trở lại.

Tính ra từ ấy đến nay, năm 1601 đến năm 1958, chùa Thiên-Mụ đã trải qua 357 năm trời.

Với quãng thời gian dài đằng dặc ấy, chùa Thiên-Mụ có tháp bảy tầng vẫn ngạo nghễ trong mưa nắng. Nước sông Hương đã bao lần nhấn mặt, vì đất nước bị xâm lăng. Nhưng tháp chùa Thiên Mụ vẫn không hề nghiêng ngả, đánh dấu bước Nam tiến dũng mãnh của dân Nam bất diệt.

Đến đất Thần-Kinh, du khách đã đi thăm các lăng tẩm, đền đài đều không thể quên được cảnh chùa Thiên Mụ một di tích đầu tiên, duy nhất đã có ở miền Nam, do chúa Nguyễn-Hoàng xây dựng trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh.

Từ-Quyên

ĐẶNG-VĂN-NHÂM

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

II

THÚ thật rằng chúng tôi nóng lòng mong chờ, ngay sau khi bài « *Tiếng địa phương* » với « *Danh từ địa phương miền Nam* » đăng ở số 37. Chúng tôi mong chờ bạn đọc góp ý, phê bình, chỉ trích, cãi bần.

Tuy « *đây là mớ tài liệu mọn để giúp sức phần nào cho các nhà làm tự điển thôi* » (1), song nếu công việc khiêm nhường này rơi vào sự thờ ơ: thiếu chẳng ai nói, sai chẳng ai chỉ, dư chẳng ai cho hay, thì cũng buồn lòng cho những người khởi xướng.

Vả lại một việc làm dài hơi và... rắc rối như thế, mà chỉ có hai chúng tôi đảm đương từ đầu tới cuối thì kết quả thu thập hẳn là chẳng thể nào như nguyện được. Cho nên chúng tôi vui mừng mà thuật lại và cho đăng những ý kiến của hai bậc đàn anh: Đại-Ân-Am và Hoàn-Son.

Những lời chỉ trích nào đúng, chúng tôi sẵn sàng xin phục thiện. Những

điểm lớn nào mà chúng tôi không đồng ý, chúng tôi xin có bài thương xác lại, còn những điểm nhỏ, thì xin cho qua.

Giờ, chúng tôi xin nhường lời cho tiên sinh ở am Đại-Ân:

« Làm tự điển mệt và bạc bẽo lắm! cho nên Hàn-lâm-viện Việt-nam chưa « *dám* » chào đời là vậy. Đây, các anh định nghĩa chữ « *đăm* »: bắt cá bằng nò. Mà nò là cái gì? Đồng bào Trung, Bắc thêm rối trí. Sao các anh không giải nghĩa chữ nò luôn thề? »

« Còn về « *cá tra* », các anh bảo: « Xin xem thêm lời chú thích về « *cá cha* » của chính thi sĩ trong « *Tản-Đà vận văn* » thì có một ý niệm rõ về cá đó. » Thế là các anh bắt người đọc tới đây phải lấy hai quyển « *Tản-Đà vận văn* », tìm chỗ cá tra, rồi đọc chú thích. Mấy ai mà chịu khó như thế. Và mấy

(1) Trong bài đăng ở số 37, trang 37. Xin nhắc lại là chúng tôi chẳng hề có tham vọng làm tự điển, mà chỉ mong được giúp sức phần nào cho các nhà làm tự điển thôi.

ngàn đọc giả « Bách-Khoa » đâu phải ai cũng có sẵn ở tầm tay « Tân-Đà vận văn » để mà lật ra, xem lại. Sao các anh không làm giùm đọc giả công việc ấy. Có ai trách các anh nói... nhiều đâu. Mà còn cảm ơn là đằng khác ».

Cho nên, kỳ này, trước khi đăng tiếp « *Danh từ địa phương miền Nam* », chúng tôi xin bỏ khuyết hai điểm mà bậc đàn anh ở cạnh hồ Đông ấy bảo, chẳng phải để được cảm ơn, mà để cho đầy đủ... phần nào.

Nò (danh từ) : đồ bắt cá, làm bằng tre đan, hai đầu nhỏ, giữa lớn, người ta chụp xuống nước cho cá nằm trong đó, rồi bắt.

« **Cá tra** » : Sài-gòn nhớ vị cá tra (2).

Câu thơ này nằm trong bài thơ lục bát « *Thú ăn chơi* », trong « Tân-Đà vận văn, tập I » ; tác giả chú thích :

« *Thứ cá tra (2) ở Sài-gòn nấu với trái thơm, ở Bắc gọi là quả dứa rất ngon, có một chỗ đặc điểm là cá béo mà không có sao mỡ ra bát canh, con cá ấy người ta cũng gọi là con cá Sài-gòn vì duy ở sông Sài-gòn mới có.* » (3)

Về tiếng Miên Việt-hóa : *ên*, tiên sinh ở am Đại-Ẩn ấy góp ý kiến :

« *Ên ở vùng Châu-đốc Hà-tiên chúng tôi thường dùng một mình, không cần có chữ mình ở trước. Tôi lại nhận có chỗ khác nhỏ hay hay này, và tiếng Việt ta nhờ chỗ khác đó mà thêm phần phong phú.* »

« Ví dụ : « Bé Lâm nay ăn *ên*, ông ngoại bà ngoại mừng chưa hết thì bé lại đi *ên* ! »

« *Ăn ên, đi ên* nó gọn hơn : tự mình mình ăn, tự mình mình đi ; mà còn thêm ý : trước đó, ăn nhờ người đút, đi nhờ người dìu, nay thì tự mình gấp đồ ăn, rồi và, lại tự mình đi, không còn nhờ cậy ai nữa.

« *Ên* : tự mình làm lấy.

« Gọn biết bao ! Lại còn ý không nhờ ai nữa ».

Đến đây, tác giả « *Cô gái xuân* » bỗng thích chí, ngâm :

« *Một mình thong thả làm ăn,
Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dằm.
Nghêu ngao nay chích mai dằm,
Một bầu trời đất vui thăm ai hay.* »

« À này, quăng câu dằm, chớ không phải quăng câu dằm, như đã in lộn. Câu thơ chót làm tôi ngờ sự phân loại và định nghĩa của các anh về hai tiếng **chích** và **dằm**. Các anh cho là *động từ*, tôi thì cho là *danh từ*. Các anh cho hai tiếng ấy có nghĩa là *bắt cá*, tôi thì cho chúng *chỉ nơi chốn*. Vì *chài*, vì *câu* đã *mệt*, thì chẳng lẽ nào

« *Nghêu ngao nay chích mai dằm* » đề mà

« *Một bầu trời đất vui thăm ai hay.* »

« *Chài, câu, rồi lại bắt cá bằng chài, bằng nò, mệt chết, chớ còn đâu là nghêu ngao, là vui thăm.* »

(2) Tân-Đà viết *cha*, sai chính tả.

(3) Nguyễn văn, chữ nhỏ và đứng, chúng tôi cho in chữ lớn và xiên.

« Tôi nghĩ rằng: *đầm* vốn do tiếng Hán-Việt *đâm* mà ra, nghĩa: vũng nước rộng giữa cánh đồng, có bùn lầy; *chích* có lẽ do chữ tiếng Hán-Việt *trạch* mà ra, nghĩa: đầm có cỏ, lác mọc, như: đầm Dạ-trạch, Dạ-trạch-vương.

« Ở vùng kinh Vĩnh-tế, giữa Châu-dốc và Hà-tiên, có xóm mang tên là « Đầm-chích ».

« Thủ-khoa Nghĩa trong một bài tứ lục châm biếm, có dùng hai tiếng « *đầm chích* »:

« *Vĩnh-nguyên hồ độ, xoi tươi đình
Bảo chi heo,
Đầm-chích ngọc bốn, nuốt sống
tham Căn chi vọt. »*

« Hai câu thơ:

« *Nghêu ngao nay chích mai đầm,*

« *Một bầu trời đất vui thăm ai hay »*
mà cụ đồ Chiếu đề trong miệng ngư ông khiến tôi nhớ câu này của Mạc-Thiên-Tích trong bài « *Lư-kê nhàn điệu* »:

« *Giang hồ mẫn địa nhất ngư ông,*
(Nghĩa: Một vùng sông hồ là của riêng của một ông câu vạy.)

« Biết đâu câu này chẳng gọi hứng cho cụ đồ, và hai chữ « *giang hồ* » của... Tâu được thay thế bằng hai danh từ đặc biệt... địa phương miền Nam: « *chích, đầm* ? »

Chúng tôi thấy có bốn phận thuật lại rõ ràng ý kiến của một bức đàn anh đã khờ tâm nhọc trí với chữ, với nghĩa, mà vì quá thận trọng nên đành chưa

có công trình gì về phương diện này cống hiến cho quốc dân.

(*Riêng chúng tôi sẽ có bài dài thương xác về hai tiếng « chích, đầm »*).

Một bậc đàn anh khác còn nặng nợ với nghiệp dạy trẻ, vì cụ Đồ Chiếu, mà có bức thư ngắn sau đây:

« *Bạn Nguyễn-Ngu-Í* »

« Đọc « *Bách-Khoa* », mục « *Danh từ địa phương miền Nam* » của bạn và ông Bình-Nguyên-Lộc, theo như tôi biết, có sai và có thiếu.

1^o) **Chài kéo** và **câu đầm** sau khi giải nghĩa *chích* và *đầm*, hai ông nêu làm thí dụ câu thơ « *Lục-Vân-Tiên* »:

« *Một mình thông thả làm ăn,
Khỏe quơ chài lưới, mệt quăng câu
đầm. (4)*

Nghêu ngao nay chích mai đầm »

« Trong bốn « *Lục-Vân-Tiên* » cũ, thì câu thứ nhì là:

« *Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu
đầm.* »

« *Chài* có thứ chài vãi ra đề rồi kéo mà bắt cá, có thứ lớn hơn vãi ra rồi máng một bên miệng lên hai đầu mũi hai chiếc xuống mà rà như lưới, rồi mới thả hết xuống nước. Vì thế người kêu *chài kéo* và *chài rà*. Còn *câu đầm* là người ta dùng một đường câu có buộc vào nhiều lưới cách khoảng đều nhau, một đầu đường câu buộc vào cây nọc hay cây sào ở dựa bờ, đầu kia buộc vào một vật nặng như hòn đá, viên gạch quăng ra xa để cho đường câu

(4) Chúng tôi vốn viết *đầm*, ấy công sắp_lộn.

chìm tới tới đáy sông rạch. Lâu lâu người ta phăng đường câu lên, coi có lưới nào dính cá thì gỡ, rồi móc mỗi lại thả nữa. Cách câu này tựa tựa như câu giăng, song câu giăng thì buộc đường câu vào hai cây sào thả chìm theo mực ngang, theo bề xuôi hay bề dọc sông rạch tùy ý. Không phải câu, dầm là hai chuyện làm như chài, lưới cũng là hai chuyện làm khác nhau. Và lại chài còn có thể làm một mình, chớ lưới thì làm một mình khó có kết quả.

2^o) **Thốt-nốt**. Giải nghĩa đúng.

Nhưng ngoài tiếng thốt-nốt còn tiếng *thốt-lốt*, tên một loại cây cỏ có hạt nhỏ

giống hạt đình-lich bán ở các tiệm thuốc Bắc. Ngâm nó trong nước sôi, nó cũng nở ra và dặt về lại, dùng đắp các mụn ghẻ dễ rút mủ rất hay. Công dụng của nó cũng như hạt đình-lich, nên cũng gọi nó là đình-lich Nam.

« Còn kêu *thốt-nốt* là thốt lốt là tại nói sai, nói dốt. »

Hoành-Sơn

Đến đây, xin trả các bạn về cho cái... khô khan của chữ và nghĩa. Và mong sẽ được ý kiến và chỉ bảo của các bạn để việc làm chúng tôi bớt thiếu, sai, lầm, và thêm đầy đủ.

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

II

Lớn (động từ). Lên (nói về con nước ; con nước là lần lên hoặc lần xuống của nước các sông ngòi trong mỗi ngày): *Đúng mười giờ hôm nay nước bắt đầu lớn.*

Ròng (động từ). Xuống (nói về con nước): *Khuya nay đợi nước ròng ta nhổ neo.*

Rong (tính từ). Chú ý: tiếng này không có dấu huyền.

Mỗi ngày nước ròng và lớn bốn bận. Trong một tháng có mấy hôm nước lớn khác thường, vượt mực thường. Mấy

hôm ấy gọi là mấy hôm *nước ròng* (trái hẳn với *nước ròng*, có dấu huyền).

Kém (tính từ). Trong một tháng lại có mấy hôm *nước ròng* khác thường, xuống thấp quá mực thường, gọi là mấy hôm *nước kém*.

Giáp nước (danh từ). Nơi trên sông rạch mà hai dòng nước gặp nhau và không chảy nữa.

(Xem *Bảy ngày trong đồng Tháp-Mười* của Nguyễn-Hiến-Lê, có giải rành mạch về hiện tượng giáp nước)

Mà (danh từ). Mực nước tối cao khi nước lớn mỗi ngày. Danh từ này thật là ngộ nghĩnh. Nó nguyên là chữ

nhỏ, nhưng lại chỉ được lao động dùng mà thôi (giới chèo thuyền, câu kéo)
Thí dụ: *Nước lớn đầy mà.*

Những (động từ và tính từ). Bớt đi: *Trời mưa hoài không những. Nước lụt nay đã những.* (Động từ này rất thông dụng ở Biên-hòa)

Lục (tính từ). Nói về cây bị chìm dưới nước, dưới bùn và bị mục, tróc vỏ. Thí dụ: *tràm lục.* Hai bạn Nguyễn-Hiến-Lê và Nguyễn-Ngu-Í đều viết với chữ t, *tràm lụt.*

Có người, vì viết sai như thế, nên bâng vào chánh tả sai ấy mà cắt nghĩa rằng lụt là bị ngập lụt. Nhưng tự điển xưa « *Đại-nam quốc âm tự vị* » của Huỳnh-Tĩnh-Cửa là bằng cứ vững hơn cả.

Sác (tính từ). Thuộc về duyên hải và bị ngập nước biển: *cây sác, rừng sác.*

Báo chí ở Sài-gòn hầu hết đều viết sai là « *Rừng sát* » và bằng tên của một con phố kia cũng thấy đề là « *Đường Rừng Sát* », không biết đã được sửa lại hay chưa.

Thơ.— (danh từ) Dùng y như ở miền Bắc, nhưng lại có nghĩa địa phương, chỉ những truyện dài bằng thơ. *Thơ Lục-Vân-Tiên, thơ Phạm-Công-Cúc-Hoa v.v*

Nói thơ.— (động từ) Hành khất mù ngâm thơ theo giọng riêng, như hát xẩm ở miền Bắc.

Mộc.— (danh từ) Triện (con dấu khắc tên riêng, biệt hiệu hay chức vị của ai, xưa thường khắc bằng chữ Hán, theo lối chữ triện).

Nhận.— (động từ) Áp.

Nhận mộc.— (động từ) Áp triện. (dè con dấu có mực xuống giấy để hình, chữ ăn vào giấy).

Gắm.— (tính từ) Nho nhỏ: *Con heo gắm* (tính từ này rất thông dụng ở thôn quê Bình-dương). Đọc « *Truyện đời xưa* » của Trương-Vĩnh-Ký, ta thường thấy tác giả nói đến « *con cạp gắm* ». Có người giải thích đó là con cạp có đốm đen trắng. Sự thật không phải thế. Trương-Vĩnh-Ký chỉ muốn nói: con cạp nhỏ thôi. Con cạp có đốm đen trắng, thì tiếng gắm viết với dấu mũ ˆ chớ không phải viết với dấu ˘. Và lại người ta cũng không nói con cạp gắm, mà người ta nói *con gắm* (không thêm chữ cạp vào).

Trách.— (danh từ) Nồi đất, miệng rất rộng.

Trá.— (danh từ) Trách thật to.

Ơ.— (danh từ) Nồi đất nhỏ.

Om.— (danh từ) Nồi đất thật nhỏ dùng để nấu nước hơn là nấu thức ăn.

Um.— (động từ) Om. Nấu lửa riu riu cho lâu và dậy kín cho món nấu chín như. Thí dụ: *lươn um = lươn om. Um cá = om cá.*

Cơm rượu.— (danh từ) Rượu nếp. Cơm rượu trong Nam khác rượu nếp ở Bắc là ở đây cơm rượu thì vò viên, còn ở Bắc thì không, hay ít khi lắm. Danh từ *rượu nếp* ở Bắc làm cho người ta dễ lẫn với « *alcool de riz* ».

Hèm.— (danh từ) Cơm rượu. Ở Bắc danh từ cơm rượu lại dùng để chỉ cái chất mà ở đây gọi là hèm. Vì thế danh từ này hay làm cho hai miền hiểu lầm vô cùng.

(Còn tiếp)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC
và
NGUYỄN-NGU-Í

CHÚ Ý

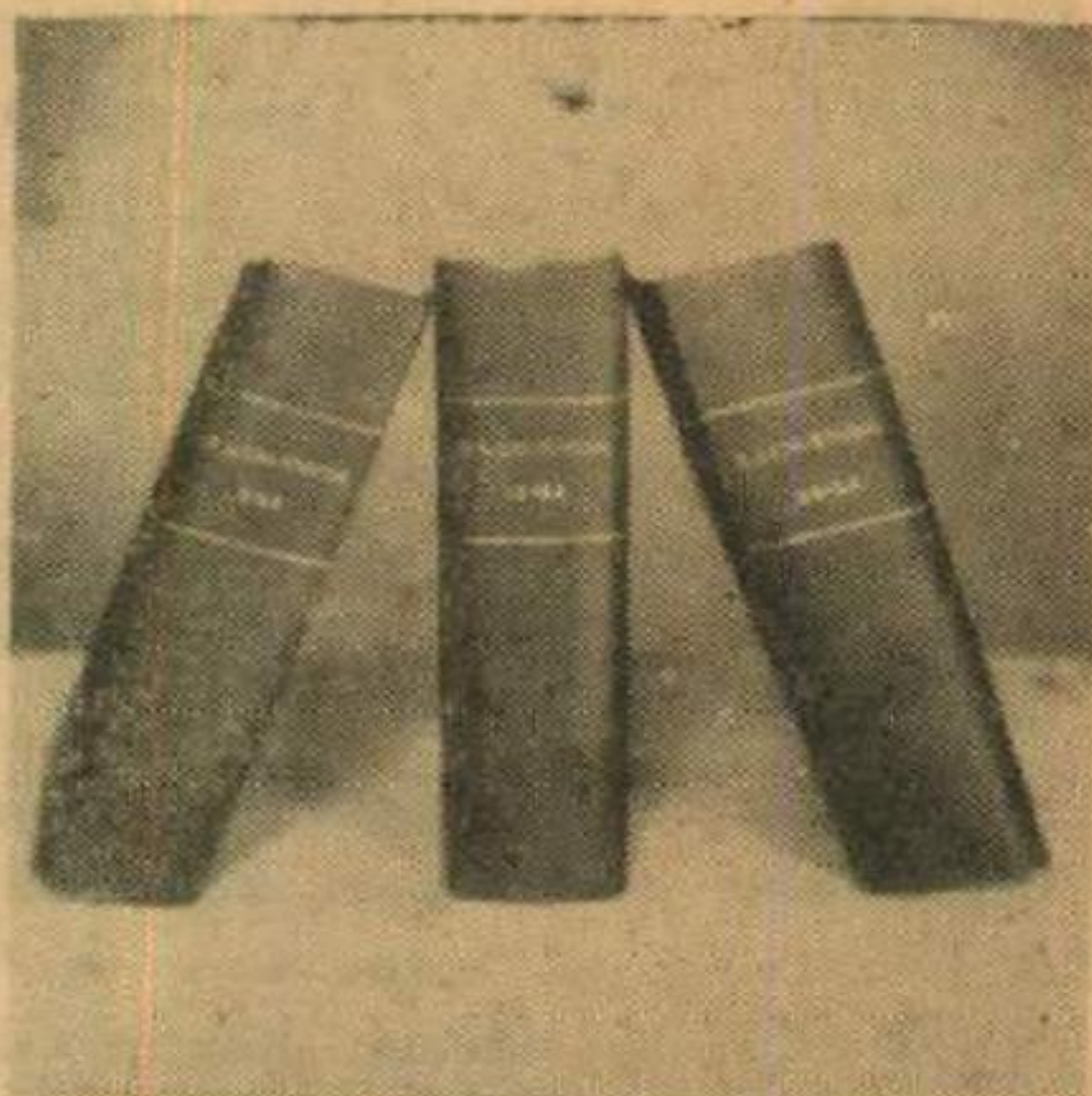
— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biểu các bạn.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105\$. Tập I : từ số 1 đến 12, Tập II : từ số 13 đến 24, Tập III : từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45\$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.



★ MỘT BỘ SÁCH QUÝ
TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH.

✧ MỘT TẶNG PHẨM
TRANG NHÀ.

B Á O M Ō I

Chúng tôi rất vui mừng được tin Tuần báo **RẠNG ĐÔNG** do Ô. Lê-hữu-Mục làm chủ nhiệm, Ô. Võ-long-Tê làm Chủ bút, sẽ ra mắt bạn đọc tại Huế vào ngày 15 tháng 8 năm 1958.

Chủ trương của tuần báo **RẠNG ĐÔNG** là: **BÀI PHONG, ĐÀ CỘNG, DIỆT THỰC**, phát huy nền văn hóa duy linh và nhân vị.

Báo quán đặt tại số 2, kiệt 1, đường Nguyễn-tri-Phương — Huế.

Xin trân trọng giới thiệu tuần báo **RẠNG ĐÔNG** cùng các bạn đọc thân mến và chúc bạn đồng nghiệp mạnh tiến trên đường ngôn luận.

TỪ ĐIỂN Y NGỮ VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

L.T.S. Trung thành với mục đích làm diễn đàn chung cho các bạn bốn phương, có thiện chí xây dựng nước nhà về mọi phương diện : chánh trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v... hôm nay Bách-Khoa trân trọng giới thiệu với bạn đọc thân mến Bác sỹ Nguyễn-trần-Huân, một người rất nhiệt thành với nền giáo dục nước nhà, có hoài bão dùng hoàn toàn tiếng Việt làm chuyên ngữ trong mọi ngành giáo khoa nói chung và ngành Y khoa đại học nói riêng. Để thực hiện việc đó, Bác sỹ Huân đã bắt đầu phiên dịch các danh từ y học, mà Bách-Khoa sẽ khởi đăng từ số này trở đi mỗi kỳ bốn trang cho tới khi trọn bộ Từ-diễn Y-ngữ. Với một nền học văn Trung-hoa vững chắc, Bác sỹ Huân lại am tường về Y học Tây-Phương cũng như Đông-Phương, nên Bách-Khoa hy vọng rằng công trình nghiên cứu và sưu tầm y-ngữ này sẽ có một tầm công dụng rộng lớn không phải chỉ có ích trong địa hạt giáo khoa mà còn rất lợi trong cả địa hạt phổ biến y học nữa.

Trước khi trình bày cùng độc giả tập « Từ điển Y ngữ » này, chúng tôi thấy cần phải phác họa vài nét đại cương công việc làm của chúng tôi. Không phải nói thì ai cũng biết rằng cách đây hai mươi năm tiếng Việt-Nam mình ít được dùng để diễn đạt các tư tưởng về khoa học. Lỗi đó không phải là tại tiếng Việt-Nam không đủ khả năng, mà chính chỉ vì người Việt mình trong một giai đoạn lịch sử, đã quen dùng tiếng Pháp, một trong những tiếng khoa học trong thế giới. Đến nay tình thế đã đổi thay, và tiếng Pháp không còn là một tiếng thông dụng nhất trong nước ta nữa. Vì thế đã đến lúc, tiếng Việt khôi phục được địa vị ưu thắng

xưa và có trách nhiệm lớn lao làm dụng cụ và phương tiện để nâng cao trình độ học thức của dân tộc.

Trước cao trào khoa học thế giới hiện thời, tiếng Việt-Nam phải là một tiếng để chuyển vận khoa học, cùng tư tưởng và tinh thần khoa học. Không những thế, vị trí hân hũu của nước Việt ta, nơi giao tiếp của nhiều trào lưu văn hóa Đông Tây, bắt buộc ta phải có một ngôn ngữ thích hợp với mọi hoàn cảnh văn hóa. Riêng trong lãnh vực Y học, tôi thấy sự cấu tạo danh từ mới để thay thế tiếng Pháp là một sự không khó lắm. Công việc này và chẳng cũng chẳng mới mẻ gì. Trước tôi, đã có hai đàn anh là các bác sĩ Phạm-Khắc-Quảng và Lê-Khắc-Thiên làm rồi, và hiện nay tập « Danh Từ Y học » của hai vị đó vẫn được thông dụng trong giới thầy thuốc... Nhưng nếu ta biết rằng tập danh từ ấy ra đời vào hồi 1944-45, và từ đó đến nay 15 năm đã qua, nền Y học thế giới đã tiến lên một độ rất cao, các tiếng về Y học cũng vì thế mà tăng thêm gấp bội. Trước tình thế đó, quyển danh từ Y học của các B.S. Quảng và Thiên không còn đủ để làm thỏa mãn lòng muốn học hỏi và tìm hiểu của người mình. Vì thế chúng tôi mới mạnh dạn cho ra mắt cùng độc giả, một tập từ ngữ y học hy vọng sẽ thích hợp với hoàn cảnh mới, trong khi chờ đợi ở hai tác giả Quảng và Thiên một quyển « Danh Từ Y học » đầy đủ hơn. Và chẳng, trước sự diễn tiến vô cùng mãnh liệt của ngành Y học nước ta, hai quyển từ điển về y học vẫn có thể cho là ít quá vậy.

Việc tìm y ngữ của chúng tôi dựa theo vài nguyên tắc. Tuy mệnh danh là « Từ điển Y ngữ », nhưng thực ra tập y ngữ này rất ít định nghĩa. Ta chỉ nên coi nó như là một bản đối chiếu danh từ y học giữa hai tiếng Pháp và Việt. Về tiếng Pháp mà chúng tôi lấy làm gốc trong việc biên soạn ngữ vựng này, chúng tôi đã dựa theo mấy cuốn từ điển về y ngữ Pháp mà chúng tôi sẽ có dịp trình bày trong mục những sách tham khảo. Về phần tiếng Việt công việc hơi khác một chút. Trước một tiếng y học Pháp hoặc quốc tế (1), chưa có tiếng Việt nào tương xứng, ta chỉ có 1 trong 3 thái độ sau :

1^o) Hoặc là phiên âm tiếng ấy ra tiếng Việt, rồi định nghĩa kèm theo để giảng giải cho rõ. Đây là lối ông cha ta đã dùng để dịch la gare là nhà ga, alcohol là cồn... v... v...

(1) Tiếng y học quốc tế, theo ý tôi, là một danh từ đã được thông dụng trong 3 thứ tiếng Anh, Đức và Pháp. Danh từ ấy có thể chỉ là một trong 3 thứ tiếng kể trên ; tỉ dụ : danh từ CARDIA (đầu dạ dày), ABERRATION (sai lạc) vân vân... Hoặc danh từ ấy có thể viết khác nhau một chút trong 3 thứ tiếng, nhưng vẫn cùng một từ nguyên (même étymologie) và âm hưởng tương tự ; tỉ dụ chữ ABORTIF trong tiếng Pháp, và nghĩa là dọa thai, sẽ viết là ABORTIV trong tiếng Đức và ABORTIVE theo tiếng Anh. Tuy viết hơi khác nhau, nhưng đọc lên thì cũng tương tự v.v...

2^o) Hai nữa là ta cố tìm một, hay hai, hay ba tiếng Việt thuần túy để làm thành một chữ mới, tạm để dịch tiếng Pháp. Tỉ dụ như chữ Abcès ta dịch là mụn, nhọt,... v... v... Cách này dĩ nhiên là việc khó khăn nhất.

3^o) Ba nữa là ta phải mượn « chữ nho ». Chữ nho tức là tiếng Trung-hoa đọc theo âm Hán Việt ta. Muốn thế ta bắt buộc phải biết một số độ hai nghìn Hán tự. Lối này có lẽ là một lối dễ dàng nhất, tương đối với hai lối trên. Mỗi khi gặp một tiếng Pháp hoặc quốc tế khó dịch, ta chỉ việc mở mấy quyển từ điển y ngữ của Trung-hoa và Nhật-bản, là ta có thể tìm ra ngay một hai chữ tương đương. Về vấn đề này, ta cũng nên biết qua là Trung-hoa và Nhật họ đã làm xong các bộ từ điển về khoa học từ trước thời chiến tranh 1939-45. Bên Trung-quốc, chính phủ họ thời đó đã thông nhất việc tạo danh từ từ năm 1934, sau khi đã lập ban « Quốc lập Biên dịch Quán ». Còn bên Nhật là nước mà trình độ học thức rất cao, thì việc tìm danh từ khoa học và phiên dịch đã thành tựu từ lâu hơn nữa. Vì thế về phương diện này, ta có thể nói là ta may mắn có hai nước kỳ cựu bên Á-châu đi trước chúng ta trong việc tìm kiếm danh từ. Thêm vào đó, giữa tiếng Trung-hoa, tiếng Nhật và tiếng Việt-Nam, có nhiều quan hệ rất mật thiết mà hiện nay các nhà học giả về ngôn ngữ học Viễn-đông vẫn chưa tìm ra hết manh mối. Tiếng Việt ta một phần lớn gốc ở tiếng Trung-hoa, nhưng đọc âm trạnh đi và với một văn phạm khác hẳn. Về phương diện này thì tiếng Nhật và tiếng Việt có đôi phần giống nhau. Người Nhật, mỗi khi tìm danh từ, hoặc là phiên âm hoàn toàn sang âm Nhật. (cái đó không khó gì đối với người Nhật vì tiếng họ đã sẵn là một tiếng nhiều âm (polysyllabique); và họ là một dân tộc hiếu học và dễ bảo nhau, hễ đã có kẻ ra công tìm kiếm danh từ, miễn là danh từ ấy có thể tạm dùng được và không sai lắm, là các người khác cứ việc đem ra dùng, chứ không có tính « bới lông tìm vết », đem từng chữ một ra để « giải phẫu » và « cãi vãi » mất thì giờ vô ích...). Nếu họ không phiên âm được thì người Nhật cũng chỉ có cách là mượn tiếng Trung-hoa để dịch và dĩ nhiên là đọc tiếng Trung-hoa theo âm Nhật. Sở dĩ người Nhật cũng dùng tiếng Trung-hoa để phiên dịch là vì tiếng Trung-hoa có một cái lợi hiển nhiên là một tiếng rất phong phú, tuy đọc âm, nhưng mỗi một chữ bao hàm nhiều ý nghĩa. Thêm vào đó, tiếng Trung-hoa có một cách cấu tạo rất dễ dàng; người Trung-hoa vì thế, hoàn toàn tự do muốn đặt bao nhiêu chữ mới cũng có thể được. Nói tóm lại đó là một điều rất tiện lợi cho chúng ta, mỗi khi gặp một tiếng Pháp, hay Anh, hay Đức, ta có thể mở từ điển y học Trung-hoa và Nhật để xem họ đã dịch trước ta ra sao? Ta phải công

nhận đó là một việc có ích và làm đỡ tốn công, đỡ phí thời giờ cho chúng ta rất nhiều. Nói thế không phải là ta hoàn toàn ỷ lại vào những y ngữ của Trung-hoa và Nhật đã kiểm để « làm cổ sấu » cho ta dùng, vì tiếng nước nào cũng có tinh thần riêng, văn phạm riêng của nước ấy. Người làm danh từ có bổn phận và trách nhiệm tìm những tiếng tuy mới nhưng vẫn phù hợp với tinh thần, với văn phạm, và có âm hưởng Việt-Nam, vừa gọn gàng vừa dễ nhớ.

Công việc sưu tầm y ngữ của chúng tôi vì thế có thể thu gọn vào hai ba điều như sau. Hiện giờ hoàn cảnh rất thuận tiện cho việc gom góp các tài liệu, cho nên chúng tôi đã có đủ các ngữ vựng về y học của hai nước Trung-hoa và Nhật. Trước một danh từ y học Pháp (tôi đã có dịp nói ở trên là tôi lấy Pháp văn làm gốc), muốn cho độc giả có đủ chứng cứ và thẩm quyền để định đoạt, chúng tôi sẽ in đối chiếu, đầu tiên là y ngữ Trung-hoa, hàng thứ nhì là y ngữ Nhật, và hàng thứ ba là y ngữ Việt-Nam.

Ti dụ :

Abcès : (Trung-hoa) : Nung chùng.

(Nhật) : Nung dương.

(Việt) : Mọt, — Nhọt.

Chắc sẽ có một số độc giả cho sự đăng thêm các y ngữ Nhật và Trung-hoa là thừa. Có lẽ là thừa thật, nhưng sự thừa ấy không chắc đã là vô ích. Trong những danh từ Việt-Nam, chúng tôi sẽ cố công tìm một hay hai, ba tiếng tương đương để tùy quyền lựa chọn của người dùng. Thảng hoặc có trường hợp mà cả Trung-hoa lẫn Nhật đều cùng dùng một thành ngữ, nếu thành ngữ ấy cũng có thể dùng trong tiếng Việt ta mà không phản lại tinh thần, âm hưởng, và văn phạm Việt-nam, thì chúng tôi sẽ chẳng nề hà gì mà không dùng. Trái lại, trong rất nhiều trường hợp khác, cùng một danh từ quốc tế, mà người Trung-hoa dịch một đằng, người Nhật dịch một nẻo, tuy y ngữ dùng đều có nghĩa tương tự, công việc tìm danh từ của ta khó khăn hơn, và cũng tùy mỗi trường hợp, chúng tôi sẽ cố chọn lựa một hai danh từ xứng đáng, hoặc theo gốc Nho, hoặc theo lối phiên âm. Biện học mệnh mông, cũng tự biết tài còn sơ thiếu, nên chúng tôi chỉ có một hoài vọng bé nhỏ là cống hiến độc giả cùng các bạn trong nghề thuốc, một chút tài liệu về y ngữ gồm cả tiếng Trung-hoa và Nhật bản. Tập y ngữ tôi lựa chọn vẫn chỉ có tính cách một đề nghị, và vẫn chỉ là một bản dự thảo, trong khi chờ đợi sự thành lập một ủy ban hay một Viện khảo cứu phiên dịch toàn quốc. Một ngôi nhà đang cháy, trong khi chờ đợi ở tổ cứu hỏa, nếu ta có thể

giúp một tay, dù chỉ là một bát nước, để rửa tất ngọn lửa, tường ta cũng nên làm. Công việc tạo danh từ tuy không đến nỗi khẩn cấp như cứu hỏa, nhưng cũng khá gấp rút. Đáng lẽ việc này phải là công việc của một đoàn thể hoặc một nhóm anh em trong nghề y học, đảm nhiệm ; nhưng vì chưa có dịp hội họp để thảo luận cùng nhau, nên tạm thời, chúng tôi phải cặm đàng một mình công việc. Vì thế chúng tôi cũng biết không tài nào tránh khỏi được nhiều điều sơ sót, lầm lạc, phần lớn cũng là do sở học chưa được hoàn bị. Chúng tôi mong rằng sẽ hân hạnh được nhận nhiều lời chỉ giáo của các bậc cao minh. Từ thừa theo đòi cứu học, chúng tôi vẫn lấy câu « Quá, tác vật đạn cải » (Nếu làm lỗi, chẳng ngại sửa đổi) trong Luận ngữ làm châm ngôn. Mong rằng với sự phê phán sáng suốt và vô tư của các bạn khoa học, chúng ta sẽ chung sức xây dựng được một bộ từ điển y ngữ Việt-nam phong phú và đầy đủ.

Hiện thời, vì hoàn cảnh chưa thuận tiện, nên chúng tôi hãy lần lượt cho in bộ y ngữ này thành từng tập nhỏ theo thứ tự abc. Bao giờ xong hết, chúng tôi sẽ chưa thêm hán tự bên cạnh những danh từ Trung-hoa và Nhật-bản để tiện việc tham khảo.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

BẢN VIẾT TẮT

N	=	Nhật
T	=	Trung-Hoa
V	=	Việt-Nam
v. t.	=	viết tắt
x. c.	=	xem chữ

A

A (compound) de Kendall : xem chữ
II déhydrocorticostérone.

aa : viết tắt của chữ : ana ;
(Trung-Hoa) các.
(Nhật) : đồng lượng.
(Việt) mỗi thứ.

aaa : viết tắt của chữ : Amalgame,
xem chữ : amalgame.

A.A.A.S. : viết tắt của Hội : American Association for the Advancement of Science ; một hội bên Mỹ, có mục đích thúc đẩy công cuộc về Khoa học.

A.A.P. : tên viết tắt của 2 Hội :
1^o Hội « American Academy of Periodontology », xem chữ : Periodontology.

2^o Hội « American Academy of Pediatrics » xem chữ : Pediatric.

(còn tiếp)

Độc Thơ

N.T.M.T.D.

*Trông trời mưa nhớ trời mưa
Ngồi đây không tiễn không đưa mà buồn!*

Đó là hai câu thơ mở đầu và cũng là hai câu kết trong bài « Mưa lọt lòng chiều » của Diệu-Thanh. Với những vần êm êm, dịu nhẹ, Diệu-Thanh đã rót vào tâm hồn người đọc một nỗi buồn mênh mang, khó tả — Nỗi buồn thể hiện ra nơi những giọt nước đều đều, rả rích trong lúc nhá nhem, và được Diệu-Thanh ghép vào những vần lục bát thật là duyên dáng.

Mỗi khi nói đến hình thức thi ca thuần túy dân tộc, chúng ta không khỏi không nghĩ đến thể thơ Lục bát. Diệu Thanh đã dựa vào thể thơ này để phát triển tài năng mình. Chúng tôi nghĩ rằng Diệu-Thanh đã không chọn lầm.

Xưa cũng như nay, thể thơ Lục-bát vẫn giữ được vị trí đặc biệt của nó trên dòng thi ca luôn luôn chuyển biến của chúng ta. Không kiểu cách như thơ Đường, không ồn ào như thơ Mới (thơ buông), không phóng túng như thơ Tự-do ; những vần lục bát hiền lành len lén thấm nhập vào tâm tư ta như hương vị bát nước chè tươi ngát khói.

Giờ đây, n'ng bát nước đầy vơi, chúng ta hãy nhấp thêm một chút cho đậm tình dân tộc :

*Mưa tuôn, gió cũng đành tuôn
Chim bay nước cũng theo nguồn mà trôi
Thì ra nước hẹn cây đôi,
Và đây là lá hẹn rơi bên bờ!*

Diệu-Thanh có những nhận xét thật là tế nhị, nhất là phương diện tình cảm :

*Vội xa đề nhớ khi gần,
Vội hờn, mau giận đề thân nhau nhiều.*
(Mưa lọt lòng chiều)

*Ồ sao hoa rụng đầy đường
Mà trong hồn cũng tàn hương lạnh lùng?*
(Hoài Cảm)

Độc qua một số bài khác, điều nhận xét trước hết của chúng tôi là Diệu-Thanh không chịu đi xa hơn mấy đề tài hơi có vẻ « công thức » (Hoài cảm thương cảm...) và đôi khi D.T thường nhắc đi nhắc lại một đôi vần sáo cũ.

Thơ Diệu-Thanh không có những nét thật độc đáo, những viết đều tay, bài nào cũng dễ cảm người đọc :

*Rung rinh nắng động hồ xinh,
Êm êm đưa ngả, trao tình êm êm
Đường xanh mắt gót chân mềm
Cửa hoa e thẹn, gió thêm gửi hương...*
(Bên xứ bạn)

*Chiều nay mây trắng qua sông,
Chim đàn gọi gió hoài mong bên bờ.
Người đi rừng khép sương mờ
Kẻ vẽ trông bóng con đò xa xa...*
(Hoài Cảm)

Trong những bài thơ gửi tới tòa soạn, cũng có một số bài thuộc loại thơ bảy chữ, nhưng chúng tôi tưởng D.T. không mấy thành công về loại này, nên chúng tôi đã không bàn tới.

NHỮNG TRANG NHẬT KÝ

VIẾT BẰNG MÁU và NƯỚC MẮT

CÔ-LIÊU

Anne Frank mới là một nữ sinh 13 tuổi khi quân đội Quốc-Xã chiếm đóng Hòa-Lan đàn áp người Do-Thái. Gia đình Anne với hai gia đình nữa cùng là người Do-Thái, lén lút ở lại Rotterdam tới hai năm trong xó kín một căn nhà, sau bị bắt hết đem đi trại tập trung rồi chết ở đó, chỉ có một mình cha Anne Frank thoát nạn. Cuốn nhật ký của Anne ghi chép những ngày đau khổ sống trong xó tối khi, đem công bố đã gây một xúc động mạnh mẽ tại Âu-Châu. (Xin coi Bách-Khoa số 7 ngày 15-4-57).

TẠI xứ Hòa Lan cách đây đã 16 năm. Ngày 14-6-42, Anne Frank viết trang đầu thiên lệ sử...

Nàng mới có 13 tuổi.

Tất cả gia đình Anne : bố, mẹ, hai con gái Margot và Anne, một gia đình nữa gồm có ba người, hai vợ chồng và con trai tên Peter 15 tuổi, sau thêm một nha sĩ, họ cùng trốn quân đội Đức ở lén lút trong căn phòng kín đáo của một ngôi nhà trong thành Rotterdam. Trong chỗ kín đáo ấy cách biệt hẳn với cuộc đời, họ sống một cuộc phiêu lưu đầy lao khổ, sợ hãi lẫn lo âu.

Nhưng ngày 4 tháng 8 năm 1944, khi Đồng Minh đổ bộ, họ vừa hé thấy tia hy vọng được giải phóng thì cảnh đời sống lén lút kết liễu một cách thảm khốc. Công an Đức không biết nhờ kẻ nào điềm chỉ, đã đến xét bắt cả bọn đi. Ít lâu sau tất cả đều chết đói trong một trại giam. Một người độc nhất trốn thoát là Frank thân sinh ra Anne. Cuốn nhật ký của Anne bỏ lại trong một cái rương.

Vài năm sau, khi Âu Châu bừng tỉnh cơn ác mộng, thiên lệ sử ra chào đời và theo con đường truyền cảm của tâm

tình in lên giòng sống muôn thuở dấu vết tình trong trẻo đượm tiếc thương của cô gái tài hoa, yêu trong bản hàn đau khổ. Rồi tối tối, trên sân khấu của ít nhất hai mươi nước trên hoàn vũ, Anne sống lại để viết thiên nhật ký của tuổi trắng tròn bất diệt.

Người đời thuở ấy vô tình trước cảnh ngộ âm thầm đau khổ của Anne thì nay muốn chuộc lỗi xưa, họ vén màn sương lạnh lẽo thời gian, nghe tiếng thở thê của nàng tự bên kia thế giới kể lại khúc tình sử lâm li. Hình như người ta cho rằng một vài vật kỷ niệm để lại, vài tấm ảnh, mấy giòng chữ viết trên cuốn tập học sinh, và một trái tim trung trinh con trẻ chẳng đủ để Anne Frank khỏi bị đời lãng quên.

Người đời bồi hồi ghi nhớ những dấu tích mong manh ấy để phác họa lại trong trí về nhìn trong sáng trên một khuôn mặt ngây thơ, rồi băng khuâng mẩn tiếc nhẹ nhàng đóa hoa bị dập vùi bởi những bàn tay vô đạo.

Hình ảnh.— Những bản sao lục thiên nhật ký đều in tấm hình của Anne ngồi tại bàn viết, tay cầm bút. Một khuôn mặt trái soan đường nét cực kỳ thanh tú, vẻ tinh khôn gọn một chút u buồn. Còn nhiều hình nữa chụp Anne trong những ngày tươi sáng. Anne lượn xe đạp trong thành phố Amsterdam, Anne, cô nữ sinh tươi tắn và vui cười, con người lý tưởng của các cậu học sinh trạc tuổi ấy... Rồi màn buông xuống phủ phàng và đột ngột.

Bây giờ Anne ăn mặc lôi thôi lam lũ lủi thủi theo sau cha mẹ tay sách bọc

quần áo nặng dưới trời mưa tầm tã một buổi sáng đầu thu năm 1942... Từ đây chúng ta thấy Anne trong những khung cảnh bản hàn của cuộc đời lần trốn. Nàng giữ lại rất nhiều hình và bức vẽ về cái « hăm núp » ấy. Người ta thấy Anne cầm cúi trên bàn viết hay ngồi trang điểm cho đom dăng một cách ngây thơ. Sau, đến những buổi tối ngồi với Peter, Anne nép vào cạnh người yêu... Cuộc xét bắt chấm dứt những hình ảnh cảm động ấy. Nhưng theo sự liên tưởng người ta có thể hình dung được Anne khi bị bắt, nàng theo sau mọi người nét mặt nhẩn nại lạnh lùng.

Từ đây người ta phải lấy trí tưởng tượng để theo dõi Anne trong cảnh đời giam cầm những trại tập trung. Có lẽ giữa khung cảnh ghê tởm ấy lúc ban đầu Anne cũng được đôi chút thỏa lòng, nàng tìm thấy ánh sáng, thấy mặt trời, thấy cỏ cây bấy nay khao khát. Những ảo ảnh đó sớm tan biến, kể theo đây phải hình dung ra những cảnh tù đầy : Anne tại Westerbork còn khá mạnh, nàng săn sóc cậu bé David. Rồi Anne ốm nhom, chẳng còn quần áo nữa, phải lấy bao bố che thân, chân quấn một cái quần rách thay cho giày để đỡ lạnh. Anne kinh hãi khi thấy tiếng đoàn xe trở trẻ em đưa lên phòng hơi ngạt. Anne rửa nước mắt ngồi với Lies trong đêm lạnh lẽo khi kẻ cắp đến lượm mất bọc đồ cuối cùng. Anne hấp hối trong một túp lều trước kia Margot đã chết ở đây. Mặc dầu trong hoàn cảnh nào cô bé cũng vẫn giữ được một vẻ khả ái làm cho người ta yêu mến.

Nhật ký.— Thiên nhật ký của Anne Frank lưu lại cho đời một tác phẩm có

một không hai về nghệ thuật diễn tả tâm tình. Những tiếng lòng tấm tức, thành thực vì ngây thơ, thắm thía vì đơn giản, những nụ cười hồn nhiên tìm khuây trong cảnh khổ, biểu lộ tâm hồn ham sống mà không được sống. Bao nhiêu cảm xúc ghi lại với một thiên tài viết ký sự sớm nở, tài khai thác những khung cảnh, những đề tài nghèo nàn. Lời văn theo giòng cảm nghĩ hiện ra ngời bút dễ dàng, thanh thoát. Anne đã nói được cái gì phải nói. Anne lại có trí nhận xét không thường, nhận xét cặn kẽ những chi tiết tỉ mỉ, có cái nhìn phân định đích xác của nhà tâm lý tinh vi, không bỏ qua một cạnh khía dù là mong manh của sự vật hay của tâm tình. Tài hài hước dí dỏm đã cứu vãn được văn khỏi khô khan trong cách nhìn sự vật như thế.

Cặp mắt trẻ thơ của Anne mở thao láo, nghiêm nghị soáy vào xã hội của người lớn để dò xét họ, cặp mắt soi mói đó cũng không tha cả chính bản thân nữa. Thiên nhật ký ngoài kịch tính mãnh liệt còn có thêm một giá trị văn nghệ trường tồn: một cuộc phiêu lưu trong nội tâm để nói lên những tâm tình muôn thuở qua sự diễn tiến của mỗi cảm nghĩ trong hoàn cảnh đặc biệt một thời. Anne đã kể lại những bước khó khăn của cô gái khi lần lần vượt tuổi thơ ấu để bước vào đời sống người lớn có suy nghĩ đắn đo, có đời tâm tưởng riêng. Đặt mình vào thế giới của người lớn xưa nay vẫn là quãng đường gian nan đối với con trẻ mới lớn lên. Những đoạn văn đó đã làm Anne thông cảm với tuổi trẻ. Tuổi trẻ đã soi thấy bóng mình trong tâm hồn cô gái vừa nhớn nhỡ

như trẻ nít, lại vừa nghiêm trang đứng đắn như người lớn. Họ coi thiên nhật ký ấy như một tiếng nói của thần linh giải đáp thắc mắc của lòng họ.

Anne Frank là ai? Nhật ký của nàng đã gửi cho ta những gì? Một cô bé cũng thường như trăm nghìn cô bé khác cùng tuổi ấy, cũng khao khát tình yêu, cũng tình quái, dỏm dánh, hay giận giỗi mà cũng dễ vui, dễ cười. Nhưng Anne là một cô bé hiểu biết sớm. Trong lúc xuân tình chớm nở, hoa xuân còn e ấp trong sương mai, Anne đã qua những phút khủng hoảng tâm hồn, những lúc vui buồn vô cớ. Cảnh sống xa lạ xã hội để con người cô độc quay lại quanh quẩn với mình càng làm cho tâm hồn bị kích động thêm. Nhật ký đã để lại vết tích những sự kích động ấy.

Sự sáng suốt của thể hệ J3 thời đại này cũng là một nét chính trong tâm hồn Anne, một tâm hồn thanh niên của thời hậu chiến. Nàng đã linh cảm thấy sự liên lạc giữa phụ huynh và con trẻ ngày nay thêm căng thẳng, nàng đã đặt ra những vấn đề sau này thể hệ J3 khai thác rầm rộ. Anne còn giống thể hệ thanh niên J3 vì ghét thơ mộng, ưa sống động, và nhất là ưa thành thực hoàn toàn, không dung tha một chút quanh co trong ý nghĩ cũng như hành động — thành thực đến thành ra tàn nhẫn. Anne tự thẩm vấn, tự kiểm soát, nàng ghi vào nhật ký cả những tiến bộ lẫn thoái bộ trên đường tu tính.

Bắt đầu từ nửa phần sau cuốn nhật ký, Anne thay đổi giọng văn và có những mối bận tâm khác. Nàng hướng về tình bạn, về ước vọng chia sẻ nỗi lòng. Cô bé trở nên dịu dàng và nhân nhượng khi ái tình

chớm nở trong lòng. Trong cái xã hội thu nhỏ lại ấy, Anne chỉ được gặp một cậu trai vụng về thô lậu. Anne cũng được hưởng những phút ấm lòng, cũng qua những rung cảm của mối tình thanh đậm trong trẻo, cũng biết hương vị cái hôn đầu tiên. Nhưng sự thật tàn ác là qua giấc mộng tình ái nàng đã tạo ra một ý trung nhân dối lốt Peter, chứ sự thực Peter không trả lời đúng ước vọng nàng ôm ấp. Anne sớm biết sự ngộ nhận ấy cho nên hồn nàng đã khép cửa lại rồi. Anne lại trở về với sự cô quạnh ngao ngán. Quãng đời ấy diễn ra khá lâu, ảo tưởng tan nhưng thất vọng còn khiến nàng phải thấm thía mùi chua chát.

Tuy nhiên trong thời kỳ ấy, Anne không hề nao núng, ngọn lửa yêu đời vẫn còn âm ỷ, nàng tin ở tâm địa tốt của con người. Triết lý của Anne là triết lý của người yêu đời trong đau khổ. Đó là điều bí ẩn trong tâm hồn cô gái vui vẻ, ham sống, đa cảm và sáng suốt. Thiên nhật ký chấm dứt giữa những xung đột âm thầm trong nội tâm tác giả nó: hy vọng và thất vọng, lạc quan giữa những buồn khổ tràn trề — những mâu thuẫn Anne không giải quyết nổi sẽ là đầu đề cho những lời tâm sự cuối cùng nàng gửi lại cho người đời.

Rồi thì tin Đồng Minh đổ bộ đem lại sự phấn khởi cho mọi người. Nhưng ngày giải phóng càng đợi càng bất tin; mọi người lại lo lắng thấp thòm mong chờ. Bọn người lần lút đã hết can đảm thì sự bất bớ bất ngờ giải quyết cho họ sự thấp thòm lo lắng bấy lâu. Nhưng thoát khỏi cảnh pháp phòng lo sợ, họ bước chân vào địa ngục ở trần gian.

Những ngày cuối cùng của Anne

Anne đi theo số phận. Trong cuốn nhật ký người ta chỉ còn lật những trang giấy trắng hoen ố vì nước mắt nhỏ xuống.

Trang 147 Anne có ghi câu này: « cây bút của tôi đã bị rớt xuống lò và cháy mất, tôi còn một nguồn an ủi dù rằng mong manh. Bút được chết thiêu chứ không bị chôn. Mong rằng sau này tôi cũng được chết thiêu như cây bút. Ước vọng ấy chẳng bao lâu nữa sẽ thành sự thực. »

Người ta theo dấu vết Anne để lại, dò hỏi lần từ trại giam nọ đến trại giam kia, đến Bergen Belsen thì biết Anne chết ở đây. Nơi này chỉ là một bãi tha ma trống trải, một vùng tuyết phủ dưới ánh trắng lạnh lùng. Người ta tưởng tượng đến những ngày cuối cùng của Anne ở đây mà rùng mình. Anne với nhóm người cùng cảnh ngộ hốc hác, lem luốc như những con thú đói, những xác chết còn cử động bì bõm trong sinh lầy. Nụ cười trên môi nàng đã héo từ lâu, nàng cũng trầm ngâm yên lặng như bãi tha ma lạnh lẽo. Anne đã chống lại với đói rét đau khổ nhiều rồi, giờ nàng ngồi ôm chặt lấy Margot đợi lúc giọt sinh lực cuối cùng tan rã, Anne hết cử động rồi cứng queo lẫn với một cành cây khô.

Anne tin tưởng rằng chết không phải là cái gì đáng ghê rợn. Trong bao nhiêu ngày nàng đã học làm người để nhận cái chết với sự thanh thản bình tĩnh trong tâm hồn. Tuy nhiên trong sự bình tĩnh thanh thản ấy nàng còn tin được bản chất con người tốt đẹp không? Chúng tôi muốn cho rằng nàng đã theo hình ảnh mình mà

xét đoán loài người chứ không biết đến con mãnh thú ẩn nấp trong lòng người. Đó là tính chất văn nghệ trong trắng ngây thơ đã tô màu cao đẹp cho mỗi cảm nghĩ của nàng, và cá nhân nàng tỏa hương vị ra đời ô trọc để đời tiến lên với cả hai thành phần tốt và xấu xung đột nhau.

Anne tự hỏi : « ta có viết được cái gì cao đẹp không ? » Người đời đã trả lời cho Anne. Thiên nhật ký nàng để lại là một lời tâm sự gửi cho người bị cường quyền làm ô nhục. Anne đại diện cho những nạn nhân các vụ tàn sát dã man nhất vì là tàn sát những người vô tội. Không phải một ông già, sắc diện cũng như y phục nhuộm màu tang, ngồi khóc Anne trong căn phòng kín đáo, mà hàng triệu người đọc Anne, coi Anne sống lại trên sân khấu, trên màn ảnh, đều

khóc Anne, đều giữ kỷ niệm về Anne. Số người đồng thanh đồng khí với Anne nhiều như cát bễ đông. Số người ngã gục trước quyền lực một bạo chúa để sóng đàn áp cuốn phăng đi, sẽ thông cảm với nàng để bền chí tin rằng tiếng kêu oan không có gì át nòi mãi được.

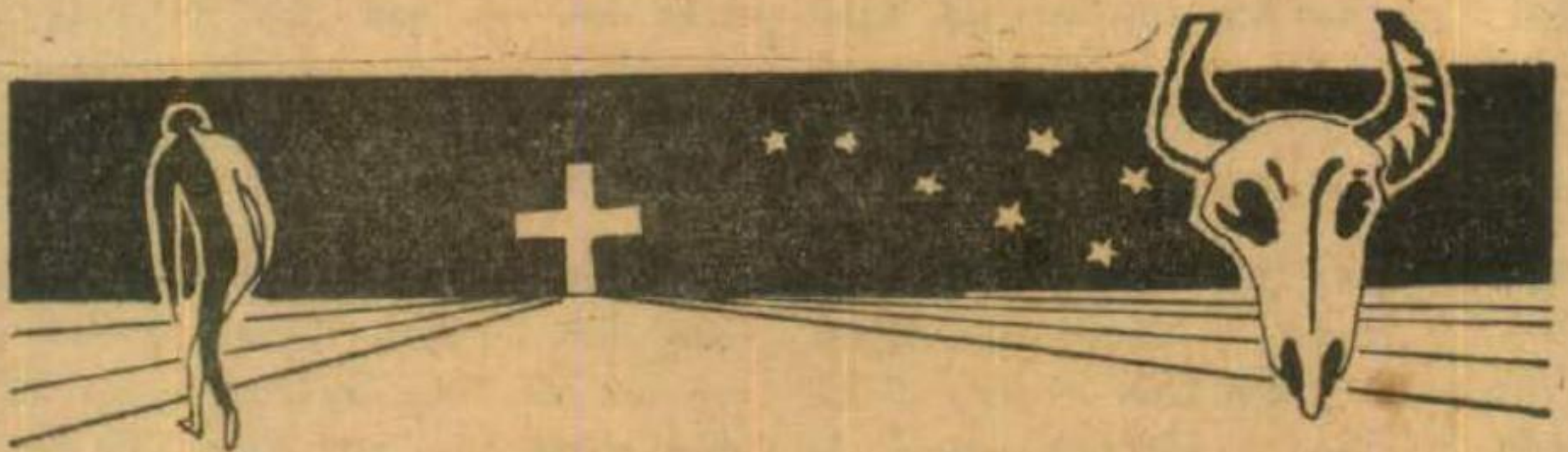
Trên giòng lịch sử, một cuộc tranh chấp chưa hề dành thắng lợi cho phe bạo lực bất công. Sự độc ác của kẻ sát nhân không tiêu tán được tất cả vật chất lẫn tinh thần người bị hại. Tàn sát một cô gái trong trắng ngây thơ, bạo lực bất công đã trả lại cho đời hình ảnh cô sáng sủa và óng chuốt thêm. Chết đi, Anne đã trở nên bất tử.

CÔ-LIÊU

Sự học quan trọng thế nào ?

Khổng-Tử bảo Bá-Ngư rằng : « Nay Lý (tên tự của Bá-Ngư), ta nghe, có thể cùng với người suốt ngày mà không mệt mỏi duy có việc học mà thôi. Cái dáng dấp thân thể không đủ để trông ; cái sức dũng mãnh không đủ để sợ ; tiền tổ không đủ để khen lao ; họ hàng không đủ để nhắc nhở ; rút cuộc chỉ có tiếng lớn đủ để lừng lẫy bốn phương và truyền tới đời sau, đó há chẳng phải là công hiệu của sự học hay sao ? Cho nên người quân tử không thể không học, cũng như dung nhan không thể không sửa ; không sửa thì không thành hạng gì ; không thành hạng gì thì mất cả thân tin ; mất thân tin thì không thể trung thực ; không trung thực thì mất cả lễ độ ; mất lễ độ thì không thể đứng vững. Ồi, xa mà có vẻ tươi đẹp ấy là sự sửa sang bề ngoài vậy ; gần mà càng thấy sáng sủa ấy là sự học vẫn bền trong vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ



HÁT MỘT MÌNH

ĐƯỜNG xa còn dài đi chưa hết
Hun hút dáng chiều lên mi mắt
Từng quán gió cô đơn ngủ bên đường
Từng mái tóc chiu nặng buồn tha hương
Tóc bời sương gió
Như mây ngàn bay
Tiễn đưa bao lần nhớ
Không về đôi bàn tay
Một mảnh tàu nhỏ bé nằm trong trang nhật ký cũ
Đượm nhiều kỷ niệm âm thầm của lòng biển khơi
Sao trống rỗng vẫn chạy trong mạch máu
Dù uống hết rượu Ngân-Hà vòm trời
Tôi từng mê ngủ trong làn hương của rừng hoa
Mà lòng rạo rức nỗi hận sâu Dương-Quý-Phi
Bừng dậy đêm hoàng hôn ngủ ở trong làn tóc gió sương

Những vì tình tú ắp ủ tôi như bàn tay mẹ hiền
Từng mái nhà mở nếp kính cầu nguyện
Đề đọc lên lời tha thiết các vì sao
Khi Vô Cùng không muốn ngự ở trái tim loài Người
Những mái chùa cong nước nở
Xác phật buồn, tim chảy máu
Bệnh truyền kiếp dâng về
Lửa linh hồn hết cháy hình hài
Đá lụi tàn mà sâu còn lạnh tẻ
Thuyền ai trôi trên giòng Ngân-Hà
Lạnh lẽo buốt tẻ buồn xa lạ

.
Sầu cô độc như đường về Tây-Trúc
Trong bão lốc ghê hồn sa mạc hoang vu
Khi Đường-lãng hướng tới bóng Bồ-Đề.

Tôi cúi xuống
Tháng ngày là bánh xe
Đang qua bao nhiêu vườn hoa...

PHAN-LẠC-TUYỀN

1958

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được những sách sau đây:

— Tập thơ **Taj-MAHAL** hay là « **Mối tình bất diệt của Hoàng đế Ấn Độ Shah Jahan** » của Đoàn-Thêm có bản dịch Anh Văn của Giáo sư J.T. DORSEY Jr. do tác giả gửi tặng. Sách trình bày rất mỹ thuật, đã được bạn Vân-Trường giới thiệu trong mục Điểm Sách của BÁCH KHOA số 38 ngày 1-8-58.

1) « **Thuyền Thơ** » tập thơ của Đông-Xuyên do nhà xuất bản Nguyễn-hiến-Lê phát hành và do tác giả gửi tặng.

Sách dày 78 trang, gồm 54 bài thơ sáng tác và 13 bài thơ dịch, trong số đó có nhiều bài đã được tác giả gửi đăng trên Tạp Chí Bách-Khoa. Giá 30đ.

2) « **Hương Thơ Diễm-Tuyệt** » (Thơ Pháp, thơ Hán đối chiếu giảng bình) của Lam-Giang, do tác giả gửi tặng.

— « **Mấy khuynh hướng mới trong tổ chức hành chánh tại các nước Đông-Nam-Á** » của Đoàn-Thêm do tác giả gửi tặng.

— « **Lược khảo về Hiến Pháp các nước Á Châu : Ấn Độ** ». của Đoàn Thêm do tác giả gửi tặng.

— « **Vấn đề học hỏi và sáng tác** » của Đoàn-Thêm do tác giả gửi tặng. Đây là bài nói chuyện của tác giả tại Tòa Đô Sát Sảnh Saigon ngày 6-6-58, do L.Đ Công Chức Cách Mạng Quốc Gia tổ chức.

— « **Emploi des modes et des temps** » của G.S. Phùng-Tất-Đắc, do nhà xuất bản A.B.C. gửi tặng.

Trong tập sách giáo khoa này, tác giả giảng về cách dùng thì trong văn phạm Pháp để giúp ích cho những học sinh Trung học và những người tự học Pháp văn, muốn hiểu và viết Pháp văn lưu loát.

— **Giông Tố** của Vũ-trọng-Phụng tiểu thuyết xã hội do nhà Mai-Lĩnh tái bản lần thứ ba và gửi tặng.

Sách dày gần 400 trang, trình bày rất mỹ thuật, giá 68\$.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản, các tác giả và xin ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

BÁCH-KHOA

Hộp thư

Anh HUYỀN-VIỆM Phan-rang.— Được thư anh, đề ngày 2-8-58. Cảm ơn anh đã sốt sắng với « Bách-Khoa ». Sẽ có thư riêng để bàn lại những điều anh cho biết.

LỜ LÀNG

VÕ-PHIẾN

Y biết rằng trong mười lăm năm qua nếu có những lần chị Lai nghĩ đến y thì chắc cũng không dám ngờ đến cái việc có thể gặp y với một phái đoàn đông đủ thế này, ngay trước cửa chợ Đông-Ba. Nhưng thực tại vẫn phong phú hơn ý tưởng của chị Lai, cho nên khi chị Lai gặp lại y thì y đã cầm đầu một phái đoàn.

Về sau này, không biết bao nhiêu lần suy đi nghĩ lại, y cho rằng nếu hôm đó mà cuộc gặp gỡ chỉ riêng giữa hai người, rồi chỉ riêng có y và chị Lai trên con đường từ chợ về nhà, rồi chỉ riêng có y trọ lại nhà chị trong suốt hai tháng thì ngày nay có lẽ y đã sống một cuộc đời khác rồi. Nhưng y không thể sống cuộc đời khác. Là vì hôm đó khi chị Lai nhìn vào mặt y kêu lên :

— Trời ơi ! Anh Thông đó hả ? »
và khi y vừa luýnh quính hỏi :

— Chị Lai ! Chị Lai bây giờ ở đây sao ? », khi hai người đang đổ ửng mặt lên vì những liên tưởng xa xôi lộn xộn, vì những kỷ niệm vừa cảm động vừa lố bịch, thì y chợt thấy ông già Đỗ-mạnh

Kỳ tiến lên nắm cánh tay y, nhìn chị Lai suốt từ đầu đến chân hỏi : « Anh có quen với cô đây hả ? Cô đây chắc là sinh sống ở Huế lâu rồi chứ còn hỏi gì nữa ? »

Giọng nói của ông già Kỳ làm cho cả y cả chị Lai cùng thấy tưng hửng. Chị Lai liếc nhìn qua ông già Kỳ, quay lưng ra. Chị không dám mỉm cười. Thông định có vài lời giới thiệu qua chị Lai với phái đoàn của mình. Nhưng ông già Đỗ-Mạnh-Kỳ không có ý dành cho y cái vinh dự ấy. Ông ta sốt sắng nói với chị Lai :

— Anh Thông đây với chúng tôi hết thầy đều chống Cộng cả. Hết thầy ! Chúng tôi vừa trốn Cộng sản vượt ra đây mà. Thiện chí cả. Hết thầy đây là người thiện chí. Cô khỏi lo... »

Xem nét mặt chị Lai lúc ấy không thấy một dấu hiệu lo ngại nào cả. Lối phân trần hấp tấp của ông già Kỳ làm cho chị lấy làm khó hiểu. Còn Thông thì y đang loay hoay không biết nên trình bày thế nào để chị Lai hiểu rằng những lời tuyên bố về vấn đề thiện chí của ông già

Kỳ vừa rồi ngay trước chợ Đông-Ba không hề có một lần ý chính trị nào sâu xa. Đó chỉ là một lối phát biểu bóng bẩy về cái tình trạng bơ vơ không nơi lưu trú của phái đoàn đang cần gấp một chỗ quen biết bằng lòng thu nhận cho tá túc. Nhưng đáng lẽ trước khi giải thích như thế, Thông nên biết qua loa tình hình gia đình chị Lai lúc này thế nào, chị đang sống với ai.

Thông chưa tìm ra câu nói. Trời lại đổ một cơn mưa nữa. Bốn ông cụ già đứng xung quanh Thông chạy tán loạn, nấp vào hè phố. Chị Lai nhìn kiếm điếm một lần nữa, và nhận thấy tất cả phái đoàn năm người của Thông có một chỗ giống nhau: không ai có một cái áo mưa, mỗi người chỉ có một cái mũ trùm vải nhựa như kiêu mũ mà các nhà hoạt họa thường chụp lên đầu cán bộ Cộng sản. Nhưng sự đồng nhất dừng ngay lại ở chòm đầu. Từ cổ xuống chân có nhiều xu hướng dị biệt. Thông thì mặc bộ đồ bà ba màu xám tro, cũng có thể gọi được là màu khói hương nếu gia đình Phật tử không thấy có điều bất tiện trong sự lộn xộn ấy. Chân y mang đôi dép lốp xe. Ông già Đỗ-mạnh-Kỳ thì mặc cái quần đen bằng vải tám còn mới và một cái áo xatanh đen rất cũ, mỗi bên cùi chỏ thùng một lỗ vừa đủ rộng cho một cặp chuột cùng chui vào một lúc khỏi có sự chen lấn đấu tranh. Ông già Kỳ mang đôi dép Nhật mới mua. Còn ông già Hoàng-gia-Lợi thì lại vận âu phục: quần sọt ka-ki vàng và sơ-mi bằng vải ta nhuộm màu dàu. Ông ta xách cái xác-cốt nơi tay chứ không đeo vào cổ. Ông già quắc thước ấy mang nhiều hạt nước mưa lấm tẩm trên ba chòm râu: một ở cằm và hai bên mép. Người thứ

ba là ông già Phùng-văn-Nước thì lại mặc bộ « py-gia-ma » cũ do một người bạn ông ta hiện làm bồi ở Đà-nẵng mới tặng cách năm hôm. Việc ông già Nước được tặng « py-gia-ma » gần như là một sự ngẫu nhiên bắt buộc phải xảy ra. Là vì cái lạnh lợi phóng túng, cái phong thái đặc biệt thị thành của ông ta giữa ba người địa chủ già kia đòi hỏi được đi đôi với một thứ y phục thuộc về nền văn minh kiêu mới. Cho nên khi vừa ướm thử bộ py-gia-ma vào người và tự ngắm nghía một chút là già Nước hiểu ngay rằng người bạn đã trao cho mình một thứ y phục thích hợp. Ông ta đã dạo khắp phố xá năm hôm nay và, nhiều lúc giữa những ngã ba đường đông đảo ngựa xe và khách bộ hành sang trọng chợt ông có ý thử kiếm điếm xem vì đâu mà mình có một mối kiêu hãnh, một niềm yêu đời hoan hỉ thấp thoáng trong lòng. Ông già Nước không tìm ra nguyên nhân ấy, nhưng kỳ thực đó là một nguyên nhân thuộc về nghi lễ: đó là bộ y phục. Ông già thứ tư nếu không có một cái khăn lông rất bần quăn quanh cổ thì sẽ không có gì đặc biệt, nghĩa là sẽ hóa ra một người hết sức tầm thường. Thực ra ông già Hồ-Nhạ trong suốt sáu mươi tư năm sống trên đời vẫn tầm thường như thế, nếu ông ta không hà tiện đặc biệt và bần thiêu đặc biệt.

Sau cơn mưa, bốn ông cụ già lại xúm xung quanh chị Lai và Thông. Thông vẫn còn ở vào một tình thế hết sức khó xử. Y biết cái điều yêu cầu khẩn cấp của bốn người bạn già. Y cũng biết cái bờ ngõ lúng túng của chị Lai. Nhưng y lại không biết làm thế nào để thanh minh rằng quả tình y không có dự định sưu tầm đủ bốn ông cụ già này để chiều nay mang

đến trình diện cùng chị Lai. Sự gặp gỡ của năm người thiện chí hoàn toàn do một ý định ở trên cao.

Thông gặp ông già Kỳ lúc hai người cùng gia nhập vào một nhóm người buôn gà và lợn, đèo trà trộn vượt qua sông Vệ, con sông ranh giới giữa quân lực hai bên trong thời gian thi hành tập kết. Y lại trông thấy ông già Nhạ ngay giữa bến xe thị xã Quảng-Ngãi, lúc y vừa bước chân xuống xe. Khi ấy già Nhạ đang cãi nhau kịch liệt để bắt một người đánh xe ngựa bồi thường cho ông ta về sự mất mát một chiếc guốc xảy ra ở dọc đường do sự bất cẩn của người xà ích ít may mắn. Già Nhạ lại lấy làm cảm động mừng rỡ vì giữa hoàn cảnh khó khăn gay cấp thì do sự xui khiến của Trời ông ta lại gặp người đồng xứ để làm chứng rằng bình thời già Nhạ thường hay làm chủ một đôi guốc đầy đủ trọn vẹn.

Về trường hợp của ông già Phùng-văn-Nước thì chính là Thông bị bắt gặp ở Đà-nẵng. Y đang đi trên đường bỗng nghe có người gọi tên y lạnh lói. Y quay tìm. Già Nước đang đứng bên cạnh một gánh phở, một tay chống nạnh, một tay xia răng. Khi mắt Thông vừa bắt gặp ông ta thì ông ta cười lên khanh khách vô cùng sáng khoái như một tâm hồn vô tư đột nhiên bắt gặp một niềm vui vẻ cực kỳ lành mạnh.

Già Lợi và Thông hội ngộ mới hôm qua đây, tại bến đò ngang trước Phu-văn-Lâu. Già Lợi hăm hở bước tới trước mặt Thông hỏi ngay :

— À ! Anh Thông đó rồi ! Thế cái trụ sở đó đóng ở chỗ nào hả anh ?

— Cụ định hỏi cái trụ sở nào ?

— Ủa ! Cái chỗ đề đón tiếp bọn mình chứ còn trụ sở nào nữa ?

— . . . ?

— Cái trụ sở chiêu đãi những người thiện chí chống Cộng, những đồng chí mình đó mà. Chắc anh đã ăn ở nơi đó rồi chứ gì ?

Thông ngẩng lên nhìn bầu trời ửng ửng, nặng nề và tuy thấp nhưng cũng đủ mênh mông để cho một đám mây trôi giạt thấy bơ vơ. Bầu trời u ám và mênh mông. Trên mặt con sông Hương bằng bằng rộng rãi, Thông đi qua, già Lợi đi lại không biết mỗi người đến mấy lần rồi, chỉ có thỉnh thoảng gặp một con còng cộc từ dưới lòng sông vùng bay lên một ngọn cây bút bút bên bờ, chứ chưa có lần nào y gặp ai nói đến một trụ sở như thế. Vừa gặp nhau già Lợi đã chọn hỏi y một câu khó đáp nhất đời.

Y đứng im không đáp. Già Lợi nhìn y : quần áo xám và dép lốp xe, thế thì chưa gặp chiêu đãi sở rồi ! Y nhìn lại già Lợi, nhìn cái « xác cốt » và ba chòm râu động nhiều nước mưa. Ông ta đã ngã xuống đứng lên mấy lần trong cuộc chống đối với Cộng-sản, đã ngất ngư liều chết vượt trăm nguy ngàn khổ chạy về đến đây tìm « quốc gia », ông in trí rằng « quốc gia » cũng đang tìm kiếm ông ta, đang xao xác tìm kiếm và chắc là phải âu yếm nâng niu những phần tử như ông ta, phải tập hợp lại đùm bọc những người đồng chí thể chết sống với kẻ thù chung. Ông làm gì có cái cao kiến rằng chỉ có những đảng phái mới nói đến đồng chí. Đảng



này một chính phủ đang hoang làm gì có đồng chí! Chính phủ chỉ có một đàn dân phải đối xử lạnh lùng như nhau. Có lẽ nếu ông ta tìm đến cơ quan cứu tế và tự xưng là một tên dân chạy loạn đói rách hẳn cùng ông đã được phát ngay mấy lon sữa, cái mền và mấy thước vải. Nhưng ông ta không làm thế, ông ta không đi tìm lon sữa cứu tế, ông lại đi tìm cái tình đồng chí, cái tình chiến hữu! Chao ôi! Ông già Lợi!

Dù thế nào thì phái đoàn của Thông cũng thêm lên một người thiện chí nữa

rồi. Cứ một lúc một dài thêm, đoàn thiện chí ấy ngày ngày kéo đi dọc hai bên bờ sông Hương rồi lại kéo ngang qua con sông Hương. Cho đến chiều nay thì Thông gặp chị Lai. Sự bối rối lưỡng lự làm cho y có thì giờ kịp ngắm cái quai nón tím nhạt màu của chị Lai và mớ tóc uốn vừa nhiều vừa cứng sệt tỏa che kín cổ.

Chị Lai lên tiếng trước đề giải quyết. Chị mời tất cả phái đoàn về nhà chị... « đề cho biết nhà ». Thông vừa hướng dẫn phái đoàn bước theo chân chị đi về phía bên ô tô buýt, vừa nghĩ thương hại cho những phiền nhiễu, nhất định là không nhỏ, mà chị sẽ phải chịu đựng do một câu mời này. Lúc chị bước lên xe, y ngó lại tấm bảng bên hông xe, rồi hỏi :

— Nhà chị Lai ở Tây-lộc hả chị ?

— Ở về phía ấy, nhưng chưa đến bến xe. Ở ngoài ô, nhà tranh vách đất chật hẹp thôi. Đến thăm tôi, anh và các cụ sẽ chịu phiền vì thiếu chỗ đứng chỗ ngồi.

Chị nhìn khắp năm người cười vui vẻ. Già Nước có ý muốn hỏi Thông về sự quen biết giữa y và chị Lai. Thông lại đang muốn hỏi thăm chị về tình hình gia đình. Nhưng chưa ai kịp lên tiếng thì chiếc xe đã bắt đầu nổ máy. Mọi người đều thấy không có gì gấp rút đến nỗi phải gào to các câu hỏi giữa hành khách trên xe.

Trời lại mưa to, nước chảy rùng rùng xuống hai bên cửa xe, rơi trên thành cửa, bắn vào vai áo, vào cổ hành khách. Thông đứng giữa xe, tay nắm vào một

cây sắt, lạng lẽ nhìn cái áo dài xanh đã lạt màu, làn môi không có chút son, bàn tay của chị Lai vịn cái giỏ đồ ăn, bàn tay vẫn trắng trẻo đẹp đẽ nhưng rước da khô dày và những móng tay cùn không được sắc sảo kể rõ một cuộc sống khó khăn.

Thông nhìn tất cả những chi tiết ấy, như vô tình thản nhiên, mà vẫn có vẻ trù mẫn chăm sóc. Chị Lai ngó ra ngoài xe. Ngoài xe mịt mờ trên hàng cây xoan bên đường, mịt mờ trên mặt sông Hương. Xe quật vào cửa Thượng tứ. Mưa mịt mờ xóa cửa Ngọ môn.

Già Nước hết nhìn Thông lại ngó về phía chị Lai. Thông hiểu rằng ông già mau miệng nhanh nhẩu này đang cố nuốt cái câu hỏi của ông ta một cách khó khăn, như người ta ghì lại một con ngựa chứng. Nhưng già ông già ấy có hỏi ra lúc này, thì y mới biết đáp lại làm sao đề cất nghĩa về trường hợp biết nhau giữa chị Lai với y ?



NĂM mười ba tuổi Thông từ nhà quê đến Qui-nhơn học năm thứ nhất ban Trung học. Y trọ nhà một ông cậu. Căn nhà cậu y thuê là căn thứ ba trong bảy căn nhà do một chủ cất liên tiếp.

Y còn nhớ rõ : nhà số một có một bà già ở với ba cô con gái. Mỗi năm một cô con gái đi lấy chồng ; đến năm thứ ba thì bà mẹ trả nhà lại cho chủ, trở về quê.

Nhà số hai : một ông tri phủ mất chức vì tội hối lộ, bị đày về làm việc ở tỉnh. Ngày hai buổi ông ta cầm cây dù trắng, đi dày hạ, thùng thăng bước từ nhà đến

công quán gần đấy, đoan trang nghiêm nghị, mắt không hề có một lần ngó chệch. Bữa ăn của ông ta dọn riêng một mâm, trong lúc ông ta ăn không có bóng một đứa con nào quanh quần quấy rầy. Chỉ có người vợ bé đứng sau lưng cầm cây quạt lông thỉnh thoảng phát một cái. Suốt trong bốn năm liền ở sát vách nhau, có một lần vào lúc một giờ trưa, Thông đóng cái đinh trên tường phòng học mình, bị ông phủ cũ phái người nhà sang yêu cầu ngừng khua động để cho ông ta an giấc. Sự kiện ấy được kể qua sáu gian nhà, và tất cả đều đồng ý rằng ngoài nó ra không ai có thể thêm một chi tiết nào về sự giao thiệp của ông phủ cũ đối với kẻ lân bang. Thông và trẻ con nhà số sáu có thể chia phe ra đá banh trước hè suốt từ căn số bảy trở lại, miễn là phải khuôn đá và gạch sắp hàng chặn banh không cho lọt sang căn số hai.

Nhà số bốn : đó là nhà chị Lai rồi.

Thông rất muốn kể cho đến căn số bảy vì còn biết bao nhiêu là kỷ niệm. Nhưng cái kỷ niệm quan trọng nhất đã bắt gặp ở nhà số bốn rồi.

Thoạt tiên Thông không chú ý đến gian nhà ấy, vì thành phần gia đình số bốn không có ai đáng đề cho y quan tâm. Một anh con trai mười chín tuổi học đệ tam, một đứa cháu gái lên sáu, một chị Lai mười bảy tuổi ; và nhất là ông thanh tra già ngót năm mươi. Dầu cho để tính đến bậc nào, một đứa con trai mười ba tuổi cũng không thể tuyên chọn một ai trong gia đình ấy để kết bạn chơi đùa.

Ông thanh tra già không nghiêm khắc như ông phủ bên số hai. Trái lại, đó là một người giản dị, tự nhiên, thích đùa

nghech trẻ trung. Ở nhà, ông ta thường mặc áo lá quần cụt, một đôi khi ra hè chận banh của lũ trẻ đang chơi đùa và cười lên hô hố. Đầu ông ta có nhiều sợi tóc bạc, nhưng trông ông còn khỏe mạnh vạm vỡ. Da ông thanh tra đen thui đen cháy như da một nông dân nghèo khổ. Đó là điều lạ lùng khó hiểu.

Đã lâu, Thông không hề để ý tìm hiểu mối liên hệ giữa những người ở trong căn nhà số bốn. Nhưng mà một hôm, một buổi trưa chủ nhật trời nắng gắt, đường nhựa nóng bỏng bốc hơi phừng phừng, cả khu phố vắng teo, mọi nhà đều khép kín cửa, một mình Thông thờ thần trước hè. Y bọc trong túi vài mươi cái « nắp keng » rình chờ những đứa trẻ ở căn số sáu lộ đầu ra, nhưng mãi khá lâu vẫn không thấy. Buồn bã, y ngồi xuống, ném ra trước mặt một cái « nắp keng » rồi dùng một cái khác nhắm bắn. Y bắn nhẹ nhẹ, cố tránh khua động, rất biết điều, y như những đứa trẻ khi lùi thủi chơi một mình. Dưới bóng mát cây điệp trước sỏ cò, một thằng bé bán cà rem ngồi nghỉ, nhìn sang theo dõi trò chơi của y. Giữa hai đứa, hơi nóng chấp chới nhảy múa trên mặt ngã tư đường nhựa mênh mông. Hai đứa trẻ lùi thủi im lặng trong buổi trưa hè rộng bát ngát giữa một thành phố ngừng hoạt động, cảm thấy uể oải buồn thiu.

Thông vơ cả hai chiếc « nắp keng », bỏ vào túi, chán ngán đứng dậy. Bỗng y nghe một tiếng cười rúc rích. Một tiếng cười rúc rích, thú vị, khác thường, của người lớn, chứ không phải của trẻ con đùa nghịch. Tiếng đó ở trong nhà số bốn. Y nhìn qua cánh cửa sỏ hé mở nửa chừng.

Trên chiếc giường mừng, ông thanh tra nằm xây mặt vào vách, quay lưng ra phía y, đưa bàn tay mặt lên áp vào cổ chị Lai, mân mê, và luồn những ngón tay của ông ta vào mớ tóc rất tốt rất đen của chị. Chị Lai ngồi nghiêng nghiêng lưng quay vào vách, đầu bị bàn tay ông thanh tra kéo cúi xuống. Ông ta xoa và mân mê cổ chị như thế, rồi kéo đầu chị gục xuống lần lần, cho đến khi ấy ông quàng luôn cánh tay trái ngang lưng chị siết mạnh đến nỗi cả ông thanh tra và cả chị Lai cùng dấy lên và cười rúc rích. Tiếng cười đàn ông và đàn bà lẫn lộn nhau. Rồi chị Lai nhẹ nhàng gỡ cánh tay ông thanh tra ra, ngẩng lên lắc đầu gạt tóc ra sau. Thình lình chị bắt gặp khuôn mặt của Thông ngoài cửa sỏ !

Thông nóng mặt, thẹn quá. Mà chị Lai đang cười cũng xấu hổ bừng lên. Có lẽ ông thanh tra hiểu được sự khác thường trên nét mặt chị nên quay người ra, nhưng Thông đã lùi đi rồi.

Cái liên hệ giữa ông thanh tra và chị Lai từ trước tới nay y không ngờ là một liên hệ như thế. Y không nghĩ họ là vợ chồng. Cho nên cảm tưởng đầu tiên của y là sự kinh ngạc, có lẫn một chút bất bình. Y muốn bênh vực cái tuổi trẻ và nhan sắc của chị Lai mà sự phát giác tình cờ hôm nay khiến y chú ý. Trước đây y không hề để ý đến điều ấy : đối với đứa trẻ mười ba tuổi thì trên đời không có gì vô vị bằng người con gái mười bảy.

Nhưng cảm tưởng của y không phải chỉ toàn có kinh ngạc. Sự bối rối thẹn thùng cùng một lúc của chị Lai và của

y, cùng với những cử chỉ mà y chứng kiến đánh thức nơi y một xôn xao đáng lẽ y chưa biết đến. Có lẽ nếu y tình cờ thoáng thấy cảnh ấy trong lúc hăng hái vội vàng rượt chặn một quả banh thì vài phút sau y đã quên đi rồi. Nhưng hôm nay y lại thơ thẩn một mình buồn bã giữa buổi trưa nóng bức, mênh mông và vắng vẻ. Cho nên cảnh tượng ấy quanh đi quẩn lại trong óc y nhiều lần với cái nhẩn nại vô cớ của những con ruồi say nắng cứ quẩn quanh và xán lại đậu trên các sợi dây lạt không nghĩa lý lơ lửng giữa nhà bếp.

Tuy vậy câu chuyện hôm đó đã có thể xảy ra thì dần dà chắc rồi cũng có thể bị quên đi.

Nhưng buổi chiều, trong khi Thông đang đá kiệu bên hè với ba bốn đứa trẻ, thì chị Lai từ trong nhà tiến ra cười nói : « Em đá giỏi thế à ? » Rồi chị quay vào trong nhà gọi với : « Này ? Ra mà coi thằng Thông nó đá kiệu, giỏi gớm ? »

Từ trước tới giờ y chưa từng nói một câu với chị Lai, y không ngờ chị biết gọi tên y. Nhưng y không ngạc nhiên, y đủ thông minh để hiểu rằng sự thân mật vốn vã đột ngột và hơi vờ vĩnh của chị là để xóa lấp sự ngượng ngùng khó chịu sau việc khi trưa. Ông thanh tra vui vẻ bước ra xem bọn y chơi, và cũng đùa với bọn y một lúc.

Bắt đầu từ hôm đó chị Lai thường gọi y qua nhà, săn sóc y như săn sóc một đứa em, cho y kẹo bánh v.v... Y không từng có một người chị, nên không hiểu trong tình quyến luyến của y đối với chị Lai có được mấy phần tương

tự tình quyến luyến chị em. Chỉ biết rằng dần dà y mến xa xôi cả đến nhiều thứ thuộc về chị Lai ; y mến cái mùi hương bàn tay chị khi chị ụp cả nhúm đường cát vào miệng y, y mến màu xanh hoa lý của tà áo lót vắn lộ ra hai bên hông mỗi khi chị mặc áo dài đen...

Từ ấy y nhiều lần muốn đi sâu vào những chuyện riêng tây trong gia đình số bốn. Một hôm y nghe câu chuyện giữa cậu y với ông chủ nhà số năm :

— Ông thanh tra thạo ngựa là vì thân sinh ông ta ngày xưa là một tay chơi ngựa có tiếng.

— Vậy hả ? Ông chánh tổng Thế mà cũng có tài riêng về ngựa nữa à ?

— Chứ sao ! Nhớ có hồi ông ta mua được trên mọi đem về một con hời thực tốt, tập vừa đủ nước, hay vô số là hay, tự nhiên đau bụng có một buổi chiều, thuốc men đủ thứ, có cho khi cỡi nữa mà vẫn không khỏi, cứ ngã quay ra chết. Ông ta thế không chơi ngựa nữa. Nhưng về sau, người con tức là ông thanh tra này lớn lên, lại mua ngựa nữa. Mới cách đây ba năm ông thanh tra bắt được con tía thực tốt mã...

— Thế nào là tốt mã ?

— Hỏi làm gì chuyện đó, ở thành thị ai cần sắm ngựa ? Đuôi dài, lông ướt là tốt. Mông và đùi phải thực rắn chắc, thực to mà bụng thon nhỏ. Phàm ngựa mà bụng to mông nhỏ thì vứt đi.

— Ủa, thế thì xem tướng ngựa cũng tựa như xem tướng con gái !

— Có lẽ thế. Cho nên ông thanh tra sành cả hai phía. Có điều con tía đó bị xoáy đóng ngược thành thử hay trở

chúng. Nó đã ném lão chủ trước của nó vào giữa bụi gai xương rồng một lần, về nhà phải uống đến một lít rượu trắng, lẽ gai năm ngày mới hết.

Lần này về với ông thanh tra, gặp tay cương cứng cát, nó không dám giở trò phá vật. Nhưng một hôm nó lừa đúng khi bước qua một cái cầu máng, nó quăng ông ta xuống và nó nằm ngửa lên. Nếu chuyển ấy ông ta không kịp lăn nhào xuống lòng suối thì là bề ngực nát phôi rồi. Hồi đó ông ta còn dạy ở trường huyện Sơn-thành. Ông ta vừa bán con ngựa đó thì vừa được đi thanh tra.

— Ngựa ông ta chọn thì sát chủ, nhưng vợ ông ta chọn thì lại không hề làm mà gặp kẻ sát phu bao giờ.

— Ông ta hại vợ thì có. Cô nhỏ này là cô thứ ba đấy nhé. Không biết ông ta tìm ở đâu ra cô bé hiền lành dễ thương thế...

Thông lo lắng cho tính mệnh chị Lai. Rồi chị có chết như những người đàn bà trước chị đã ăn ở với ông thanh tra không? Mà ông ta làm gì để vợ chết? Thông đã đề tâm tìm hiểu điều đó nhưng rốt cuộc y chỉ được biết rằng trước sau đối với người vợ nào ông thanh tra cũng chỉ có một thái độ ấy: là mân mê sờ nắn cái cồ. Người vợ thứ hai cũng rất trẻ, nhưng ẻo lả, thường đau vật, ông thanh tra càng tưng tiu, lúc nào cũng cà rà bên giường và xoa vuốt cái cồ. Chỉ có vậy mà chết được sao? Ra đàn bà nhiều khi họ chết vì những nguyên nhân thực kỳ cục.

Thoạt tiên Thông đã bất bình vì những sự liên hệ bất ngờ giữa chị Lai với ông

thanh tra. Về sau được gần gũi chị, y đòi sự bất bình thành oán hận. Nhưng giữa y với người đàn ông vạm vỡ, da đen, từng trải, sành sỏi từ chuyện ngựa cho đến chuyện người đó có sự xa cách nhau một trời một vực. Y thăm thía sự xa cách ấy; mà y cảm thấy hình như chị Lai sống trong gia đình số bốn cũng có một thái độ khuất phục cam phận của kẻ bất lực như y. Có phải vì vậy mà chị thường muốn kéo y vào lòng, gỡ cho y những sợi tơ nhện vướng vào đầu tóc rối của y, mà chị thường muốn đề đầu y gục xuống thau nước để rửa ráy kỳ cọ mặt mày y những khi gặp y ham chơi đến tháo mồ hôi nhể nhại, mà chị thường muốn nắm tay y dắt theo đề thủ thi qua nhiều con đường phố...?

Một buổi chiều tháng chín dương lịch, sau khi trường khai giảng được mấy hôm chị Lai dắt y ra chơi ngoài bãi bẽ. Thường khi gia đình số bốn đi bẽ, trong lúc ông thanh tra và anh Thi, người con trai ông ta, xuống bẽ tắm thì y ngồi lại trên bãi cát với chị Lai cho vui. Những hôm ông thanh tra không đi bẽ, thì chị Lai không có bạn gái, nên thường dắt theo hoặc Thông hoặc con cháu Lê. Buổi chiều hôm ấy chỉ có hai chị em. Trời về thu, số người tắm không có mấy. Đã sẩm tối rồi mà chị Lai vẫn chưa về. Hai chị em nhìn ra ngoài khơi. Bỗng có một người đàn ông cưỡi xe đạp đi dọc theo mép nước, vụt qua trước mặt hai người. Thông sực nhớ câu chuyện vừa nghe thoáng khi trưa, lên tiếng hỏi:

— Chiều nay anh Thi không đi tắm. Em nghe nói mai anh ấy đi Huế ở luôn ngoài đó hờ chị?



Y không nghe chị Lai đáp. Một lát sau y ngạc nhiên quay lại nhìn vào mặt chị Lai. Bóng tối đã xóa mờ, y không trông thấy gì trên gương mặt ấy. Nhưng chị vội kéo đầu đầu y vào ngực chị, chị gục mặt xuống và nói trên tóc y :

— Chị khổ lắm, em ơi... Chị cũng đi... Rồi nhất định chị cũng bỏ đi em ạ.

Y rưng rờ, ngẩng lên hỏi :

— Chị bỏ nhà đi sao chị ?

Chị Lai không trả lời, nhưng y nhìn lại chị và bỗng nhiên y vụt hiểu tất cả bằng một linh tính.

Y cảm thấy uất ức và đau đớn ghê gớm, thấy sụp đổ tan nát một cái gì mà y tha thiết như là lẽ sống của mình... Y không từng xây đắp một ảo vọng nào chung quanh chị Lai cả cho nên y không rõ vì sao y thất vọng khổ sở. Nhưng mà y lặng người, nước mắt mấp mé trên mí mắt.

Chị Lai lại kéo đầu y, ôm vào ngực. Nhưng y gượng lại, nhích ra mà chị không để ý. Hai chị em ngồi yên lặng.

Ngoài khơi, tận chân trời, những ngọn đèn chai của ghe câu mực dăng hàng dài, nhấp nháy, nhấp nháy. Trên

bãi cát không còn một ai nữa. Chị Lai kéo tay y đứng dậy đi về.

Đến nhà, chị Lai lặng lẽ đi vào. Không có ông thanh tra đón trước cửa như thường lệ. Cũng không thấy bóng dáng của anh Thi. Trong nhà không đèn lửa gì cả. Y cảm thấy rõ ràng một không khí nghiêm trọng và thê thảm bao trùm căn nhà số bốn.

Đêm hôm đó Thông nằm nghĩ miên man. Chị Lai mười bảy, anh Thi mười chín tuổi. tại sao từ trước đến nay y không hề đề ý đến điều đó ? Có lẽ chính vì sự ấy mà họ giữ gìn kín đáo quá chăng. Anh Thi năm nay lên đệ tứ niên, ông thanh tra không đề cho người con học nốt năm cuối cùng ở Qui-nhơn, mà lại đưa anh đi xa ngay, như vậy ông ta đã bắt gặp tang chứng chắc chắn. Đối với tang chứng ấy, ông thanh tra từng trải sành sỏi có cách đối phó, nhưng còn một đứa trẻ con như y thì chỉ biết cẩu vào mặt gối, úp đầu xuống mà khóc.

Hôm sau y bỏ giờ học Hán tự, về nhà lúc mười giờ sáng. Đi ngang nhà số bốn, y lướt qua rất nhẹ nhàng, nhưng chị Lai ở trong nhà vẫn trông thấy và lên tiếng gọi. Tiếng gọi của chị đối với y vẫn còn sức quyến rũ không cưỡng được, khiến y dù đang uất ức vẫn cứ ngoan ngoãn theo vào.

Chỉ có một mình chị Lai trong phòng. Thông nhìn qua đồ đạc trên bàn và biết anh Thi đã đi rồi. Ông thanh tra làm việc chưa về. Chị Lai nằm trên giường vẫy y : « Ở đây chơi với chị ». Nhưng khi Thông đến ngồi một bên thì chị lại không thềm nói gì với y cả, mà khóc âm ức. Chị

khóc như thế rất lâu, mà y không nhìn lại. Trước mặt y, trên bàn, một tờ giấy mỏng có nhiều mẫu chữ T, L treo nhau viết bằng bút chì. Có thể đọc là *thị Lai*, nhưng không phải thế. Có thể là một ý định thêu khăn từ mấy tháng trước bị cắt đứt, nhưng nay thì liễu lĩnh vút ra bừa bãi. Mảnh giấy chì cách bàn tay y vài tấc. Y có thể duỗi tay ra cầm lấy để vò xé, nhưng y không quyết định được một cử động.

Trước đây biết rằng chị Lai thuộc về một người chồng nhưng y thấy rõ ràng đối với ông ta chị cũng sợ như y mà thôi. Y lo ngại cho chị Lai về chỗ bị thuộc về ông ta, chứ y không ghen uất. Chị vâng lời theo ông ta, nhưng những khi muốn tìm một kẻ để vượt ve, nưng niu, âu yếm thì y yên trí rằng chị sẽ đến y chứ không phải là đến ông thanh tra. Có một lần y bắt gặp chị trong một cử chỉ sỗ sàng thì chị lấy đó làm hồ thẹn.

Nhưng lần này thì tất cả tâm hồn chị hoàn toàn thuộc về một người khác. Chị không thềm biết đến có y bên cạnh. Y không còn là nghĩa lý gì nữa, y không là gì nữa cả. Chị khóc rung rức trước mặt y. Y thấy cay đắng khổ sở. Rõ ràng y không được đếm xỉa đến, y không là gì nữa cả ?

Chị Lai đưa một bàn tay đặt lên lưng y, y vung vẫy tránh ra, và bàn tay y nhích tới, chạm vào mảnh giấy. Tự nhiên y chụp lấy vắn về trong tay, lặng lẽ xé từ từ tờ giấy. Lúc chị Lai hỏi y : « Đưa chị coi. Em xé cái gì đó ? » thì y xé mạnh tờ giấy toạc làm hai, và bật ra tiếng khóc. Chị Lai ngạc nhiên, nắm lấy tay y, định kéo lại hỏi han. Y

giật mạnh tay ra, vừa khóc vừa chạy ra khỏi phòng.

Y không biết về sau bao lâu thì chị Lai hiểu ra thái độ kỳ quặc của y. Nhưng những ngày sau đó chị và y không thấy mặt nhau nữa. Rồi gia đình số bốn còn gặp nhiều khó khăn, cho đến ly tán. Quả rằng trong cách xem tướng ngựa cũng như xem tướng người lẫn nào ông thanh tra cũng phạm một sơ hở nhỏ, khiến cho ông không hưởng được hạnh phúc lâu dài.

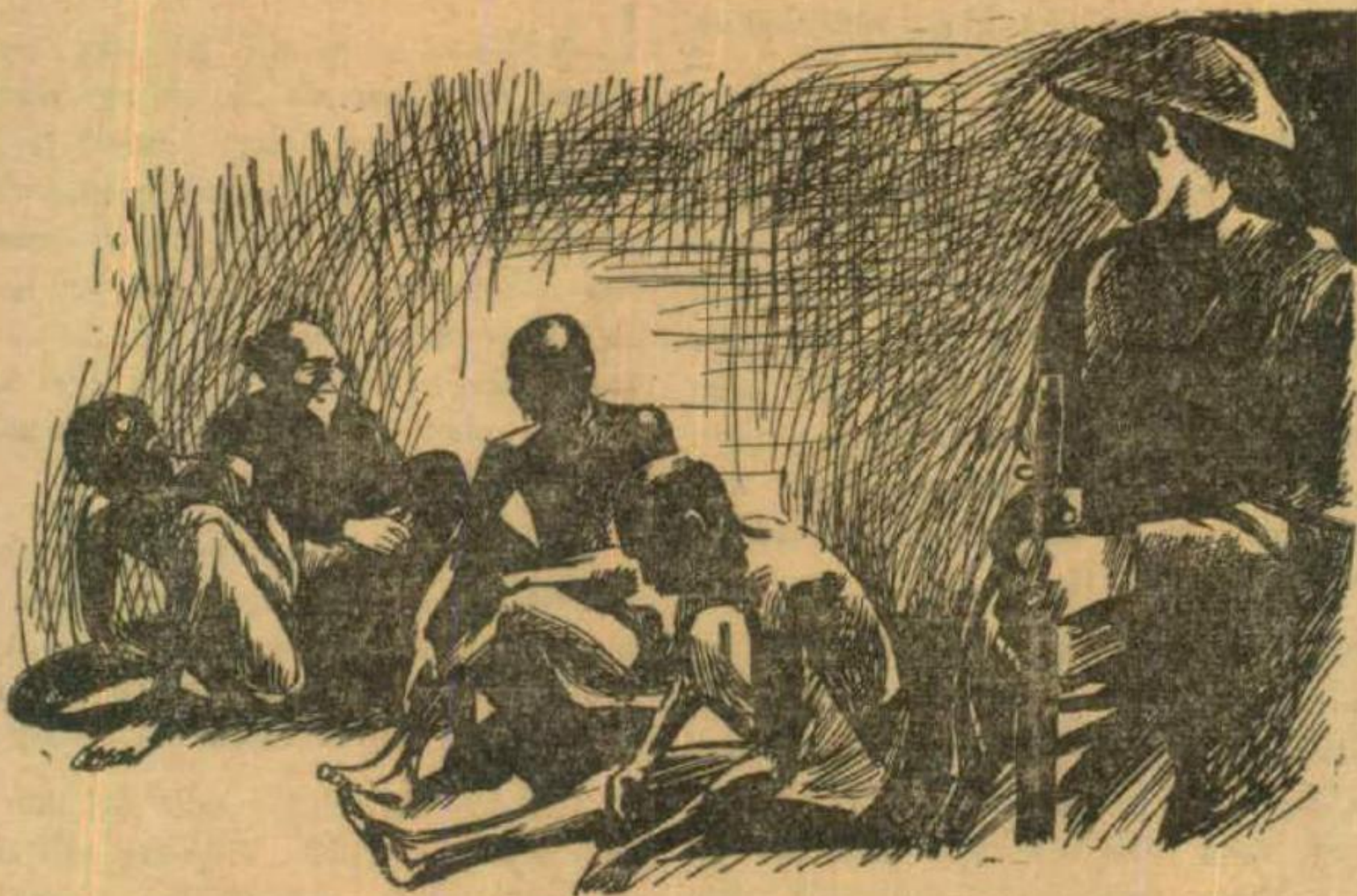
Ngày đó nay đã xa rồi. Cũng không còn mấy nữa thì y được ba mươi tuổi. Mỗi lần y bắt đầu quen biết một người đàn bà là y thoáng nghĩ đến chị Lai và sự vụng dại của một thời thơ ấu mà y không dám gọi là mối tình đầu. Y đã tự giải thích với y bằng cái trường hợp mẫu tính sớm phát triển ở những người con gái, chị Lai âu yếm y cũng là để thỏa mãn một nhu cầu tình cảm như những đứa bé gái sớm muốn vuốt ve nựng nịu con búp bê. Còn về phía y, y đổ lỗi cho sự kích động xấu xa của cảnh tượng buổi trưa hè hôm ấy.

Tuy thế mà thỉnh thoảng y cũng tự hỏi : buổi trưa ấy khi ông thanh tra hỏi có ai ngoài cửa sổ thì chị Lai đã trả lời thế nào, chị có dấu cho y không, sự thẹn thùng của chị và của y, chị có tiết lộ cho ai biết không, và y tự hỏi sau khi chạy ra khỏi phòng thì chị nghĩ thế nào về y ? Làm như nếu có thể trả lời được những câu hỏi đó thì có thể hiểu khác được thứ tình cảm mà chị Lai đối với y !

LÀM sao y có thể nói với ông già Phùng-văn-Nước tất cả những điều dài dòng đó ? Cũng như ngược lại nếu chị Lai hỏi y tại làm sao quen biết với y không phải là năm người con trai hay vài người con gái, mà y lại cặp kè với bốn ông cụ già, và lại tỏ ra khăng khít như là sống chết không thể rời nhau như vậy, y sẽ biết nói sao để chị hiểu ?

Mà thực ra, chính y, y cũng không nhớ hết những trường hợp quen biết từng người như thế nào, y không nhớ rõ bằng cách nào mà các cụ già ấy với y bỗng thành ra « những người thiện chí chúng ta ».

Tìm đến chi tiết, y nghĩ tới một ngày mùa thu năm 1953. Y không nhớ cả đến cái ngày phiên tòa đã đem ra xử án y nữa. Tình trạng giam cầm suốt một năm trời, bị hoàn toàn cô lập, cắt đứt mọi liên lạc với sinh hoạt bên ngoài làm cho y mê mẩn quên ngày quên tháng. Rồi đêm vừa qua — suốt một đêm trường — cả bọn y gồm mười một người trai trẻ bị còng tay giải đến một ngôi gò rộng giữa tiếng la ó gào thét của đám người mênh mông và nghe tòa án nhân dân kết tội giữa trời. Khi bãi phiên tòa thì phía đông vừa sáng lên một màu xanh bạc như thiếc lạnh. Mái tóc của mỗi người trong bọn y ướt đầm sương. Đầu y nặng trĩu, tay chân y mỏi như. Y muốn ngồi xếp xuống cỏ một lát, nhưng người bạn cùng còng chung với y lại đứng nghèn cỏ dáo dác nhìn tứ phía, mong tìm thấy trong đám đông ồn ào đang rã ra ấy một vài khuôn mặt bà con thân thuộc. Nhưng vô ích ; những người thân thuộc đều bị ngăn chặn từ xa rồi.



Khi đám đông đã tản bót, đoàn lính áp giải ra lệnh khởi hành. Cả bọn mười một người, cực kỳ mệt mỏi từ tinh thần đến thể xác, uể oải cúi đầu bước đi, không ai buồn nói với ai. Đường hãy còn lờ mờ tối. Hai người đi đầu là hai cái án tử hình. Đi như thế cho đến bây giờ sáng thì đến chân đèo Ô-phi. Ánh sáng quang đàng làm cho bọn y thấy tươi tỉnh tinh thần, và đề ý đến cảnh vật đẹp đẽ. Qua khỏi một khúc đường quanh, cảnh núi rừng bất ngát hiện ra tự nhiên khiến y bồi hồi xúc động. Khói núi ùn lên trong sương mai. Hai bên con đường đá long lở là um tùm cây cối : cây giầy, cây gạo, cây chồi mồi, cây mừng mực, cây măng lẩn, cây cò ke, cây cơm nguội, cây muồng tàu và những cây ké hoa rơi trắng lác đặc trên rẫy tranh, với một vài bông

hoa leo đỏ một màu hoe hoét mà buồn rầu. Một con quạ đậu trên cái rổ rế ở miệng giếng của một nhà bên đường vùng cất cánh bay sà sà vào núi.

Y bùi ngùi nhớ xóm làng. Xóm làng y cũng ở bên chân núi. Vẫn những cái giếng sâu hàng đôi ba mươi sải dây, vẫn đường đá quanh co long lở và cây lá um tùm khiến con người thấy bị uy hiếp bơ vơ, vẫn những con quạ đen trong sương mai... Y đã bỏ xóm làng ra đi từ ngày mười ba tuổi. Đề mà ngồi xem ánh đèn chài của ghe câu nhấp nháy ngoài khơi bãi bể Qui-Nhơn một đêm xa, đau khổ vì cô vợ trẻ của một ông thanh tra già, đề mà hôm nay tay bị xích vào chiếc còng số tám với một người bạn, cúi đầu lẩn tẩn năm tù, kéo nhau đi về một xóm núi heo hút.

Không, núi rừng còn với y nhiều kỷ niệm nữa. Y còn nhớ những năm tháng ăn dầm nằm dề hoạt động trên các làng thượng du có những tên tuổi dị kỳ : Nước Đang, Con Đốc, Nước Ten, Làng Leo, Làng Dều, Gỏi Pheo, Bà Lương, Nước Rạch, Bồ Huôi, Con Cấn v.v... Những đêm nằm bên bếp lửa, ngửa mặt nhìn lên những chùm bắp khô, xương chim, xương gà, những tổ ong, xương hàm bò, răng nai v.v..., treo trên giàn, khói bếp và bụi bặm sơn đen lem luốc. Những ngày ngồi làm việc mà tay luôn luôn quơ đuổi những đàn bồ hong suốt ngày cứ bao vây và xán vào mắt. Y đã đóng khổ, ăn dơ, sống lùi lại vài mươi thế kỷ. Nhưng mà tâm hồn y cũng nhờ đó mà trở nên đơn giản, xa hết những cảm nghĩ suy tư rắc rối. Y xa hết mọi lý luận phức tạp, chỉ biết cần cù làm việc cho kháng chiến, chỉ giản dị có thế. Trong thời kỳ ấy y tìm thấy yên tĩnh trong tâm hồn và sống rất bằng lòng.

Nhưng sự không hay xảy đến cho y bắt đầu từ khi y xuống đồng bằng. Cùng với nhiều bạn bè, y phê bình chính sách này, chiến thuật nọ, y muốn có ý kiến riêng đối với chủ trương của những người lãnh đạo. Những người lãnh đạo không muốn điều khiển những đầu óc thiếu kỷ luật. Thoạt tiên, y buồn rầu về những đòi hỏi phiến phức của trí óc mình, những đòi hỏi mà y biết chắc chắn sẽ càng ngày càng làm cho y xa lớp người lãnh đạo, xa công tác kháng chiến. Nhưng y không tự kiềm chế được. Hoạt động trí óc mỗi người cũng thiết tha đòi được tự do như dân tộc đòi được độc lập.

Quả nhiên cuối cùng y ở vào thế đối lập với những kẻ cầm quyền. Những bất bình ban đầu nhỏ cứ mỗi ngày mỗi to lớn lên. Y cùng với một số bạn bè họp lại trong một tổ chức, sắp sửa hành động chống đối, thì ý định bị phát giác. Ba người trong bọn chạy thoát được về thành. Mười chín người bị bắt. Rồi mười một người bị kêu tù.

✱

Cả đoàn tù được lệnh dừng lại nghỉ. Đồng bào trong xóm núi kéo ra xem. Những người đồng bào nghèo khổ từ trẻ tới già này khiến y nhớ đến bà con xóm giềng của y, y trông thấy họ rất quen thuộc. Nhưng họ lại thấy bọn y rất xa cách, họ rụt rè sợ hãi đứng từ xa nhìn, tò mò e ngại. Y biết những kẻ cầm quyền đã xuyên tạc để biến hình biến dạng tất cả bọn y, khiến họ không trông thấy sự thật, nhìn bọn y như nhìn yêu quái. Tất cả bọn y đều biết thế, nhưng ngồi lặng lẽ nhìn họ, không ai nghĩ đến một ý muốn phản trần, cũng không có cả một cử chỉ gây thân thiện. Ai nấy đều mệt mỏi, ê chề, buông xuôi, phó mặc.

Y chỉ vẫy tay gọi một đứa bé xin một gáo nước lạnh để giải khát. Các người bạn của y bắt chước làm theo. Mấy đứa trẻ được dịp đến gần bọn y. Rồi những người lớn cũng đánh bạo đến theo.

Y rút ra một điều thuốc, lấy trong túi ra một cái bật lửa cũ kỹ để đốt thuốc. Thành, người bạn bị án tử hình, ngồi cách y năm thước, yên lặng nhìn theo cử chỉ của y. Bỗng anh ta ra một dấu hiệu gọi y. Y ngảnh lại. Thành giơ tay tỏ ý muốn mượn cái bật lửa. Y ném cái bật lửa vào bàn tay anh ta và tính ném luôn theo một điều thuốc. Thành lắc đầu, không nhận.

Anh ta mượn cây lông nhím ghim búi tóc của một bà cụ già đứng bên cạnh, và lúi húi khắc cái gì lên nắp bật lửa. Một lát sau, Thành ngẩng lên ngấm lại tác phẩm của mình một lần chót rồi ném trả cái bật lửa cho Thông. Anh ta nhếch miệng cười với y, thay một câu giải nghĩa.

Y nhìn xuống nắp bật lửa. Người lính công an bên cạnh y cũng nghiêng mình dòm, nghi hoặc. Một đứa trẻ con còn ở trường đứng sau lưng y, cũng nhìn qua vai y. Y quay lại, nói chậm rãi với đứa bé, mà cũng là đề cho người công an viên nghe :

— Anh ấy khắc vào đây một cái tên ký để lưu lại cho anh một kỷ niệm. Em hiểu không ? Anh ấy sắp chết. Ấn tử hình, em hiểu không ?

Y nói câu ấy với một đứa bé vô tội, dưới một bầu trời trong trẻo của ban mai, giữa khoảng cây núi lá rừng xanh tốt, biểu dương cái sinh lực lành mạnh của thiên nhiên. Y cứ sợ rằng em bé đó không hiểu những điều y nói. Nhưng nó thản nhiên trả lời :

— Tháng trước cũng có một ông địa chủ án tử hình bị giải đi qua đây.

— Ông địa chủ nào ? Sao mà bị tử hình hả em ?

— Địa chủ, tử hình chứ còn sao nữa !

Y và bọn y chưa hiểu cái lẽ đó. Một năm giam giữ trong biệt phòng không cho bọn y theo dõi những biến chuyển mới ngoài xã hội. Người công an viên nói qua cho y biết thế nào là phát động quần chúng và đấu tố. Y nghe

đến tên tuổi những ông cụ già Đỗ-mạnh Kỳ, Hoàng-gia-Lợi... là do đó. Cũng như những ông ấy biết y là vì những hành động của bọn y đã được đem đi xuyên tạc chửi rủa khắp trong dân chúng.

Biết nhau là vì cùng nghe chung trên đầu mình đang găm thét một trận cuồng phong, một cơn bão tố. Khởi sơ, chỉ biết nhau có vậy mà thôi.

Nếu y phân trần với già Phùng-văn-Nước về chuyện chị Lai ở nhà số bốn, già Nước sẽ kêu lên : « Ân tình gì mà quái lạ vậy ? » Còn nếu y kể lại chuyện « những người thiện chí chúng ta » biết nhau ở chân đèo Ô-Phi, chị Lai sẽ chê ngay là sự kết nghĩa đời nay dễ dãi, thiếu thận trọng hơn thời Tam quốc nhiều quá. Cho nên y không kể bên này, cũng không dám kể cho bên kia.

Giữa y và già Kỳ quả có xảy ra một sự việc đặc biệt đáng gọi là kỷ niệm thân thiết, nhưng lại không tiện mỗi lúc mỗi đem ra phô bày. Nguyên là một ngày tháng hai năm 1954 già Kỳ đến tìm gặp y, thương lượng bán cho y một miếng thịt bò to bằng ngón chân cái. Nếu đôi bên thỏa thuận y sẽ được nhận và sử dụng miếng thịt bò ấy vào giữa mùa hè, đúng vào ngày sinh nhật già Hồ 19 tháng 5. Ở trong tù Cộng sản, mỗi năm người ta có quyền ôm ấp hy vọng ăn được ba lần thịt bò, vào ngày 19 tháng 5, ngày 2 tháng 9 và ngày Tết nguyên đán. Mỗi phần thịt có thể lớn bằng ngón chân cái cũng có thể bé bằng ngón tay trỏ, căn cứ theo cái lẽ tương đối dôi dòi. Vậy thì già Kỳ thấy rõ trong tương lai là về mùa

hè già sẽ được một miếng thịt bò. Nhưng đau khổ cho già Kỳ là ở chỗ giữa mùa xuân già đã thiếu thuốc lá. Con cháu già Kỳ quản thủ cái cơ nghiệp địa chủ của già mà không thu đủ lợi tức để gởi vào tù cho già một ít thuốc lá để hút. Già tìm đến Thông mà yếu cầu, thương lượng. Thông vốn có từ tâm. Và lại y không ghiền thuốc, mà lại bị cái viễn ảnh được toàn quyền sử dụng một mình hai miếng thịt bò quyền rũ, cho nên y bằng lòng cho già Kỳ vay ngay một nhúm thuốc.

Mùa hè đến, sự việc trở nên rắc rối. Té ra sau khi hút hết nhúm thuốc của Thông rồi thì già Kỳ vẫn còn thèm. Mà già Hồ thì chỉ cho có mỗi một miếng thịt. Già Kỳ khốn khổ phải đi điều đình bán miếng thịt 19 tháng 5 ấy cho một kẻ thiện chí khác. Rồi vẫn cứ thèm thuốc. Già lại tiếp tục điều đình bán miếng thịt 19 tháng 5 cho một đệ tam nhân. Đến giữa ngày sinh nhật già Hồ thì bốn kẻ buôn bán nhiều thiện chí gặp nhau trong một cuộc tương tranh không có tòa án nào phân xử. Đáng lẽ sự tình phải đưa đến một cuộc ẩu đả nhưng mà Thông nhún nhường rút lui trước. Do đó, giữa già Kỳ với y có một kỷ niệm êm đẹp, mà thời gian chưa xóa nhòa.

Thông có thể đem cái kỷ niệm ấy kể lại với chị Lai để giải thích về một lý do kết nghĩa sao? Không thể được! Có lẽ chị vẫn chế là sự kết nghĩa đời nay thiếu thận trọng. Mà quả có như vậy. Có kẻ đối với y trước sau chỉ có hai lần gặp mặt thì lần thứ hai này đã thành ra thân thiết rồi, là

đã đòi nhau chia cơm xẻ áo. Là vì trong cảnh khốn cùng, trong lúc cùng nghe sấm sét găm thét ngang đầu, cùng chạy trốn một tai họa chung, ai nấy chỉ vừa thấy kẻ đồng cảnh là lòng đã rạt rào tin cậy thương yêu.

Cũng vì một lý do tương tự mà già Lợi hỏi cái trụ sở chiêu đãi, mà cả năm người thiện chí ngày ngày cứ kéo nhau đi tìm một sự tiếp đón. Trong lúc họ uất ức với Cộng sản, xung đột với Cộng sản, họ nghĩ tới bên quốc gia như nghĩ đến một mặt trận đồng chí. Chưa biết quốc gia là những ai, họ đã muốn quàng vai bá cổ quốc gia. Nhưng một chính phủ uy nghi đâu có chịu thế. Cần phải nghiêm khắc thận trọng với mọi người như nhau! Trước đây ba ngày, một buổi sáng ở ty công an già Kỳ đã lập bập run rẩy cầm bút kê khai một bản lý lịch dài để nhà nước xét. Và bên cạnh già Kỳ, một tên Cộng sản đòi vùng cũng hì hục làm công việc ấy. Rồi già Kỳ kéo bọn đi lang thang tìm nơi tá túc. Thì già cũng mấy lần gặp tên kia.

Thế cho nên vừa gặp chị Lai quen với Thông, già đã vội vã phân trần rằng phái đoàn của già mới chính thức là thiện chí không đáng để cho tên kia giành chỗ trọ. Già cho rằng ít ra lần này mình cũng được lên tiếng trước đề tự bênh vực, khỏi bị đối xử ngang hàng với tên kia. Điều đó đáng để về sau già ngẫm nghĩ mà lấy làm kiêu hãnh.

(Còn tiếp)

VÕ-PHIẾN



Dòng Bến - hải

Ta đi sâu vào hoàng hôn, bờ ngõ
Nhìn dòng sông ngăn nửa chiếc cầu con...
Cả lòng trai dằng nhẹ nổi u buồn
Niềm tâm sự theo cò bay quẩn quại.
Nhỏ bé quá ôi một dòng Bến.hải !
Một dòng Hồn in trời Hận mang mang,
Một dòng đau : nguồn lệ đượm màu tang,
Mây u uất cũng dừng chân,

... Chết Lặng !..

Chảy về đâu dòng nước buồn sầu lắng ?
Trôi về đâu, vài chiếc lá vô tình ?
Cho ta theo về dãy núi xa xanh !
Nơi lịch sử chưa đượm màu phân cách.
Ta đứng đó...

Buồn nhìn xuôi dòng nước
Chiếc ghe con có độc ngủ thiêu thiêu...
Trong hiu quạnh âm thầm theo nhịp bước,
Lớp ván cầu cu cũ khẽ kêu kêu.

Nước vỗ vỗ vào bờ vang tiếng nhẹ,
Mấy chân cầu hờ hững, nước se lơ.
Nước trôi nhẹ mà trời lên cũng nhẹ,
Mây sơ sơ mà nhà cũng lơ thơ.

.
Một con sông, xuống con bời mấy phút ?
Một chiếc cầu, cậu bé bước bao hơi ?
Một dòng xanh cùng in bóng mây trời,
Một dân tộc, một giang sơn chia rẽ...
Dòng Bến-hải !...

Chưa tan hờn nó lệ
Lại mang mang sầu hận cảnh phân ly.
Tiếng ai vang, máu ai chảy, lệ ai nhòa ?
Sông cắt đứt dải tình son dân tộc !
Chiều xuống từ đâu ?

Chim buồn hấp tấp
Qua dòng sông lịch sử, gọi chưa cay.



Lòng không men rượu mà say,
Chiều dằng ngày ngất bóng ngày chìm sâu.
Ôi dòng Bến-hải về đâu ?
Nghìn thu khôn rửa hận sầu ly hương !...

NGUYỄN-HỮU-NGƯ
và
XUÂN-HIẾN



Những truyện Liêu-Trai chưa từng dịch

CÔ BẢY

HỌ

TIÊU

KIỀU-YIÊU dịch

Từ Kế-Trường, người huyện Lâm-Chi (thuộc tỉnh Sơn-Đông), cư trú tại một tiệm xay bột phía đông châu thành, học nho chưa thành đạt, bèn bỏ đi làm thư lại.

Một hôm đi thăm bà con bên vợ. Đường phải qua nhà mồ họ Vu. Chiều tối trở về, mà đã đánh chén ngà ngà say. Đi ngang qua đó, sức thấy lầu cao gác rộng san sát. Một ông lão ngồi ngay cửa ngõ. Bị rượu đốt nóng cổ họng, Từ khát quá, bắt thêm uống, chấp tay xá ông cụ xin nước. Ông cụ đứng dậy mời khách vào.

Bước lên nhà lớn, đưa nước cho. Khách uống xong, ông lão nói: « Trời

nhá nhem khó thấy đường đi. Thôi tạm lưu ngụ tại đây, sáng mai hãy về. Ý cậu thế nào? » Từ thấy mặt mũi lắm, vui lòng tuân theo lời mời.

Ông cụ sai người nhà dọn rượu đãi khách. Nửa chừng bảo Từ rằng: « Lão phu có một lời, mong cậu chớ cho là đường đột. Cậu tuy hàn vi mà nhiều triển vọng, việc hôn nhân tương rất có thể khỏi cần chuyên nhất. Nay có ấu nữ chưa gả đi, bụng muốn cho về ở bậc dưới nhà cậu, xin cậu đủ lòng thương mà đưa tay vớt lấy. »

Từ rụt rè chẳng biết phải thưa sao bây giờ, thì ông cụ liền sai người đi nhân với thân tộc, lại truyền bảo nữ

lang sửa soạn. Chỉ một lát, bốn năm đoàn người mũ cao đai rộng, lữ lượt cùng đến. Nữ lang trang sức lộng lẫy cũng bước ra, tư dung tuyệt tục. Bấy giờ sắp đặt ngồi vào tiệc.

Từ lão đảo cả thần hồn, chỉ muốn mau mau đi ngủ. Rượu được vài tuần, nằng nặc từ chối, không nhận lời kéo nài của ai cả. Bèn khiến a hoàn dẫn vợ chồng nhập phòng...

Từ hỏi họ gì, ả đáp họ Tiêu, thứ bảy. Lại phẩn hỏi trong tộc có những ai là người làm nên công nghiệp lớn. ả nói : « Thân thiếp tuy hèn mọn, nhưng kết duyên với hàng thư lại, tưởng không đến nỗi xấu hổ cùng họ mạc, hà tất phải khờ công dò xét tới ngọn nguồn làm chi ? » Từ mê đắm nhan sắc, âu yếm rất mực, chẳng còn hồ nghi gì nữa.

ả nói : « Chỗ này không thể làm nơi ăn ở lâu dài được. Thiếp xét thấy chị nhà thật hiền hậu, chắc sẽ không gàn trở đầu : chàng về ngăn ra một gian sẵn đó, thiếp sẽ về theo một mình. » Từ hứa chịu.

Rồi quàng tay lên mình, chẳng mấy chốc giấc nồng thêm thiếp. Đến lúc chợt tỉnh, thấy vòng tay ôm giờ đã trống không. Sắc trời sáng rõ, từng xanh rây nắng dịu. Dưới mình lót toàn rom rạ, dày độ một thước (= 0,32m), chàng hoảng cả hồn vía, đứng dậy ra về.

Đến nhà, kể hết sự tình cho vợ biết. Vợ đùa bốn, ngăn dọn phòng riêng, trong kê một cái giường. Xong khép cửa lại, bước ra mà rằng : « Cô dâu mới đêm nay về đây ở ». Rồi cùng nhau cười xòa.

Trời vừa tối, người vợ tình nghịch lôi Từ đi mở cửa, nói : « Người mới lẽ đâu chưa có trong buồng sao ? » Bước vào, thì mỹ nhân y phục hoa lệ đâu đã ngồi ngay trên giường, thấy hai người vào, đứng lên đón rước. Vợ chồng rất ngạc nhiên, riêng ả lại che miệng cười khúc khích. Cùng nhau chào hỏi ra dáng kính cần. Vợ cả liền bày tiệc hợp hoan cho hai người.

ả ngày ngày dậy sớm làm công kia việc nọ, không đời cắt khiến. Một hôm thưa với Từ : « Chị em thiếp đều muốn lại đây chơi một chuyến ». Từ áy náy lo tình cảnh quá vội vàng, chẳng có gì tiếp khách cho xứng đáng. ả nói : « Ai cũng biết nhà chúng ta không giàu, nên định đưa đồ ăn, bát đĩa đến trước, chỉ phiền chị nhà đây nấu nướng mà thôi ».

Từ nói cho vợ hay, vợ bằng lòng. Sau bữa cơm sớm quả có người mang rượu thịt lại, đề gióng gánh đó rồi đi. Vợ cả cáng đáng chức vụ đầu bếp. Chiều hôm, sáu bảy nữ lang đến nhà, lớn tuổi nhất chỉ bốn mươi trở xuống, cùng ngồi vây tròn nâng chén, tiếng cười nói inh ỏi cả phòng. Vợ Từ núp ngoài cửa sỏ dòm lên, chỉ thấy chồng với cô Bảy ngồi đối diện nhau, còn bao nhiêu khách đều tuyệt không thấy hình bóng. Khi chòm Bắc đẩu (= sao Bánh lái) gác mái nhà, mới rộn rã ra đi.

ả đưa khách chưa về, vợ cả vào xem trên bàn, thấy mâm chén đều sạch nhẵn, cười rằng : « Chị em chắc ai nấy đều đói : ăn sao mà giống chó liếm thớt quá ! »

Một lát sau ả quay về, có lời ân cần cảm tạ, giũt lấy bát đĩa tự đem rửa, giục

chị cả đi ngủ cho khỏe. Vợ cả nói : « Ai đời khách đến nhà mình lại để khách tự mua sắm thức ăn vật uống, nghĩ có buồn cười không ? Đề hôm nào cùng mời một bữa mà do mình lo liệu ».

Mấy ngày sau Từ nghe theo lời vợ, cậy ả lại đi mời khách. Khách đến, tha hồ ăn uống, nhưng chưa lại bốn đĩa, chẳng hề thọc muỗng đĩa vào. Từ hỏi ý, cười rộ mà rằng : « Phu nhân lần trước có trách lú chúng tôi là ác, nên chưa bấy nhiêu định đãi người khổ công nấu nướng ».

Trong bọn có một ả, tuổi chừng mười tám mười chín, dép rơm quần áo trắng, được giới thiệu là quả phụ mới chết chồng, ả kêu bằng chị Sáu, phong tư kiêu mị, nói tươi cười giòn, cùng Từ có chiều hợp ý, bèn đem lời bốn cột mà ghẹo Từ. Bày đặt từu lịnh đề phạt nhau chơi, cử Từ làm trọng tài, đồng ý cấm cười. Cô Sáu phạm lỗi nhiều lần, phải uống luôn mấy li, mặt đỏ như hoa vong, say chuển choáng. Người hoa mềm mại, yếu lả đến khó ngồi vững được. Chẳng bao lâu rút lui đầu mất.

Từ đốt nến rọi tìm, thấy nằm ngủ say vùi trong buồng tối ; xích lại kề sát môi mà vẫn không hay ; lén tay dưới lụa, nhăm chỗ gồ lên kín đáo. Lòng đương xao xuyến, bỗng trong tiệc nhao nháo réo « Từ lang », vội vàng sửa lại áo quần giùm cho. Thấy trong tay áo có khăn lạnh, bèn lấy trộm đi ra.

Đến lúc đêm tàn, khách rời tiệc, mà cô Sáu vẫn chưa tỉnh. Cô Bảy bước vào lay gọi, bấy giờ mới ngáp dài một cái đứng dậy, buộc cùn lại, sửa mái tóc rồi theo bọn đi về.

Từ ngờ ngàn nhớ nhung, lòng chẳng bao giờ khuây khỏa. Định đến chỗ vắng người, mở chiếc khăn dấu tích ra nhìn chơi giải muộn, nhưng khăn đã tan biến tự hồi nào. Nghi rằng khi đưa khách đánh rơi dọc đường, bèn cầm đèn soi kĩ thêm nhà, nhưng tìm sao cho được.

Trong dạ bấn khoăn bứt rứt. ả vặn hỏi, Từ đáp bằng quơ một câu cho xong chuyện. ả cười rằng : « Đừng nói dối. Người có cái khăn đã lấy nó đi rồi, kiếm nữa chỉ nhọc lòng vô ích. » Từ kinh ngạc, ngỡ tình thật cho ả nghe, tỏ cả nỗi niềm tưởng nhớ. ả nói : « Chị đó với chàng vốn không tấc phận : duyên chỉ có ngần ấy thôi. »

Hỏi tại sao, thì đáp : « Chị ấy tiền thân là ả đào, chàng kiếp trước là sĩ nhân, trông thấy nhau mà sanh lòng cảm mến. Nhưng bị bác mẹ cùng ngăn trở. Chí không được toại, chàng lâm bệnh trầm trọng, tưởng nguy đến tính mạng, cho người nhắn tin với chị ấy rằng chàng không còn đứng dậy được nữa, chỉ mong chị ấy lại, miễn là được rờ da thịt người yêu một cái, dầu chết cũng không gì tiếc hận. Chị ấy chiều theo lời khẩn cầu, rủi mắc việc thành linh ràng buộc, đi ngay không kịp. Chiều hôm mới đến, thì bệnh nhân là chàng đã chết tự bao giờ. Kiếp trước chị ấy với chàng có duyên được rờ một cái là như vậy đó. Chớ xa hơn nữa, xin đừng vọng tưởng. »

Sau đó lại bày tiệc mời các chị em cô ả. Duy cô Sáu không đến. Từ nghi ả ghen, oán giận lắm. ả một hôm bảo Từ rằng : « Chàng vì có chị Sáu mà đổ tội cho thiệp một cách oan ức. Thật ra chị ấy chẳng chịu đến, trách thiệp nỗi gì ? Sự

ân ái tám năm trời, nay sắp đến ngày vĩnh biệt. Xin tự nguyện vì chàng rán sức mưu tính một phen để côi tấm lòng ngờ vực dạo trước. Chị ấy mặc dầu chẳng lại, nhưng ai cấm thiệp tìm đến. Vào tận cửa mà kiếm, âu nhân định thắng thiên cũng không biết chừng ».

Từ mừng rỡ thuận theo lời. Ấy nắm tay chàng, phôi phới như lướt trên không trung. Khoảnh khắc tới nhà. Phòng rộng lót gạch lá nem, cửa nẻo quanh co, so với lúc gặp đầu tiên chẳng khác nhau một mảy. Nhạc phụ mẫu cùng bước ra nói : « Có con gái hư hèn nhờ ơn đùm bọc đã lâu. Nhưng thân già đến buổi tàn niên càng thêm suy yếu, thành ra đi thăm chẳng được, con không vì thế mà phiền trách chớ ? »

Liền thiết tiệc mừng. Ấy bèn hỏi các chị em dâu. Mẹ nói : « Đứa nào cũng đã yên gia thất. Một mình con Sáu còn tại đây thôi ». Liền gọi tì nữ đi mời cô Sáu. Lâu chẳng thấy mặt, ả bước vào kéo ra cho kì được. Ra đến nơi, cúi đầu làm thinh, không giống vẻ cười đùa độ nọ.

Một lát, ông cụ bà cụ cáo từ. Ấy nói với chị Sáu : « Chị chỉ được cái tánh quá tự trọng, khiến người ta oán trách em ». Chị Sáu cười chum chim mà rằng : « Con người khinh bạc, làm sao dám gần gũi được ? » Ấy cầm hai cốc rượu còn

đư của đôi bên, ép phải đối nhau mà uống, bảo rằng : « Môi đã đụng nhau rồi đó, còn làm hạnh gì nữa ? »

Một lát sau cô Bảy cũng bỏ đi. Trong phòng chỉ còn hai người. Từ vụt đứng lên toan việc bức nhau, cô Sáu dịu dàng chống cự. Từ nắm vạt áo sụp quì xuống đất, van nài. Sắc mặt dần dần trở nên ôn hòa, cùng dắt nhau vào buồng. Vừa mở nút giây lưng lụa, bỗng đâu nghe tiếng la ó vang dậy, ánh lửa lờn ngang khe cửa. Cô Sáu hồn phi phách tán xô Từ ra đứng dậy mà rằng : « Tai vạ đến thành linh, làm sao bây giờ ? » Từ lính quýnh chưa biết tính sao, nữ lang đã vội lén trốn đi, không còn dấu vết gì cả.

Từ ngậm ngùi ngồi đó giây phút. Nhà cửa biến đâu mất. Thợ săn hơn mười người, vỗ chim ó, nghiêm giáo mác ồ ạt kéo tới, ngơ ngác hỏi : « Ai ban đêm lẫn lút ở đây ? » Từ nói là lạc đường, rồi khai tên họ. Một người hỏi : « Vừa đuổi theo một con chồn, có thấy không ? » Đáp rằng : « Không thấy ».

Nhìn kĩ chỗ ấy, té ra nhà mồ họ Vu, vội vàng đứng dậy đi về, lòng còn mong cô Bảy lại tìm đến. Ngày trông diêm thước, đêm bói hoa đèn, mà ai đó vẫn tấm hơi vắng bật.

BỔ TÙNG-LINH
KIỀU-YIÊU dịch

✱ Muốn chỉ huy xứng đáng, cần phải biết hoạt động tích cực, hy sinh thường xuyên, thực hành chu đáo, chịu gánh trách nhiệm, thương yêu mọi người và bảo toàn nhân phẩm. (De la Porte du Theil)

Nguyên văn chữ Hán của Lý-Bạch

HÀNH LỘ NAN (Kì nhất)

*Kim tôn thanh tửu, đầu thập thiên ;
Ngọc bản trân tu trị vạn tiền.
Đình bôi đầu trợ bất năng thực,
Bạt kiếm từ cổ, lâm mang nhiên !*



*Dục độ Hoàng-hà, băng tặc xuyên,
Tương đẳng Thái hàng, tuyết ám thiên,
Nhân lai thủy điều tọa khê thượng,
Hốt phục thừa chu mộng nhật biên.*



*Hành lộ nan ! Hành lộ nan !
Đa kì lộ, kim an tại ?
Trường phong phá lãng hội hữu thì,
Trực quả vân phạm tể thương hải.*



ĐƯỜNG ĐI KHÓ (Bài thứ 1)

*Chén vàng rượu trong, cốc mười nghìn,
Mâm ngọc nhằm qui, giá vạn tiền.
Ngừng chén buông đũa không thể nuốt,
Tuốt kiếm ngó quanh, lòng không yên !*



*Muốn qua Hoàng-hà, giá lấp sông ;
Sắp lên Thái-hàng, tuyết mù không.
Rồi, ngồi buông câu trên khe nước,
Chợt cười thuyền, mơ bên vắng hồng.*



*Đường đi khó ! Đường đi khó !
Đường nhiều ngã, nay thấy đâu ?
Cưỡi gió phá sóng hăn có lúc,
Quyết giông buồm mây vượt biển sâu...*

Phần chú giải : Trong cái cốc bằng vàng, rót đầy thứ rượu rất trong, mỗi một cốc phải đánh giá tới 10 ngàn ; trên cái mâm bằng ngọc bày toàn những món ăn quý báu cũng phải trị giá có kể vạn vàng. Ngờ đâu trong bữa tiệc hào hứng xa hoa như thế, mà riêng ta đây đến phải ngừng chén bỏ đũa, không sao ăn nuốt cho trôi. Trong tâm khảm của ta lúc đó, rất đổi phân vân, đến nỗi phải đứng lên tuốt kiếm định múa, nhưng nhìn khắp các ngã, rồi lại bối rối hoang mang, không sao mà yên dạ được.

Ta những muốn vượt qua con sông Hoàng-hà, nhưng hiềm vì băng giá kết lại, làm cho tắc cả lối đi ; ta những toan trèo lên trên núi Thái-hàng (tên một ngọn núi chạy dài suốt theo Hà-nam, Hà-bắc và Sơn-tây bên Trung-quốc) nhưng lại thấy tuyết che ám cả không gian, chẳng còn cách nào mà đi lên được.

Trong khi nhàn tản vô liêu, ta ngồi ở trên khe nước, uể oải buông cái cần câu, cũng muốn cho khuây tâm sự ; nhưng ngờ đâu lòng lại hoảng hốt mơ màng, chẳng khác đương ngồi trên chiếc thuyền kia, lênh đênh bên khoảng mặt trời.

Đường đi sao mà khó thế ? Đường đi sao khó thế ?

Con đường chia ra nhiều ngã từ trước, tới nay nào thấy ở đâu ?

Nhưng dù sao chẳng nữa, theo ý chí ta đây, thế nào rồi cũng có phen (theo như Tấn-Tôn-Ý đáp lời hỏi của thúc phụ) cưỡi cơn gió dài, phá vạn dặm sóng, mà ta giông buồm vượt hăn biển khơi...

ĐÓN COI :

BỘ ĐẠI-CƯƠNG VĂN-HỌC-SỬ ANH-QUỐC của PHẠM-CÔNG-THIỆN

Trọn bộ gồm 7 cuốn (trên 1.000 trang), một bộ sách biên khảo đầu tiên về văn-học-sử Anh-Quốc tại Việt-Nam.

Trích lời tựa giới thiệu của học-giả NGUYỄN-HIẾN-LÊ : « Gần như không thể tin được ! Vâng, lần đó tác-giả lại thăm tôi, tôi tưởng là một học sinh trung học. Rồi thì tôi nhận được cuốn Anh-ngữ Tinh-âm từ-diễn của ông tự xuất bản. Và hôm nay nhận được cuốn **Đại-cương Văn-học-sử Anh-quốc** và biết thêm rằng ông mới mười sáu tuổi ! Ông viết từ hồi nào nhỉ, mà trong bảng kê sách của ông đã có mười lăm tác phẩm, toàn thuộc loại khảo cứu ? Chỉ đọc bộ **Đại-cương Văn-học-sử Anh-quốc** này cũng thấy tinh thần ông già dặn hơn tuổi nhiều lắm... Chỉ nội cái công phu khảo-cứu, sưu-tầm, phân tích, ghi chép rành rẽ của ông, cũng đủ cho tác-phẩm có một địa vị trong thư viện của chúng ta rồi, v... v... » (Tựa giới thiệu bộ « **Đại-cương Văn-học-sử Anh-quốc** » đề ngày 22-11-1957).

Cùng một tác-giả sẽ xuất bản : **TỔNG-QUAN LỊCH-SỬ VĂN-HỌC THẾ-GIỚI** (2 cuốn) ; **ĐẠI-CƯƠNG VĂN-HỌC-SỬ ĐÔNG-PHƯƠNG** (3 cuốn) ; **VĨNH-HÂN VĂN-HỌC THẾ-GIỚI** ; **VĂN-HỌC TRUNG-QUỐC YẾU-LƯỢC** ; **VĂN-HỌC MỸ-QUỐC CƯƠNG-YẾU**, vãn vãn.

Muốn bán bản-quyền cho một nhà xuất-bản đứng-đầu những tác-phẩm tự học ngoại-ngữ cùng một tác-giả :

- **ENGLISH IN A HURRY**
- **TÔI NÓI TIẾNG ĐỨC** (Ich spreche deutsch)
- **TÔI NÓI TIẾNG Ý** (Parlo italiano)
- **TÔI NÓI TIẾNG TÂY-BAN-NHA** (Hablo espanol)

Thư từ giao dịch xin đề : **PHẠM-CÔNG-THIỆN**,
43, Thủ-khoa-Huân — **MỸ-THO**

Đính chính

BÁCH-KHOA, số 37 :

- ★ Bài « **Tiếng địa phương** » của *Bình-Nguyên-Lộc* và *Nguyễn-Ngu-Í*. trang 37 dòng 17 :
« *Nghên ngao nay chích mai dầm* » (gầm chớ chẳng phải dầm).
- ★ Bài « **Huỳnh-Thúc-Kháng**, một ông già đáng thương » của *Nguyễn-Hữu-Ngư* :
— trang 62, cột 1, dòng 10, 11, 12 ;
« Hơn nữa, chúng ta cùng nên chia cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1945 ra làm hai đoạn ».
— trang 62, cột 2, dưới dòng chót, xin thêm :
« *Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa.* »
— trang 63, cột 1, hai dòng chót :
« *Mấy trăm thiên từng thoại thi lữ, sóng biển mây trời bưng cảm mới.* »
- ★ Bài « **Văn-Trình-Công** » của *Dương-Tuyền dã phu Phan-Vọng-Húc* :
1o) *Văn-Trình-Công* chứ không phải là *Văn-Trình-Công* (đầu bài).
2o) *Tiêu-Ẩn* chứ không phải là *Triều-Ẩn* (trang 30, cột bên mặt, giòng 7)
3o) Như vậy (trang 30, cột bên phải giòng 15)
4o) Chữ 老 chứ không phải 志 (trang 31 cột bên phải giòng 7)
5o) Chữ *ngưỡng* chứ không phải chữ *ngũng*. (trang 32 cột trái, giòng 5)
5o) Chữ *Thời* chứ không phải *lời*. (trang 32, cột bên phải giòng 21).
Bài thơ dịch « *Nguyệt hạ độc chước* » trang 86 dòng 10 « *Ngã cá* » xin đọc là « *Ngã ca* ».

BÁCH-KHOA số 38, trang 57, « **Lời cảm tạ** » :

— « *Từ ngày 5 tháng 7* », xin sửa lại là : « *Từ ngày 10 tháng 7* ».

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN

Cậu Bân-A, con trai trưởng ông Tăng-Vân-Phác, một vị quan cao triều Thanh-Mạt, được đính hôn với nàng Man-Ni vốn mồ côi cha. Bân-A bị bệnh nặng, gia quyến họ Tăng mới mời mẹ con Man-Ni đến Bắc-Kinh để làm lễ cưới « Xung-hỉ », hy vọng rằng có lẽ nhờ đó mà bệnh Bân-A thuyên giảm.



Một lát sau, Man-Ni đã tự trấn tĩnh và dần dần khôi phục lại được sự bình thản. Nàng thấy tuy thế, Mộc-Lan vẫn thấp, bé, hơn mình và, dầu sao, nàng vẫn thấy nàng đáng là bề chị. Nàng rất đổi mừng là vì Mộc-Lan là người duy nhất để nàng có thể đem hết những nỗi u ất ở trong thâm tâm mà bộc lộ. Với lại, phải có Mộc-Lan ở bên mình, nàng mới thấy là nàng không bị trơ trọi ở giữa cái thế giới tân kỳ, bí hiểm là cái đất thần kinh này. Phải, Mộc-Lan là cả một nguồn lực lượng và an ủi của nàng, vậy. Nàng nói : « Kể ra, em ạ, chúng ta trông đợi nhau bao nhiêu là lâu, ấy thế mà, không ngờ chúng ta lại được cùng nhau xum họp trong một trường hợp thật là đặc biệt ... »

Mộc-Lan không đáp mà vội hỏi : « Thế anh Bân-a, hiện giờ ra sao ? »

Man-Ni đỏ bừng mặt lên và ngượng nghịu đáp : « Sáng sớm hôm nay, thân mẫu chị có sai Tiểu-Lạc đi hỏi thăm Bân-Kha, thì nó về nó nói anh ấy ngủ yên cả đêm và xem chừng khá lắm !... »

« Ủi chà ! Chị không biết trong tuần lễ trước đây, chúng tôi sợ quá... Bân-Kha đã làm cho cả nhà hết cả hồn, cả vía !... à mà, chị đã gặp mặt anh ấy rồi chứ ? »

KHỎI LỬA KINH THÀNH

Mộc-Lan hỏi Man-Ni như vậy, nhưng Man-Ni cứ vờ đi như là không nghe thấy, vì cứ hễ ai nói động đến Bân-A là nàng ngượng, nàng xấu hổ.

« Đây chị ạ, chúng ta cùng nhau đi thăm anh ấy đi, chị ạ ? » Mộc-Lan nói tiếp thế,

« Có lẽ đối với việc đó, Mộc-Lan nên hỏi Tăng-thái-thái xem... chứ, cái địa vị của Man-Ni thực là khó khăn quá. Không phải bất cứ lúc nào Man-Ni cũng đi thăm Bân-Kha được đâu... Nếu có điều gì không hợp lẽ, rồi người nhà họ dị nghị, họ đàm tiếu ! »

Quế-Cô vừa bước vào, vừa nói : « Mộc-Lan ơi ! Đây nhà, Man-Ni của Mộc-Lan đã lên với em đây nhà cô chắc em vờ được mặt trăng ở trên trời rớt xuống em cũng không thích bằng đây nhỉ ? »

Man-Ni và Mộc-Lan, lúc ấy mới buông tay nhau ra.

Mộc-Lan nói : « Thưa cô, để đợi một lát nữa, em muốn đi thăm Bân-Kha, Man-Ni có thể cùng đi với em, được không, thưa cô?... Em tưởng Man-Ni đường xa, dặm thẳng, lên tới đây, cô cũng nên cho hai người gặp nhau luôn luôn chứ ! »

Thoạt đầu tiên, Quế-Cô chưa hội ý hẳn được lời yêu cầu của Mộc-Lan ; mãi tới lúc Quế-Cô hiểu rõ ra, thì cứ lẩn ra cười, cười lấy, cười để, cười sặc sụa, mà làm cho cả hai cô cứ đờ người ra, và dậm ra hết sức quần.

« Khổ quá đi mất, Mộc-Lan à, Man-Ni có nói Man-Ni chưa từng đi thăm Bân-Kha đâu, Mộc-Lan làm Quế-Cô ngộ nhận nên mới cười dữ như vậy ».

Mộc-Lan mới quay nhìn Man-Ni bằng con mắt hoài nghi ; sau, mới nói :

« Nghĩa là... hai anh, chị, đã gặp mặt nhau rồi, chứ gì ? » Mộc-Lan vừa cười, vừa bảo với Man-Ni như thế ; xong, cô quay lại hỏi Quế-Cô : « Thưa cô, thế bây giờ, cả hai chúng em cùng đi thăm Bân-Kha được chứ ? »

« Được lắm chứ ! Sao lại không được kia chứ ? Nhưng, các em hãy thư thả, để cô đi, cô thưa qua với thái thái xem đã, ngay bây giờ cô đi đây, vì thái thái có bảo cô đi mời thân mẫu của Man-Ni lên đề thương lượng mọi việc ».

Mộc-Lan đợi cho Quế-Cô đi xa, rồi mới hỏi Man-Ni rằng :

— Tăng-thái-thái với thân mẫu chị định thương lượng điều gì, đấy nhỉ ? »

Nhân đó, Man-Ni đem đầu đuôi tất cả câu chuyện « xung hỉ » mà Tăng phu nhân đã dự định và đã nói cho Man-Ni nghe, cùng là bệnh trạng của Bân-A, sự vui mừng, phấn phát của Bân-A, khi Man-Ni tới thăm cậu hồi tối hôm qua ; nhưng nàng không nhắc lại cái cảnh động nhân đã xảy đến giữa nàng và người yêu của nàng. Sau nàng lại kể cả cái cuộc tương kiến với Khâm-A và Tân-A, cùng sự « tác kịch » của Tân-A... Nàng cũng không quên nói tới sự tận tâm và công lao của Tuyết-Hoa.

Nghe rõ đầu đuôi, Mộc-Lan liền rí tai bảo với Man-Ni rằng : « Em nghe chừng như bọn bợc dịch bàn tán và nói xa xôi rằng Tuyết-Hoa có ý muốn, sau này, làm di thái thái của Bân-A... »

Ấy thế, rồi Man-Ni lại kể cho Mộc-Lan nghe cái giấc mộng của nàng và nàng nói, cái cô hắc y nữ, nhất định là Mộc-

Lan. Mộc-Lan rất đổi kinh ngạc và phân vân nghĩ ngợi, không hiểu thấu được ý nghĩa của giấc mơ kỳ kỳ, quái quái đó.

Man-Ni nói : « Thiết tình, trong hai mươi bốn giờ đồng hồ, vừa qua, tất cả những việc Man-Ni đã tao ngộ thì có khác gì một giấc mộng... »

Hai cô, tay cầm tay, dắt nhau đến trước pho tượng của đức Quan-thế-âm và lẳng lặng chiêm ngưỡng cái vẻ ngọc khiết, băng thanh, nó tỏa chiếu ra chung quanh Ngai.

Man-Ni nói : « Mộc-Lan ạ, từ lúc Man-Ni trông thấy pho thần tượng này, Man-Ni như bị ám thị và Man-Ni tự nhận thấy ở Ngai một cái lực lượng đại từ, đại bi... và [Man-Ni thấy tâm tâm, niệm niệm, cầu xin ở Ngai sự cứu khổ, cứu nạn !... »

Mộc-Lan nói : « Pho tượng này do lò sứ của tỉnh Phúc-kien chế tạo ra từ đời nhà Minh, kia đây... thiết là một bảo vật rất hiếm... »

Mộc-Lan suy nghĩ một hồi lâu, rồi bảo với Man-Ni : « Chị nghĩ rất đúng ! Ở đây kia, sẵn có một cái bát hương, chị em chúng mình phải thực hành ngay sự phân hương để chiêm bái Ngai... » Cô nói xong, đi gọi người nhà bảo lấy hương lên, rồi hai cô khiêng pho tượng sứ với cả cái kỷ, để lên trên cái bàn ở phía vách, dâng hương tâu. Cái bát hương, thì đem đặt ở dưới chân pho tượng. Người nhà đem hương lên, hai cô cầm lấy và bảo họ đi xuống nhà dưới.

Mộc-Lan nói : « Mấy năm, trước đây, hai chị em mình chỉ ước thệ với nhau, chứ chưa hề cầu thần Phật chứng giám,

vậy, đây là một dịp để chúng mình cử hành cái lễ tuyên thệ một cách đúng với nghi thức hơn, Man-Ni nghĩ sao ? »

Man-Ni hết sức tán thành. Hai cô liền thắp hương, chia mỗi người ba cây, rồi đến trước Phật tòa làm lễ tam bái. Xong, hai cô cầm hương lên bình, rồi nắm tay nhau, tuyên thệ, kết làm chị em, suốt đời, sẽ trung thành với nhau và hoạn nạn có nhau. Riêng, Man-Ni khẩn thềm, cầu đức Quan-âm chân cứu Bản-A, đề cựa tai qua, nạn khỏi, lành mạnh như xưa... cùng là xin Ngai ban hạnh phúc cho tương lai.

Một lát sau, Phụng-Nhi dắt Ái-Liên lên, nói Bản-A đương thay quần áo, mấy phút nữa, hãy mời hai cô đi thăm cậ.

Ái-Liên mau miệng, mách lẻo rằng : « Em nghe thấy má em với bá mẫu bảo, đương sửa soạn đám cưới của chị Man-Ni... mà không biết có nên đợi tổ mẫu lai kinh, hãy cử hành hay không?... »

« Ô ! chóng quá nhỉ ! » Mộc-Lan vừa nói thế, vừa quay lại chúc mừng Man-Ni, nhưng Man-Ni chỉ yên lặng chẳng nói, chẳng rằng gì hết.



Thế rồi, hai cô đi thăm Bản-A. Đối với Man-Ni, cảnh tượng đã biến đổi hẳn. Nhờ ở cái ánh đèn, gian buồng hồi đêm hôm trước có vẻ phong quang và các vật không đến nỗi như bây giờ. Ánh sáng của ban ngày đã bộc lộ tất cả cái màu da xanh xám của Bản-A. Trông cậ rất đổi tiêu tụy. Cậ thở khó khăn, tiếng nói thì yếu ớt, nhời nói luôn luôn đứt đoạn, hai bàn tay và các ngón tay gầy guộc, da thịt dán dính vào xương !

KHOÍ LỬA KINH THÀNH

Mộc-Lan hỏi hiện thời cậu uống thuốc gì? Tuyết-Hoa trả lời vẫn cái đơn cũ, nhưng, đã thay hai vị, là đại hoàng và tiêu thạch, mà đại hoàng phải ngâm rượu trước. Chị nói thêm rằng, vì tuần lễ vừa qua, cậu sốt dữ và luôn luôn nói mê, nói sảng, nên thái y mới đổi vị.

Khi hai cô bước ra khỏi phòng, thì Tuyết-Hoa nói với Mộc-Lan rằng hình như hôn kỳ đã định và lễ cưới sẽ cử hành ngay, bởi thế, cái tin mừng này đã truyền lan, và tất cả người nhà, ai cũng biết, cũng nói tới. Man-Ni vẫn điềm nhiên, trấn tĩnh, y như nàng đã chuẩn bị và có lẽ sẵn sàng để hoan nghinh cái tin đó.

Tuyết-Hoa đoán đã, nói với Man-Ni: «Thưa Tôn tiểu thư, em xin cung bệ tiểu thư!... Như vậy, thiếu gia sẽ được thêm một người để phục thị... em nghe nói, đâu chỉ trong một hai hôm nữa thôi!»

Phượng-Nhi nói góp vào: «Con có nghe thái thái bảo, từ nay tới ngày làm lễ cưới, Tôn tiểu thư sẽ không đến thăm thiếu gia nữa đâu».

Mộc-Lan không lên chào Tăng thái thái vì cô biết Tăng thái thái đương bận rộn về việc đám cưới, nên cô cùng Man-Ni đi thẳng về phòng của Man-Ni. Phượng-Nhi đã dắt Ái-Liên đi khỏi.

Man-Ni hỏi Mộc-Lan: «Mộc-Lan à! Mộc-Lan xem bệnh trạng của Bản-Khả ra sao? Tiêu thạch có phải là thứ thuốc dùng để chế thuốc súng ấy, phải không?»

«Đúng rồi». Mộc-Lan đáp, vì cô đã từng đàm luận với quan thái y về vị đó. «Hễ khi nào huyết dịch cực nhiệt,

thì có thể dùng vị đó để trị liệu, và khi nào chất độc tích tụ cứng rắn, tất phải lấy nó để đánh tan đi. Nó có một sức công phạt rất mạnh, nó có thể làm tiêu hóa cả kim, thạch kia mà, khi bị thực nhiệt thì nó có công dụng thanh huyết, nhưng, khi đã dùng tới nó, phải hết sức thận trọng, nếu không, nó có thể làm hại thân thể».

Man-Ni hết sức lo sợ vì cái vị vẫn dùng làm thuốc súng mà lại đem cho người bệnh uống, cô nói: «Sao lại làm như vậy nhỉ, nó độc như thế, mà lại đem cho uống, thiệt tôi không hiểu đây?»

Mộc-Lan đáp: «Nó độc thì độc thật, nhưng, tùy từng trường hợp, tỷ dụ trong thân thể có độc thì phải, dùng độc để trị độc, mới trừ được chất độc đi chứ; nó chỉ làm thương tổn tới thân thể, khi nào trong thân thể không có độc, mà lại đem dùng nó thôi.»

Trong khi hai cô đương hàn luận với nhau về thuốc thang thì thân mẫu của Man-Ni bước vào trong phòng, mặt có vẻ lo âu, tư lự.

Bà nói: «Man-Ni... Con ơi!...» Bà chỉ nói được có mấy tiếng đó rồi im bặt. Mộc-Lan e rằng mình có thể làm phương trở cho sự chuyện trò của hai mẫu nữ cô bạn, nên cô nói:

«Đề con xin phép, con lên chào kỳ mẫu con, và đề bà với chị nói chuyện». Nhưng Man-Ni không nghe, cứ nín. Mộc-Lan ngồi lại, và thưa với mẹ rằng:

«Thưa mẹ, Mộc-Lan cũng như một người thân muội của con, mẹ có điều gì muốn dạy, xin mẹ cứ nói...»

Tôn thái thái đề mắt ngấm nghĩa, hai cô nương ngồi kề nhau với một vẻ thân mật, thâm thiết, bà có cái cảm tưởng rằng con gái mình cũng cần phải có một người bạn lòng để cùng nhau chia sẻ nỗi vui buồn; và Mộc-Lan có thể là người giúp đỡ Man-Ni một tay; chính bà, đối với Tăng gia, bà cũng lại là người của bên nhà gái, nên bà không thể bàn với một người nào bên Tăng gia được, ấy cũng vì thế mà bà lo âu. Bà liền nói rất nhiều với Mộc-Lan, vì theo ý bà, Mộc-Lan cũng không khác gì con gái bà vậy. Bà nói: « Mộc-Lan ạ, Tăng gia có ý trong vài, ba, bữa nữa, sẽ cử hành hỷ sự, lấy cớ rằng hỷ sự có tính cách trấn áp được cái ma bệnh của Bản-A; một mặt nữa, Man-Ni có thể tùy tiện săn sóc Bản-A. Kề ra, Tăng gia đối với chúng tôi thiệt là hết dạ ân cần tử tế, chúng tôi nữ nào dám không y theo lời; tôi có nói với Tăng gia nên hỏi kỹ Man-Ni... Tăng cửu mẫu (tức là Tăng phu nhân) thì nói, nếu Man-Ni bằng lòng thì bà rất đổi cảm kích... Quế-Cô thì bảo nhất định Man-Ni nguyện ý, mà hôn lễ càng cử hành sớm được ngày nào, càng tốt cho Bản-A, ngày đó... Man-Ni ơi! đây là việc chung thân của con, hạnh phúc của con, tuy mẹ sinh ra con, nhưng cái mối lương duyên của con, mẹ để con tự ý quyết định lấy, chứ không khi nào mẹ nữ nài ép con, người ta, ép dầu, ép mỡ, chứ không ai nữ ép duyên!... Cha con, chẳng mai mất sớm đi, nay chỉ còn có mẹ, mẹ lại là nữ nhân mà, ở đây, đất khách, quê người, mẹ chỉ có một con, con có một mẹ, mẹ biết nhờ ai, cậy ai. hỏi ai, điều hơn, lẽ thiệt, để

khu sử bây giờ?... Mà một mình mẹ, mẹ phải đảm đương cả một cái trọng trách đó, mẹ thấy khó nghĩ quá, con ạ! »

Nói tới đó, bà liền tưởng tới ông chồng bà, bà không thể nào cảm được nước mắt nó cứ, giọt ngắn, giọt dài, nhỏ sa, bà phải lấy khăn để thấm những giọt lệ.

Man-Ni chỉ ngồi lặng yên, nghe mẹ nói, vì nàng đã rõ nên thưa với mẹ như thế nào. Nàng cũng không thấy mũi lòng mà khóc theo bà mẹ; nàng chẳng tri nghi mà thưa với mẹ, một cách giản tiện rằng:

« Thưa mẹ, mẹ định sao con xin nghe theo. » Câu đó đủ tỏ rõ nàng chỉ có ưng thuận mà thôi.

Mộc-Lan hỏi: « Thưa thế hôm nào cử sự, kia ạ? »

Tôn-thái-thái đáp: « Nghe đầu đến ngày kia, thì phải... »

« Chết chữa! Thế thì sửa soạn làm sao cho kịp, kia ạ? »

— Kề ra, làm gì chẳng kịp; điều trước nhất là công việc không phải theo thường lệ; lúc đầu, ông bà Tăng có ý muốn đợi Tăng-tô-mẫu, nhưng, ít ra cũng phải một tuần lễ nữa, cụ mới tới Kinh được; bởi vậy, ông bà Tăng quyết định cứ lo liệu ngay, cho xong đi... Điều thứ hai là sẽ không thông tri gì với bằng hữu, thân thích; sẽ không bày hỷ tửu yến khách gì hết; vả, ở đây chúng tôi cũng là khách đối với Tăng-phủ; vậy nên các việc đều do Tăng-thái-thái trừ bị tất cả... Với một đại gia, môn thế, như vậy, tiền sẵn, gia nhân đông, thì có khó

khăn gì, hờ có?... Còn như tôi bây giờ, tôi chẳng có bụng dạ, tâm não, đề nghị một điều gì, hay làm một việc gì, l...

Mộc-Lan, [trong khi lắng tai nghe thăm mẩu của Man-Ni nói, thì cô suy nghĩ, nên khi bà nói xong, cô liền thưa :

« Thưa bá, con có một ý kiến, con xin thưa, bá nghe xem có phải hay không?... Thưa bá, kết hôn là một hỷ sự, không thể quá cầu thả được; cho dẫu, muốn tiếp diệp, tỉnh giảm, đến đâu đi chẳng nữa, cái tính chất uy nghi, long trọng nhất định, vẫn phải giữ; con thiển nghĩ, chẳng lẽ đem chị con đặt lên cái kiệu hoa, rồi đưa từ gian nhà này, sang gian nhà kia, trong các công quán này mà coi được! Với lại, trước khi xuất giá, cứ theo nghi thức, không thể để tân nương ở cùng nhà, với bên nhà chồng được, như thế còn đâu là trọng thể... Thưa bá, cũng là tức trái, tiền duyên diu diu, mà hai chị em con gặp nhau, rồi thương yêu nhau, thế thời, Man-Ni tức là thân tỷ của con, con muốn xin bá cho chị con sang ở bên nhà con mấy ngày, trước khi bên Tăng-gia sang rước dâu... Xin bá đừng ngại con đã đem cái ý kiến này thưa với ba má con, ba má con, không những đã ưng thuận, mà còn rất đổi hoan hỷ là đằng khác nữa... Vâng, thế thì, bá và chị con, đều sang cả bên nhà con, rồi hôn lễ sẽ cử hành tự nhà con; nếu bá không hiềm nhà con bề lậu mà chấp thuận lời thỉnh cầu của con, con về, con thưa lại, thì, ngay chiều nay, ba má con sẽ cho sang đón bá và chị con?... »

Thân-mẫu Man-Ni hết đổi cảm kích về tấm nhiệt tình của Mộc-Lan và của song thân cô, bà liền bảo con : « Man-Ni, đấy, con xem, hai bác ở bên nhà và Mộc-Lan, thiệt là hết lòng thương mẹ con ta l...

Man-Ni nói : « Vâng, vâng, thưa mẹ, cái tấm thịnh tình ấy làm cho con rất đổi hối hận là từ khi lên đây, con không dắt mẹ sang bên Diêu-phủ để bái kiến, bây giờ lại đi làm phiền nhiều Diêu-phủ như vậy, con lấy làm ân hận quá... Muội-muội ạ, chính ra, Man-Ni chỉ được bái kiến tôn đại nhân có mỗi một lần ở Sơn-Đông, thế thôi... »

Mộc-Man Vội ngắt lời nàng mà nói : « Ý thôi, Man-Ni cứ nghĩ lan man ra các chuyện, làm gì l... Man-Ni đương ở trong một cảnh nghịch thường, không ai nữ chấp trách điều gì đâu... ấy, chính lúc này, con em Mạc-Sầu nó cũng cứ nằng nặc đòi đi theo sang đây, nhưng em bảo, thế nào chiều nay cũng mời cho bằng được, bá và chị sang đằng nhà, kia mà... » Nói xong, cô lại tiếp : « Vâng, thôi thế là bá đã ưng chuẩn rồi đấy ạ... Con muốn được chị em hủ hí với nhau mấy đêm, cho thỏa dạ khát khao, trước khi chị con về nhà chồng... Con dám cam quyết rằng Tăng-bá-mẫu cũng sẽ tán thành cái chủ ý này, nó vừa đẹp đẽ, gọn gàng, lại đúng được cả nghi thức, lại được hết đổi trọng sự thể... mà kỳ thực, cũng chẳng còn cách nào tốt hơn nữa, có phải không, thưa bá... Vả lại, bên nhà con, với bên Tăng-phủ bên này, thì, đã từ lâu, hai nhà cũng như một ấy, thế mà, cái hôn sự này sẽ cử

hành một cách thân mật, lại không phô trương một tí nào cả, thì chẳng còn có gì là phương trở, là phải e ngại... mà cho có e ngại thì chỉ e ngại bên Diêu-gia bắt cóc mất cô dâu, hay đem cô dâu đi giấu biệt ở một nơi nào!... » Cô phá lên cười ròn như nắc nẻ, làm cho hai mẫu nữ, đương ưu tư, cũng phải tươi tỉnh mà nở một nụ cười, theo cô.

« Má ạ, má xem, cô em của con, cô ấy khéo nói, biết chừng nào? »

Tôn-thái-thái đáp: « Mộc-Lan thì còn phải kể!... Rồi đây, chẳng biết, cái

anh chàng Tân-A, liệu có nói kịp mồm vợ không? ! »

Mộc-Lan đỡ ửng hai má, Cô vội đánh trống lảng, tạ sự đi lên thừa đầu đuôi các việc đã dự liệu, để Tăng-phu-nhân nghe. Cố nhiên là Tăng-phu-nhân biểu đồng tình và rất đổi hoan nghinh cái ý kiến vuông tròn đủ mọi vẻ đó. Rồi Mộc-Lan cáo biệt về, sau khi ước hẹn chiều hôm đó, sẽ lại sang đón Man-Ni và thân mẫu nàng.

HẾT CHƯƠNG VIII

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

PHIM HAY NHẤT TRONG NĂM



LES FRÈRES
KARAMAZOV

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT

Cuốn phim dài 3
tiếng đồng hồ. —
Cấm trẻ em dưới
16 tuổi



YUL BRYNNER và MARIA SCHELL



VAPP

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

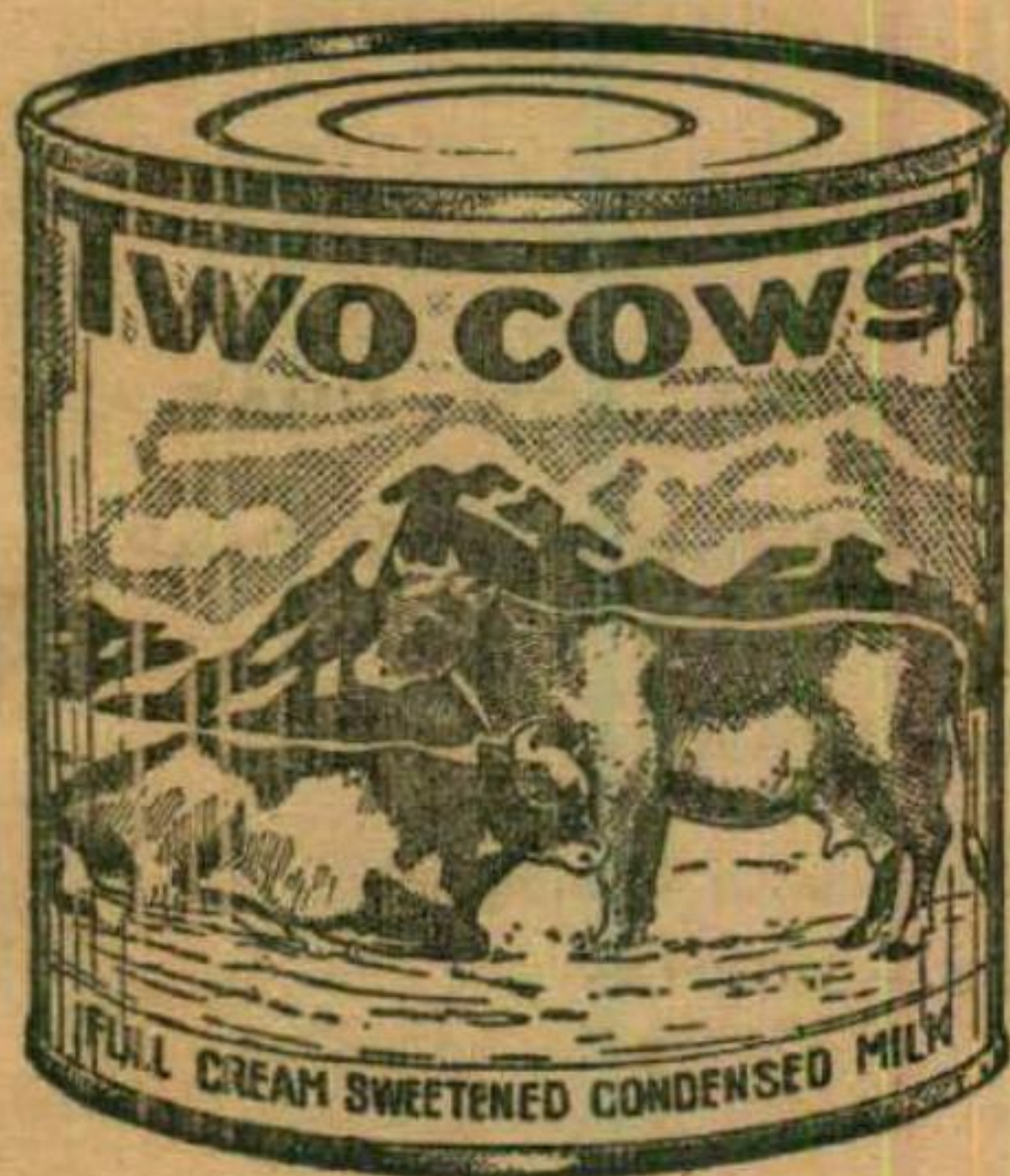
9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

SỮA ((**HAI CON BÒ**))

Được

Viện PASTEUR
SAIGON



chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bổ cho trẻ em dùng

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐÀM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

ໂທລະສັບ

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique « Week end à ANGKOR »
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOUANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUONG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET	Tous les Lundis, Vendredis
— SAMNEUA	Tous les Mardis, Jeudis, Samedis

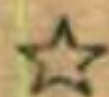


MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT
(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.
Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

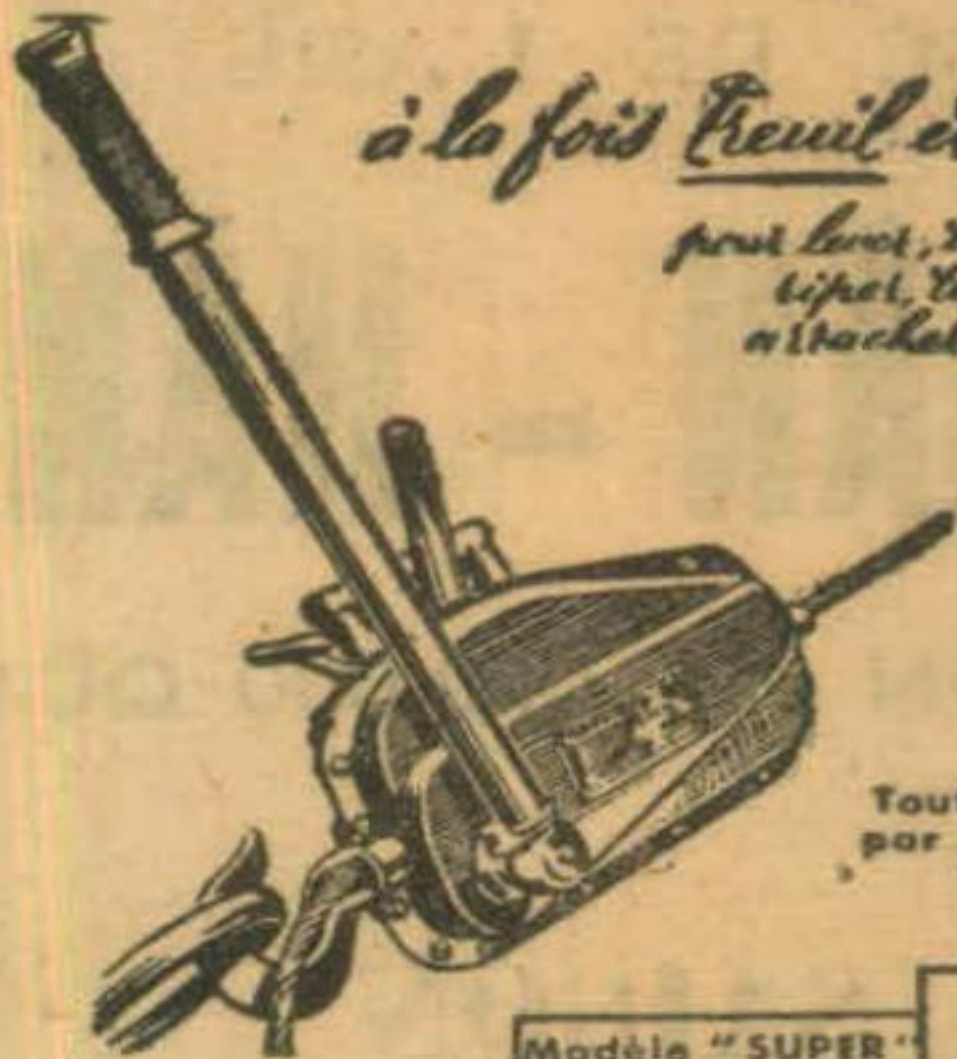


Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



à la fois freuil et palan!

*pour levée, tirée
légère, tendue
attachée...*

Toutes forces
par mouillage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B. S. G. D. G.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

Tirfor rend
1000 services!
Demandez-nous 46
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam



THE BLUE BIRD

Đừng Hộp Quẹt là kinh-tế Quốc-Gia

phụng-sự nên

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Card 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac

*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



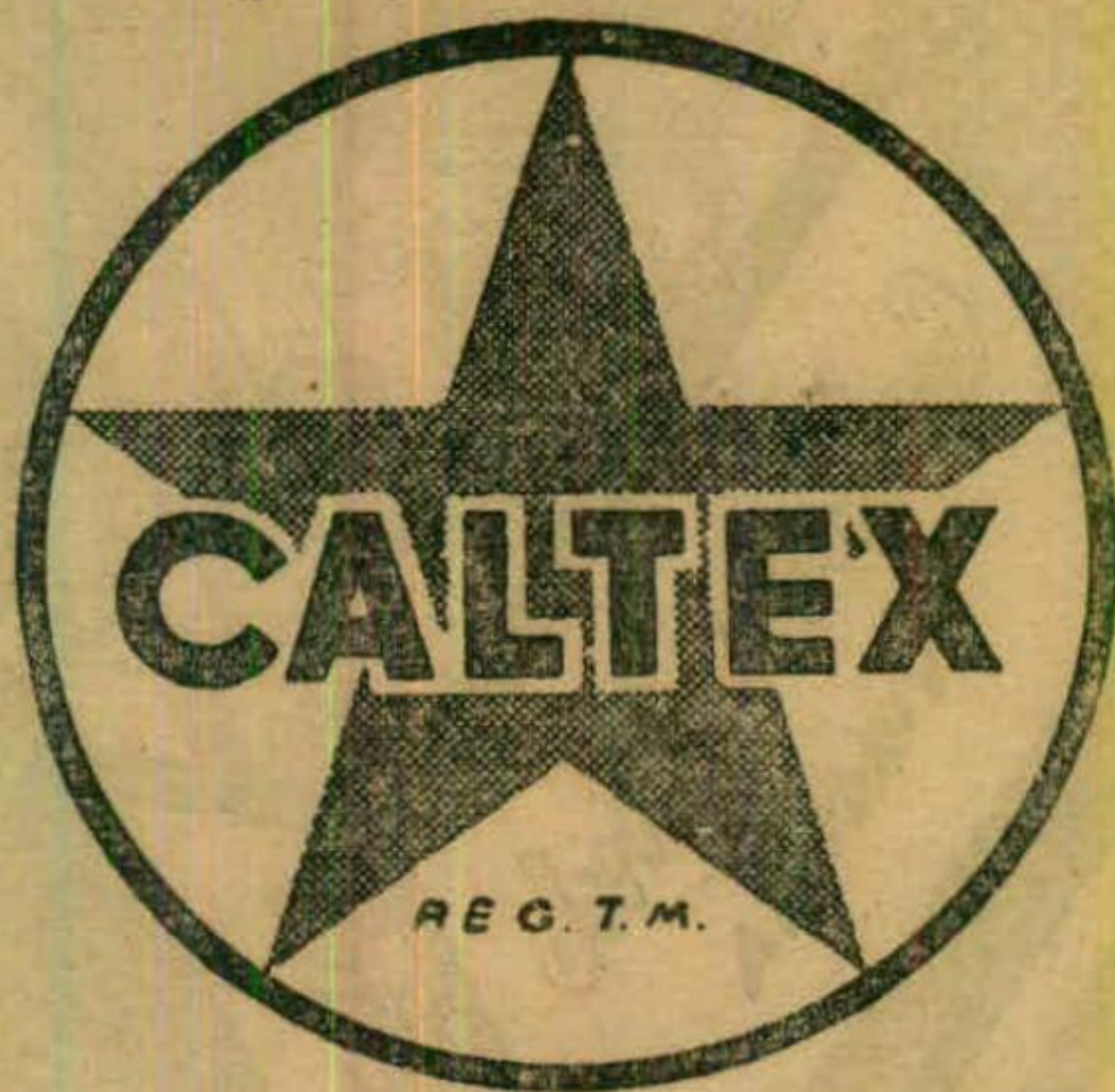
Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



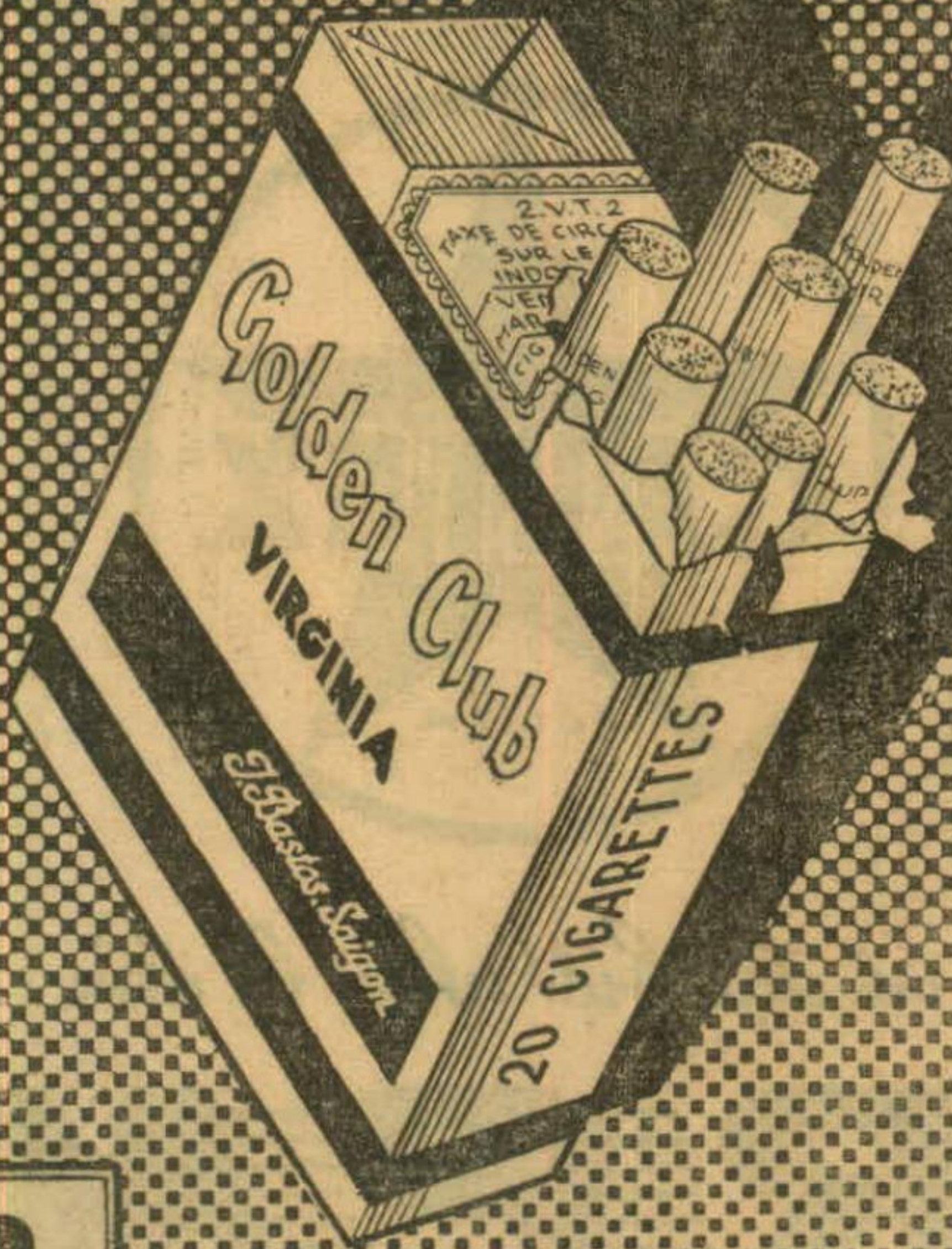
và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА
ВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОАВАСНKHОА

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00